

PHẨM PHẠM HẠNH

Thứ hai mươi

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát Ma Ha Tát tu phạm hạnh như thế nào ? Bồ Tát Ma Ha Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn, trụ bảy pháp lành thời phạm hạnh đầy đủ.

Bảy pháp lành là : Một là biết pháp, hai là biết nghĩa, ba là biết giờ, bốn là biết tri túc, năm là biết mình, sáu là biết chúng, bảy là biết tôn ty.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết pháp. Này Thiện nam tử ! Bồ Tát này biết mười hai bộ kinh, tức là Tu Đa La, Kỳ Dạ, Thọ Ký, Đà Đà, Ưu Đà Na, Ni Đà Na, A Ba Đà Na, Y Đế Mục Đà Na, Xà Đà Đà, Tỳ Phật Lược A Phù Đà Đạt Ma, Ưu Bà Đề Xá.

Đây là kệ kinh Tu Đa La : Từ "Nur thị ngã văn nhân đến câu hoan hỷ phụng hành" tất cả như

vậy gọi là Tu Đa La kinh (Trường hàng). Đây là Kỳ Dạ : Phật bảo các Tỳ Kheo ngày xưa ta cùng các ông ngu si không trí huệ, chẳng thể thấy bốn chơn đế đúng như thật, nên lưu chuyển mãi trong biển khổ sanh tử. Bốn chơn đế là : Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế.

Ngày xưa đức Phật vì các Tỳ Kheo nói khế kinh xong lại có hàng chúng sanh căn trí sáng tỏ, vì muốn nghe pháp nên đến chỗ Phật hỏi mọi người rằng : Đức Như Lai vừa rồi nói những việc gì ? Lúc đó Phật vì hàng chúng sanh ấy đem kinh vừa giảng nói thành kệ tụng :

Ta xưa cùng các ông
 Chẳng thấy bốn chơn đế,
 Nên phải lưu chuyển mãi
 Trong biển khổ sanh tử.
 Nếu thấy được bốn đế
 Thời dứt đặng sanh tử.
 Sanh tử đã hết rồi
 Chẳng còn thọ thân nữa.

Kệ tụng trên đây gọi là Kỳ Dạ kinh (Trùng tụng).

Những gì gọi là Thọ Ký ? Như có lúc đức Như Lai nói kinh hay luật, vì các hàng trời hay người mà thọ ký sẽ làm Phật. Như nói : "Đời sau có vua hiệu là Nhưong Khư, ông A Dật Đa sẽ ở cõi này thành

bực chánh giác hiệu là Di Lạc Phật". Đây gọi là Thọ Ký kinh.

Những gì gọi là Đà Đà ? Trừ trường hàng và các giới luật, ngoài ra những bài kệ bốn câu như :

Các điều ác chớ làm
Phụng hành những điều lành,
Lóng sạch tâm ý mình,
Là lời dạy của Phật.

Trên đây gọi là Đà Đà kinh (kệ Cô khởi).

Những gì gọi là Ưu Đà Na ? Như đức Phật lúc xế chiều nhập thiền định, vì chư Thiên giảng rộng các pháp yếu. Lúc đó các Tỳ Kheo đều nghĩ rằng : Giờ đây đức Như Lai đang làm việc gì ?

Sáng ngày sau, đức Như Lai xuất định, không ai hỏi, dùng tha tâm trí mà tự nói rằng : Này các Tỳ Kheo ! Tất cả chư Thiên thọ mạng rất dài. Lành thay ! Các Tỳ Kheo biết vì người, chẳng cầu tư lợi, biết thiếu dục, biết tri túc, được tịch tịnh.

Những kinh như trên đây không ai hỏi đức Phật tự giảng nói đó gọi là Ưu Đà Na kinh (Tự thuyết).

Những gì là Ni Đà Na ? Như trong các kinh do Nhơn duyên Phật vì người khác diễn nói. Lệ như : Trong nước Xá Vệ có một chàng trai giăng lưới bắt chim, bắt đặng chim nhốt trong lồng, cho ăn lúa uống nước rồi lại thả đi. Đức Thế Tôn biết Nhơn duyên đó mà nói kệ rằng :

Chớ khinh tội nhỏ
 Cho là không họa
 Giọt nước dẫu nhỏ
 Lăn đầy lu lớn.

Như trên đây gọi là Ni Đà Na kinh (Nhơn duyên).

Những gì là A Ba Đà Na ? Như những thí dụ trong luật nói.

Những gì là Y Đế Mục Đa Đà ! Lệ như đức Phật nói : Này các Tỳ Kheo ! Lúc ta xuất thế những điều ta dạy bảo gọi là giới kinh. Lúc đức Câu Lưu Tôn Phật xuất thế lời Phật dạy gọi là trống Cam Lồ. Lúc đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni xuất thế lời Phật dạy gọi Pháp cảnh.

Lúc đức Phật Ca Diếp xuất thế lời Phật dạy gọi là Phân biệt không.

Như trên đây gọi là Y Đế Mục Đa Đà kinh (Bổn sự).

Những gì là Xà Đà Đà ? Lệ như đức Phật xưa kia làm vị Bồ Tát tu khổ hạnh. Như Phật nói : Này các Tỳ Kheo ! Thuở quá khứ ta từng làm nai, làm gấu, làm cheo, làm thỏ, làm quốc vương, làm Chuyển Luân Thánh Vương, làm rồng, làm kim sủy điều v.v... Như trên đây gọi là Xà Đà Đà kinh (Bổn sanh).

Những gì là Tỳ Phật Lược ? Tức là những kinh điển thuộc về Đại thừa Phương Đẳng nghĩa lý rộng lớn dường như hư không (Phương quảng).

Những gì là Vị Tăng Hữu ? Lệ như lúc đức Bồ Tát mới sanh không ai đỡ dắt mà tự đi bảy bước, phóng quang minh lớn ngó khắp mười phương. Lệ như con vượn tay bưng bát mật dâng cúng đức Như Lai. Lệ như chó cỏ trắng đến bên Phật nghe pháp. Lệ như ma vương Ba Tuần biến làm trâu xanh đi trong bát sành, làm cho các bát sành đụng chạm lẫn nhau mà không nứt bể. Lệ như Phật lúc mới sanh lúc vào thiên miếu làm cho thiên tượng đứng dậy bước xuống đánh lễ.

Những đoạn kinh như trên đây gọi là Vị Tăng Hữu kinh.

Những gì là Ưu Ba Đề Xá ? Lệ như đức Phật lúc nói kinh hoặc luận nghĩa cùng phân biệt giảng rộng biện luận các tướng mạo, đây gọi là Ưu Ba Đề Xá kinh (Luận nghị).

(*) Bồ Tát nếu có thể rõ biết mười hai bộ kinh như vậy thời gọi là biết pháp.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết nghĩa ? Nếu Bồ Tát ở nơi tất cả văn tự ngữ ngôn biết rộng những ý nghĩa thời gọi là biết nghĩa.

Bồ Tát Ma Ha Tát thế nào là biết giờ ? Bồ Tát khéo biết trong những giờ như vậy có thể tu tịch tịnh, trong những giờ như vậy có thể tu tinh tấn, trong những giờ như vậy có thể tu xả định, trong

(*) Hán bộ quyển thứ 15

những giờ như vậy có thể cúng dường Phật, trong những giờ như vậy có thể cúng dường Sư trưởng, trong những giờ như vậy có thể tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đầy đủ Bát nhã Ba la mật. Như trên đây gọi là biết giờ.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là tri túc ?

Bồ Tát biết đủ đối với những việc dưới đây : Uống ăn, y phục, thuốc men, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói, nín. Như trên đây gọi là tri túc.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết mình ? Vì Bồ Tát này tự biết rằng ta có đức tin như vậy, có giới như vậy, có đa văn như vậy, có xả như vậy, có huệ như vậy, có đi đến như vậy, có chánh niệm như vậy, có hạnh lành như vậy, hỏi như vậy, đáp như vậy. Như trên đây gọi là biết mình.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết người ? Bồ Tát này biết những người đây là hàng Sát Đế Lợi, là hàng Bà La Môn, là hàng Cư sĩ, là hàng Sa môn. Nên ở trong chúng này đi đến như vậy, ngồi đứng như vậy, thuyết pháp như vậy, hỏi đáp như vậy. Như trên đây gọi là biết người.

Bồ Tát Ma Ha Tát thế nào gọi là biết người bực tôn bực ty ? Người có hai hạng : Một là có tín tâm, hai là chẳng có tín tâm. Bồ Tát phải biết người có tín tâm thời là người lành, người chẳng có tín tâm thời chẳng gọi là người lành.

Người có tín tâm lại có hai hạng : Một là người thường đến chùa chiền, hai là người chẳng đến chùa. Bồ Tát phải biết người đến chùa là lành, người chẳng đến chùa thời chẳng gọi là lành.

Người đến chùa lại có hai hạng : Một là lễ bái, hai là chẳng lễ bái, Bồ Tát phải biết người lễ bái là lành, người chẳng lễ bái thời chẳng gọi là lành.

Người lễ bái lại có hai hạng : Một là nghe pháp, hai là chẳng nghe pháp. Bồ Tát phải biết người nghe pháp là lành. Người chẳng nghe pháp thời chẳng gọi là lành.

Người nghe pháp lại có hai hạng : Một là hết lòng lắng nghe, hai là chẳng hết lòng. Bồ Tát phải biết người hết lòng nghe thời gọi là lành, người chẳng hết lòng nghe thời chẳng gọi là lành.

Hết lòng nghe pháp lại có hai hạng : Một là suy gẫm ý nghĩa, hai là chẳng suy gẫm ý nghĩa. Bồ Tát phải biết người gẫm nghĩa là lành, người chẳng gẫm nghĩa thời chẳng gọi là lành.

Người gẫm nghĩa lại có hai hạng : Một là đúng như lời nói thật hành, hai là chẳng thật hành đúng như lời nói. Người thật hành gọi là lành, người chẳng thật hành thời chẳng gọi là lành.

Thật hành đúng như lời nói lại có hai hạng : Một là cầu quả Thanh Văn chẳng có thể lợi ích an lạc tất cả chúng sanh khổ não, hai là hồi hướng Đại

thừa Vô thượng, lợi ích mọi người làm cho đặng an lạc. Bồ Tát phải biết lợi ích mọi người làm cho đặng an lạc là điều lành vô thượng.

Này Thiện nam tử ! Như trong các châu báu, như ý bảo châu tốt đẹp hơn tất cả. Như trong các mùi vị, chất cam lồ là hơn hết. Bồ Tát này ở nơi trong hàng trời người là bậc hơn tất cả không gì ví dụ được.

Như trên đây gọi là bậc đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn an trụ nơi bảy pháp lành. Bồ Tát trụ nơi bảy pháp lành này thời đặng đầy đủ phạm hạnh.

Này Thiện nam tử ! Lại có phạm hạnh gọi là từ, bi, hỷ, xả.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu người tu hạnh từ có thể dứt sân khuể. Người tu lòng bi cũng dứt được sân khuể. Sao lại nói là bốn tâm vô lượng. Xét theo nghĩa đó thời lẽ ra chỉ có ba.

Thế Tôn ! Lòng từ có ba duyên : Một là duyên chúng sanh, hai là duyên nơi pháp, ba thời duyên không. Lòng bi, hỷ, xả, cũng ba duyên như vậy, nếu theo nghĩa này thời lẽ ra chỉ có ba chẳng nên có bốn :

Duyên chúng sanh là duyên nơi thân ngũ ấm nguyện cho họ được vui. Duyên nơi pháp là những vật chúng sanh cần dùng đem ban cho họ. Không duyên tức là duyên nơi Như Lai.

Lòng từ thời phần nhiều duyên nơi chúng sanh nghèo cùng. Đức Như Lai Đại Sư lia hẳn sự nghèo cùng hưởng sự vui đặng nhưt. Nếu duyên chúng sanh thời chẳng duyên nơi Phật, Pháp cũng như vậy, vì do nghĩa này nên duyên Như Lai gọi là không duyên.

Thế Tôn ! Lòng từ duyên tất cả chúng sanh, như duyên cha mẹ, vợ con, thân thuộc. Do nghĩa này nên gọi là chúng sanh duyên.

Pháp duyên là chẳng thấy cha mẹ, vợ con, thân thuộc. Thấy tất cả pháp đều từ nơi duyên sanh ra. Đây gọi là Pháp duyên.

Vô duyên là chẳng trụ nơi pháp tướng và chúng sanh tướng.

Từ, bi, hỷ, xả, đều duyên như vậy, vì thế nên lẽ ra chỉ có ba chẳng nên có bốn.

Thế Tôn ! Người có hai hạng : một là kiến hành, hai là ái hành. Người kiến hành nhiều tu từ bi, người ái hành nhiều tu hỷ xả. Vì thế nên đáng lẽ có hai chẳng nên có bốn.

Thế Tôn ! Luận về vô lượng gọi là vô biên. Vì chẳng thể được biên bờ nên gọi là vô lượng. Nếu là vô lượng thời lẽ ra nên có một chẳng nên nói là bốn.

Nếu nói là bốn đâu đặng vô lượng.

Vì thế là một chẳng nên là bốn vậy".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Chư Phật Như Lai vì mọi loài chúng sanh mà giảng nói pháp yếu. Lời của Phật bí mật khó hiểu biết được. Hoặc vì chúng sanh nói một nhơn duyên. Như nói những gì là một nhơn duyên, tức là tất cả pháp hữu vi.

Hoặc nói hai thứ là nhơn cùng quả.

Hoặc nói ba thứ là phiền não, nghiệp và khổ.

Hoặc nói bốn thứ là vô minh, hành, sanh và lão tử.

Hoặc nói năm thứ là thọ, ái, thủ, hữu và vô sanh.

Hoặc nói sáu thứ là nhơn quả ba đời.

Hoặc nói bảy thứ là thức, danh sắc, lục nhập, xúc thọ, ái và thủ. Hoặc nói tám thứ là trong mười hai nhơn duyên trừ vô minh, hành, sanh và lão tử.

Hoặc nói chín thứ như trong Thánh kinh nói mười hai nhơn duyên trừ vô minh, hành và thức.

Hoặc nói mười một thứ như trong kinh Tát Giá Ni Kiền Tử nói mười hai nhơn duyên trừ sanh.

Hoặc có lúc nói đủ cả mười hai nhơn duyên. Như nơi thành Vương Xá vì Ca Diếp v.v... nói vô minh dẫn đến sanh, lão, bệnh, tử.

Này Thiện nam tử ! Như một nhơn duyên vì chúng sanh nên phân biệt nhiều thứ, vô lượng tâm cũng như vậy

Này Thiện nam tử ! Vì do nghĩa này đối với hạnh thâm mật của Như Lai chẳng nên sanh nghi.

Đức Như Lai có phương tiện lớn : Vô thường nói là thường, thường nói là vô thường, nói vui là khổ, nói khổ là vui, bất tịnh nói là tịnh, tịnh nói là bất tịnh, ngã nói là vô ngã, vô ngã nói là ngã, nơi vô tình nói là hữu tình, nơi hữu tình nói là vô tình, chẳng phải vật nói là vật, vật nói là chẳng phải vật, chẳng phải thiết nói là thiết, thiết nói là chẳng phải thiết, chẳng phải cảnh nói là cảnh, cảnh nói là chẳng phải cảnh, chẳng phải sanh nói là sanh, sanh nói là chẳng phải sanh, nhân đến vô minh nói là minh, minh nói là vô minh, sắc nói là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc nói là sắc, chẳng phải đạo nói là đạo, đạo nói là chẳng phải đạo. Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai vì điều phục chúng sanh dùng vô lượng phương tiện như vậy há lại là hư vọng ư !

Hoặc có chúng sanh tham của cải, đối với người đó ta tự hóa thân mình làm vua Chuyển Luân, theo chỗ cần dùng của người đó cung cấp các thứ vật dụng trong nhiều năm, rồi sau giáo hóa nó cho nó được trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có chúng sanh tham đắm ngũ dục, trong nhiều năm ta đem ngũ dục cung cấp nó, rồi sau khuyến hóa, cho nó trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có chúng sanh sang giàu, thời ta trong nhiều năm vì người đó mà làm tội tở hủ hạ cho người đó vừa lòng, rồi sau khuyến hóa người đó trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có chúng sanh cứng cõi tự thị cần có người can gián, thời ta trong nhiều năm can ngăn khuyên dạy, làm cho tâm người đó điều thuận rồi sau khuyến hóa người đó trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện nam tử, đức Như Lai trong vô lượng năm dùng mọi thứ phương tiện làm cho chúng sanh được trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy há lại hư vọng ư !

Chư Phật Như Lai đều ở trong chỗ ác nhưng như hoa sen không bị nhiễm ô.

Này Thiện nam tử ! Nên biết nghĩa của bốn tâm vô lượng cũng như vậy, tâm vô lượng này thể tánh có bốn. Nếu có người tu hành thời sanh lên cõi trời Đại Phạm.

Tâm vô lượng này có bốn loại, nên nói là bốn.

Luận về người tu lòng từ có thể dứt tham dục. Người tu lòng bi có thể dứt sân khuể. Người tu lòng hỷ có thể dứt sự chẳng vui. Người tu lòng xả có thể dứt tham dục và sân khuể.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên được gọi là bốn, chẳng phải một, hai, cũng chẳng phải ba.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông nói lòng từ có thể dứt được sân, lòng bi cũng như vậy nên nói là ba đó, ông chẳng nên nạn như vậy. Sân khuể có hai thứ : một là giết chết, hai là đánh đập. Tu lòng từ thời dứt được sự giận giết chết. Tu lòng bi thời dứt được sự giận đánh đập. Do nghĩa đó há lại chẳng phải là bốn ư !

Sân lại có hai thứ : Một là sân với chúng sanh, hai là sân với chẳng phải chúng sanh. Người tu lòng từ dứt được sự sân với chúng sanh. Người tu lòng bi dứt được sự sân với chẳng phải chúng sanh.

Sân lại có hai thứ : Một là có nhơn duyên, hai là không nhơn duyên.

Tu lòng từ dứt được sự sân có nhơn duyên. Tu lòng bi dứt được sự sân không nhơn duyên.

Sân lại có hai thứ : Một là tập quán quá khứ, hai là tập quán hiện tại. Tu lòng từ dứt được sân quá khứ. Tu lòng bi dứt được sân hiện tại.

Sân lại có hai thứ : Một là sân Thánh nhơn, hai là sân phàm phu. Tu lòng từ dứt được sân Thánh nhơn. Tu lòng bi dứt được sân phàm phu.

Sân lại có hai thứ : Một là thượng, hai là trung. Tu lòng từ dứt được sân hạng thượng. Tu lòng bi dứt được sân hạng trung.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên gọi là bốn, đâu đáng nạn rằng : Nên ba chẳng nên bốn. Thế

nên tâm vô lượng này loại của nó đối nhau phân biệt làm bốn.

Lại do vì căn khí nên thành bốn : Căn khí nếu có tâm từ thời chẳng đặng có tâm bi, hỷ, xả. Vì do nghĩa này nên phải là bốn không bớt được.

Này Thiện nam tử ! Do thật hành sai khác nên phải có bốn. Nếu lúc thật hành hạnh từ không có hạnh bi, hỷ, xả, vì thế nên có bốn.

Này Thiện nam tử ! Do vì vô lượng cũng đặng gọi là bốn. Luận về vô lượng thì có bốn thứ : Có tâm vô lượng có duyên chẳng tự tại, có tâm vô lượng tự tại chẳng phải duyên, có tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại, có tâm vô lượng chẳng phải duyên chẳng phải tự tại.

Thế nào là tâm vô lượng có duyên chẳng tự tại ? Duyên nơi vô lượng vô biên chúng sanh mà chẳng đặng chánh định tự tại, dầu đặng chánh định nhưng hoặc đặng hoặc mất.

Thế nào là tâm vô lượng tự tại chẳng phải duyên ? Như duyên cha mẹ, anh em, chị em, muốn làm cho được an vui, chẳng phải là duyên vô lượng.

Thế nào là tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại ? Tức là nói chư Phật, Bồ Tát.

Thế nào tâm vô lượng chẳng phải duyên chẳng tự tại ? Hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng có thể duyên rộng vô lượng chúng sanh cũng chẳng phải tự tại.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa đây nên gọi là bốn thứ vô lượng, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây là cảnh giới của chư Phật.

Bốn thứ vô lượng như vậy, hàng Thanh Văn, Duyên Giác đều gọi là vô lượng, nhưng chỉ chút ít không đáng kể. Chư Phật và Bồ Tát thời đặng gọi là vô lượng vô biên".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Phải lắm ! Phải lắm ! Thiệt đúng như lời dạy của Phật. Bao nhiêu cảnh giới của Như Lai, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết đến được. Thế Tôn ! Có Bồ Tát nào trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn đặng tâm từ bi mà chẳng phải là tâm đại từ đại bi chăng ?".

Phật nói : "Có. Này Thiện nam tử ! Bồ Tát nếu đôi trong hàng chúng sanh phân biệt ba hạng : Một là người thân yêu, hai là kẻ oán ghét, ba là người không thương không ghét. Đôi trong những người thương yêu lại chia ba hạng : Thượng, trung, hạ. Đôi với kẻ oán ghét cũng vậy. Vị Bồ Tát này ở trong hạng thương yêu bậc thượng ban cho sự vui tăng thượng. Nơi trong hạng thân yêu bậc trung, bậc hạ cũng bình đẳng ban cho sự vui tăng thượng. Ở nơi trong hạng oán ghét bậc thượng cho ít phần vui. Nơi trong kẻ oán ghét bậc trung cho sự vui vừa vừa. Nơi trong hạng oán ghét bậc hạ cho sự vui tăng thượng. Bồ Tát lần lượt tu tập thêm lên như vậy, ở trong hạng oán ghét bậc thượng ban cho sự vui vừa vừa, trong hạng oán ghét bậc trung,

bực hạ bình đẳng cho sự vui tăng thượng. Lại tu tập thêm nơi những kẻ oán ghét thượng, trung, hạ bình đẳng ban cho sự vui tăng thượng.

Nếu trong hạng oán ghét bực thượng ban cho sự vui tăng thượng, bấy giờ đặng gọi là thành tựu tâm từ.

Lúc bấy giờ Bồ Tát đối với cha mẹ và kẻ oán ghét bực thượng tâm được bình đẳng không sai khác.

Này Thiện nam tử ! Như trên đây gọi là đặng tâm từ chẳng phải tâm đại từ".

- Bạch Thế Tôn ! Do duyên gì Bồ Tát đặng tâm từ như vậy mà vẫn chẳng đặng gọi là đại từ ?

- Này Thiện nam tử ! Bởi vì khó thành nên chẳng gọi là Đại từ. Do trong vô lượng kiếp thuở quá khứ chứa nhiều phiền não chưa tu pháp lành, thế nên chẳng có thể ở nơi trong một ngày điều phục được tâm mình.

Này Thiện nam tử ! Ví như hột đậu đá lúc đã khô lấy dùi ghim trọn không dính được. Phiền não cứng rắn cũng như vậy. Dầu một ngày đêm nhiếp tâm chẳng tán, nhưng khó điều phục được.

Lại như chó nhà chẳng sợ người, còn con nai rừng thấy người sợ chạy. Sân khuê khó trừ như giữ chó nhà, lòng từ dễ mất như nai rừng kia. Thế nên tâm này khó điều phục được. Do nghĩa này nên chẳng gọi là Đại từ.

Này Thiện nam tử ! Ví như khắc trên đá lần chữ còn mãi. Vẽ trên nước thời chóng mất. Sân như khắc trên đá. Các căn lành như vẽ trên nước. Vì thế nên tâm này khó điều phục được.

Như đồng lửa lớn chói sáng được lâu. Ánh sáng của điện chớp thoạt có, liền mất. Sân như đồng lửa. Lòng từ như ánh sáng chớp. Vì thế nên tâm này khó điều phục được. Do vì nghĩa này nên chẳng gọi là đại từ.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát trụ bực Sơ địa gọi là đại từ. Tại sao vậy ? Vì người tốt hung ác gọi là nhứt xiển đề.

Bực Sơ địa Bồ Tát lúc tu Đại thừa nơi hạng nhứt xiển đề tâm không phân biệt chẳng thấy lỗi của họ nên chẳng sanh lòng sân. Do nghĩa này mà đặng gọi là đại từ.

Này Thiện nam tử ! Vì trừ những sự không lợi ích cho các chúng sanh, đây gọi là đại từ.

Muốn cho chúng sanh được vô lượng lợi ích an vui, đây gọi là đại bi.

Đối với các chúng sanh lòng vui mừng đây gọi là đại hỷ. Không thấy có chúng sanh được ủng hộ, đây gọi là đại xả.

Nếu chẳng thấy có ngã, pháp tướng, thân mình, thấy tất cả pháp đều bình đẳng không sai khác đây gọi là đại xả. Tự rời bỏ sự vui của mình mà đem ban cho người khác, đây gọi là đại xả.

Này Thiện nam tử ! Chỉ có bốn tâm vô lượng có thể làm cho Bồ Tát được đầy đủ sáu pháp Ba La Mật, những công hạnh khác chẳng quyết định được như vậy.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát trước đặng bốn tâm vô lượng thế gian, vậy sau mới phát tâm Vô thượng Bồ Đề, kế đó mới đặng tâm vô lượng xuất thế. Nhơn tâm vô lượng thế gian mà được tâm vô lượng xuất thế do vì nghĩa này nên gọi là đại vô lượng".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Trừ sự không lợi ích cùng sự lợi ích an vui thiết không còn có việc gì để làm. Suy nghĩ như vậy thời là hư vọng quan sát không có lợi ích thiết thiết.

Thế Tôn ! Ví như Tỳ Kheo lúc quán bất tịnh thấy y của mình đắp đều trở thành tướng da mà thiết chẳng phải là da. Những thức uống ăn đều thấy thành tướng dòi trùng mà thiết chẳng phải dòi trùng. Quán bát canh đậu thành tướng phân dãi mà thiết chẳng phải phân.

Quán dầu bơ đương ăn thấy như tủy óc mà thiết chẳng phải óc.

Quán xương nát bể đường như bột bún, mà thiết chẳng phải bột.

Cũng vậy, bốn tâm vô lượng chẳng có thể thiết thực đem sự lợi ích an vui cho chúng sanh. Dầu miệng nói rằng ban vui cho chúng sanh mà thiết

chúng sanh chẳng được vui. Tu quán như vậy chẳng phải là hư vọng ư !

Thế Tôn ! Nếu chẳng phải hư vọng mà thiệt ban cho sự vui, có sao chúng sanh chẳng nhờ oai lực của chư Phật Bồ Tát đặng hoàn toàn an vui tất cả.

Còn nếu quả là thiệt chẳng được an vui đó, như lời Phật nói : Ta nhớ thuở trước riêng tu tâm từ, trải qua bảy phen thành hoại của cõi này chẳng đến sanh trong nhơn gian, lúc thế giới thành sanh lên trời Phạm Thiên. Lúc thế giới hoại sanh lên trời Quang Âm. Khi sanh lên trời Phạm Thiên ta có oai thế tự tại tôn quý hơn hết trong ngàn cõi Phạm Thiên gọi là Đại Phạm Vương. Nếu các chúng sanh đối với ta đều tưởng là bực tôn thượng, thời được làm vua cõi trời Đao Lợi ba mươi sáu lần. Làm vua Chuyển Luân vô lượng trăm ngàn lần.

Riêng tu lòng từ bèn đặng phước báu cõi trời cõi người như vậy. Nếu chẳng thiệt được lợi ích sao hiệp với nghĩa này ?".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Ông thiệt là dũng mãnh không e sợ".

Phật liền vì Ca Diếp Bồ Tát mà nói kệ rằng :

Đối với một chúng sanh
Chẳng sanh lòng giận hờn,
Mà muốn ban cho vui

Đây gọi là từ thiện.
 Trong tất cả chúng sanh
 Nếu sanh được lòng bi
 Gọi là thành chủng tánh
 Đặng phước báu vô lượng.
 Giả sử Tiên ngũ thông
 Đông khắp mặt đất này,
 Có vua chúa tỵ tại
 Dâng cấp đủ đồ dùng :
 Voi, ngựa, các vật dụng,
 Thí cho tiên được phước
 Chẳng bằng tu lòng từ
 Trong một phần mười sáu.

Nay Thiện nam tử ! Luận về người tu lòng từ
 thiệt chẳng phải vọng tưởng, mà chắc chắn là chơn
 thật. Nếu là lòng từ của Thanh Văn, Duyên Giác
 thời gọi là hư vọng. Chư Phật, Bồ Tát lòng từ chơn
 thật chẳng hư vọng. Do đâu mà biết như vậy ? Nay
 Thiện nam tử ! Bồ Tát tu hành Đại Niết Bàn. Quán
 đất làm vàng, quán vàng làm đất, quán mặt đất
 thành tướng nước, quán mặt nước thành tướng đất,
 nước quán thành lửa, lửa quán thành nước, đất
 quán thành gió, gió quán thành đất, tùy ý thành
 tựu không có hư vọng. Quán chúng sanh thiệt thành
 chẳng phải chúng sanh, quán chẳng phải chúng sanh

thành chúng sanh thiệt, đều tùy ý mà thành không có hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Nên biết bốn tâm vô lượng của Bồ Tát là sự tư duy chân thật chẳng phải là không chân thật.

Này Thiện nam tử ! Thế nào gọi là tư duy chơn thật ? Do vì có thể dứt trừ các phiền não vậy. Luận về tu lòng từ có thể dứt được tham dục, tu lòng bi có thể dứt được sân khuể. Tu lòng hỷ có thể dứt được sự chẳng vui vẻ. Tu lòng xả có thể dứt được tham dục, sân khuể và tướng chúng sanh.

Vì thế nên gọi là Tư duy chơn thật.

Này Thiện nam tử ! Bốn tâm vô lượng của Bồ Tát có thể làm cội gốc cho tất cả hạnh lành.

Bồ Tát nếu chẳng thấy được chúng sanh nghèo cùng thời không duyên để sanh lòng từ. Nếu lòng từ chẳng sanh thời không thể khởi tâm huệ thí. Do nhơn duyên huệ thí làm cho chúng sanh đặng an vui. Ban cho những đồ uống ăn, xe cộ, y phục, hoa hương, giường ghế, nhà cửa, đèn đuốc. Lúc ban cho như vậy lòng cõi mở chẳng sanh niệm tham đắm, quyết định hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc đó tâm của Bồ Tát không dừng ở chỗ nào, dứt hẳn vọng tưởng, chẳng kẹt nói sự sợ sệt, danh dự, tài lợi, chẳng cầu quả báo vui sướng cõi trời cõi người, chẳng kiêu mạn, chẳng trông người trả ơn,

chẳng vì phỉnh người mà làm việc bố thí, chẳng cầu giàu sang.

Phàm lúc làm việc bố thí, chẳng thấy người thọ là trì giới hay phá giới, là phước điền hay chẳng phải phước điền, là hàng tri thức hay chẳng phải tri thức. Lúc bố thí cũng chẳng thấy là căn khí hay chẳng căn khí, chẳng lựa ngày giờ, chẳng chọn chỗ nơi, cũng chẳng tính là lúc được mùa hay đói kém, chẳng thấy ngon quả, chẳng phân biệt là chúng sanh hay chẳng phải chúng sanh, là phước hay chẳng phải phước.

Dẫu lại chẳng thấy người thí kẻ thọ cùng của cải nhĩn đến chẳng thấy nhân tu cùng quả báo, mà luôn luôn làm việc bố thí không ngừng.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát nếu thấy người lãnh thọ là trì giới hay phá giới v.v...nhĩn đến thấy có quả báo thời chẳng thể bố thí trọn vẹn. Nếu chẳng bố thí trọn vẹn thời không thể đầy đủ Đản Ba la mật. Nếu chẳng đầy đủ Đản Ba la mật thời không thể thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người thân bị trúng tên độc. Quyến thuộc của người đó vì muốn cho người đó được an ổn liền mời lương y đến để nhổ tên độc.

Người đó nói: đừng động đến chờ tôi quan sát coi mũi tên độc này từ phương nào bay đến, của ai bắn, người bắn là dòng nào : là Sát Đế Lợi hay Bà

La Môn, là Tỳ Xá hay Thủ đà. Nghiệm coi mũi tên làm bằng cây, bằng tre hay bằng gỗ liễu. Mũi sắt từ lò nào rèn, cứng hay mềm, đuôi lông là lông cánh chim gì, chim quạ hay kên kên. Chất độc tẩm trong mũi tên tự nhiên mà có hay chế ra, là độc của loài người hay độc của loài rắn.

Người ngu si đó chưa biết được mà đã chết.

Này Thiện nam tử ! Cũng vậy, Bồ Tát nếu lúc làm việc bố thí phân biệt người thọ là trì giới hay phá giới, nhân đến phân biệt quả báo, thời chẳng bố thí trọn vẹn.

Nếu chẳng bố thí trọn vẹn thời chẳng đầy đủ Đàn Ba la mật. Nếu chẳng đầy đủ Đàn Ba la mật thời chẳng đặng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện nam tử ! Lúc làm việc bố thí Bồ Tát đối với chúng sanh lòng từ bình đẳng tương như con mình. Lại lúc làm việc bố thí, đối với các chúng sanh Bồ Tát sanh lòng thương xót như cha mẹ săn sóc đứa con đang đau ốm. Lúc làm việc bố thí, lòng Bồ Tát vui mừng như cha mẹ thấy con lành mạnh.

Sau khi đã bố thí lòng Bồ Tát buông bỏ như cha mẹ thấy con khôn lớn đã có thể tự sanh sống.

Vị Bồ Tát này ở trong tâm từ, lúc bố thí thức ăn thường xuyên như vậy : Nay những đồ ăn của ta bố thí đều cho chung tất cả chúng sanh, do nhơn duyên này làm cho chúng sanh đặng có trí huệ lớn, siêng

tu hồi hướng Đại thừa vô thượng. Nguyện các chúng sanh đặng có trí lành chẳng cầu báo Thanh Văn và Duyên Giác. Nguyện các chúng sanh đặng món ăn pháp hỷ chẳng cầu món ăn ái nhiễm. Nguyện các chúng sanh đặng món ăn Bát nhã ba la mật, đều được đầy đủ phương tiện vô ngại, thêm lớn căn lành. Nguyện các chúng sanh hiểu thấu tướng vô đắc, thân vô ngại dường như hư không. Nguyện các chúng sanh thường làm người lãnh thọ, thương xót tất cả mọi loài mà làm phước điền cho chúng.

Này Thiện nam tử ! Lúc tu lòng từ khi đem thức ăn bố thí nên phải phát những điều nguyện như trên.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí các thức uống, Bồ Tát ở trong lòng từ nên nguyện rằng : Những thức uống bố thí hôm nay ta đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng, do nhơn duyên này làm cho chúng sanh đến sông Đại thừa uống nước bát vị mau lên đường Vô Thượng Bồ Đề, rời khỏi sự khô khát của Thanh Văn, Duyên Giác mà khát ngưỡng cầu Phật thừa vô thượng, dứt khát phiền não mà khát ngưỡng pháp vị. Rời niệm ưa sanh tử mà ưa thích Đại thừa Đại Niết Bàn đầy đủ pháp thân đặng các tam muội vào nơi biển lớn trí huệ rất sâu. Nguyện các chúng sanh đặng vị cam lồ trí giác xuất thế ly dục tịch tịnh. Nguyện các chúng sanh đầy đủ vô lượng trăm ngàn pháp vị. Đủ pháp vị rồi đặng thấy Phật tánh. Thấy

Phật tánh rồi có thể rưới mưa pháp. Rưới mưa pháp rồi Phật tánh trùm khắp dường như hư không. Lại làm cho vô lượng chúng sanh khác, đặng pháp vị duy nhứt tức là Đại thừa, chẳng phải vị sai biệt Thanh Văn và Duyên Giác. Nguyên các chúng sanh chỉ cầu pháp vị Phật tánh vô ngại, chẳng cầu những vị khác.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí các thức uống trong tâm từ Bồ Tát phải phát những nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí xe cộ Bồ Tát ở trong tâm từ nên nguyện rằng : Những đồ của tôi bố thí hôm nay đều cho chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên này khiến tất cả chúng sanh trọn nên Đại thừa, trụ nơi Đại thừa, bất thối Đại thừa, bất động chuyển thừa, Kim Cang tòa thừa. Chẳng cầu thừa Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ hồi hướng nơi Phật thừa vô thượng.

Bồ Tát ở trong tâm từ lúc bố thí xe cộ nên phải phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí y phục Bồ Tát ở trong tâm từ nên nguyện rằng : Những đồ bố thí của ta hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng, do nhơn duyên này làm cho chúng sanh đặng y phục tầm quý. Pháp giới che thân xé rách y phục kiến chấp. Y phục rời thân một thước sáu tấc, đặng

thân sắc vàng chạm xúc êm dịu, màu sắc nhuần láng, da thừa mịn màng, chiếu sáng vô lượng : không sắc, rời nơi sắc. Nguyên các chúng sanh tất cả đều đặn thân không sắc vượt tất cả sắc, đặn chứng nhập Đại Niết Bàn không sắc.

Lúc bố thí y phục Bồ Tát ở trong tâm từ nên phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí hoa hương, hương thoa, hương bột, các hương thơm, trong tâm từ Bồ Tát nên nguyện rằng : Những đồ bố thí của ta hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên này làm cho tất cả chúng sanh đều được bông tam muội của Phật, tràng hoa thất giác chi tốt đẹp vấn trên đầu của chúng. Nguyên các chúng sanh thân hình xinh đẹp như trăng tròn, các màu sắc được thấy diệu mầu đệ nhất. Nguyên các chúng sanh đều thành tướng trăm phước trang nghiêm. Nguyên các chúng sanh tùy ý đặn thấy màu sắc vừa ý. Nguyên các chúng sanh thường gặp bạn lành đặn hương vô ngại rời những hôi nhơ. Nguyên các chúng sanh, đầy đủ căn lành trân bảo vô thượng. Nguyên các chúng sanh nhìn nhau hòa vui không có lo khổ, đầy đủ hạnh lành. Nguyên các chúng sanh trọn đủ giới hương. Nguyên các chúng sanh trì giới vô ngại mùi thơm ngạt ngào khắp cả mười phương. Nguyên các chúng sanh, đặn giới bền chắc, đặn giới không nghi hối, đặn giới nhứt thế trí, rời các sự phá giới, đều đặn giới không, giới chưa từng có, giới vô sự, giới vô tác,

giới không ô nhiễm, giới hoàn toàn, giới rất ráo, giới bình đẳng. Lấy hương xoa nơi thân xem đồng như chém đâm không có ưa cùng ghét. Nguyện các chúng sanh đặng giới vô thượng, giới Đại thừa, chẳng phải giới Tiểu thừa. Nguyện các chúng sanh đều đặng đầy đủ Thi Ba La Mật, như chư Phật thành tựu giới độ. Nguyện các chúng sanh đều được huân tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Nguyện các chúng sanh đều đặng trọn nên hoa sen vi diệu Đại Niết Bàn. Hoa đó mùi thơm khắp cả mười phương. Nguyện các chúng sanh thuần ăn cơm thơm vô thượng Đại thừa Đại Niết Bàn. Như con ong hút hoa chỉ lấy vị mật. Nguyện các chúng sanh đều đặng thành tựu thân vô lượng công đức.

Lúc bố thí hoa hương Bồ Tát ở trong tâm từ nên phải phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí giường chiếu, Bồ Tát ở trong tâm từ, nên phát nguyện rằng : Những giường chiếu của tôi hôm nay cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên này làm cho chúng sanh đặng giường nằm của bực trời ở trong các trời, đặng trí huệ lớn ngời Tứ thiên, nằm ở nơi giường của Bồ Tát, chẳng nằm nơi giường của Thanh Văn, Bích Chi Phật là giường nằm thô ác. Nguyện cho chúng sanh đặng giường an lạc, là giường sanh tử thành tựu giường sư tử Đại Niết Bàn.

Nguyện cho các chúng sanh ngồi trên giường này rồi, lại vì vô lượng chúng sanh khác thị hiện thân thông sư tử du hí. Nguyện các chúng sanh trụ trong cung điện lớn Đại thừa này vì các chúng sanh khác điển nói Phật tánh.

Nguyện các chúng sanh ngồi trên giường vô thượng chẳng bị pháp thế gian chi phối.

Nguyện các chúng sanh đặng giường nhẵn nhục, rời hẳn sanh tử đối khát lạnh lẽo.

Nguyện các chúng sanh đặng giường vô úy lia hẳn tất cả giấc phiền não.

Nguyện các chúng sanh đặng giường thanh tịnh chuyên cầu đạo vô thượng chánh chân.

Nguyện các chúng sanh đặng giường pháp lành thường được bạn lành ủng hộ.

Nguyện các chúng sanh đặng giường nằm hông bên hữu, nương nơi pháp của chư Phật đã làm.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí giường chiếu ở trong tâm từ nên phải phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí nhà cửa ở trong tâm từ thường phát nguyện rằng : Nhà cửa của tôi bố thí hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên này làm cho các chúng sanh ở nhà Đại thừa, tu hành những hạnh của thiện hữu làm, thật hành hạnh đại bi, hạnh lục độ, hạnh đại

chánh giác, đạo hạnh của tất cả Bồ Tát làm, hạnh rộng lớn vô biên như hư không.

Nguyện các chúng sanh đều đặn chánh niệm, xa lìa niệm ác.

Nguyện các chúng sanh đều đặn an trụ thường, lạc, ngã, tịnh, lìa hẳn bốn thứ điên đảo.

Nguyện các chúng sanh thảy đều thọ trì nhà xuất thế.

Nguyện các chúng sanh đều là căn khí vô thượng nhưt thiết trí.

Nguyện các chúng sanh đều đặn vào nơi ngôi nhà cam lồ.

Nguyện các chúng sanh trong tất cả tâm thường vào ngôi nhà Niết Bàn.

Nguyện các chúng sanh nơi đời vị lai thường ở cung điện của Bồ Tát ở. Bồ Tát lúc bố thí nhà cửa ở trong tâm từ thường nên phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí đèn sáng ở trong tâm từ thường nguyện rằng những đèn sáng của tôi bố thí hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên này làm cho các chúng sanh có vô lượng ánh sáng an trụ nơi Phật pháp.

Nguyện các chúng sanh thường đặn chiếu sáng.

Nguyện các chúng sanh được sắc thân tốt đẹp
nhuần sáng đệ nhất.

Nguyện các chúng sanh đặng con mắt thanh tịnh
không có những màng lòa.

Nguyện các chúng sanh đặng đước đại trí huệ,
khéo hiểu lý vô ngại, không tướng chúng sanh, không
tướng nhân, không tướng thọ mạng.

Nguyện các chúng sanh đều đặng nhìn thấy Phật
tánh thanh tịnh dường như hư không.

Nguyện các chúng sanh nhục thân thanh tịnh
thấy suốt hằng hà sa thế giới ở mười phương.

Nguyện các chúng sanh đặng ánh sáng của Phật
chiếu khắp mười phương.

Nguyện các chúng sanh đặng con mắt vô ngại đều
được thấy Phật tánh thanh tịnh.

Nguyện các chúng sanh đặng trí huệ lớn phá tất
cả tối tăm và kẻ nhút xiển đề.

Nguyện các chúng sanh đặng vô lượng quang
minh chiếu vô lượng thế giới của chư Phật.

Nguyện các chúng sanh thấp đèn Đại thừa, rời
đèn Nhị thừa.

Nguyện các chúng sanh đặng quang minh dứt
trừ tối vô minh hơn công dụng chiếu sáng của ngàn
mặt trời.

Nguyện các chúng sanh được ánh sáng hỏa châu, diệt hết những tối tăm của Tam thiên đại thiên thế giới.

Nguyện các chúng sanh đầy đủ ngũ nhãn, tỏ ngộ pháp tướng, thành vô sư trí.

Nguyện các chúng sanh không kiến không minh.

Nguyện các chúng sanh đều đặn ánh sáng vi diệu Đại thừa Đại Niết Bàn, khai thị cho chúng sanh ngộ Phật tánh chơn thật.

Bồ Tát lúc bố thí đèn sáng trong tâm từ thường nên phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật chỗ có căn lành đều do tâm từ làm căn bản.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát tu tập tâm từ, có thể sanh vô lượng căn lành như những quán hạnh : bất tịnh, số tức, vô thường, tứ niệm xứ, bảy phương tiện, ba quán xứ, mười hai nhơn duyên, vô ngã v.v.. Cùng với pháp noãn, pháp đánh, pháp nhấn, pháp thế đệ nhứt, kiến đạo, tu đạo, chánh cần, như ý, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát thánh đạo phần, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, bát giải thoát, bát thắng xứ, mười nhứt thiết nhập, không, vô tướng, vô nguyện, vô tránh tam muội, tha tâm trí, các thần thông, trí biết bốn tế, trí Thanh Văn, trí Duyên Giác, trí Bồ Tát, trí Phật.

Này Thiện nam tử ! Những pháp như vậy tâm từ là căn bản. Do vì nghĩa đó nên từ là chơn thật chẳng phải là hư vọng.

Nếu có người hỏi gì là căn bản của tất cả pháp lành ? Nên đáp : Chính là tâm từ. Do vì nghĩa đó nên từ là chơn thật chẳng phải hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Người có thể thực hành pháp lành, gọi là thiết tư duy, người thiết tư duy, bèn gọi là có tâm từ. Tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại thừa, Đại thừa tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là đạo Bồ Đề, đạo Bồ Đề tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại Phạm, Đại Phạm tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ có thể vì tất cả chúng sanh mà làm phụ mẫu, phụ mẫu tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật chính là tâm từ. Nên biết tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ chính là Phật tánh của chúng sanh, Phật tánh như vậy từ lâu bị phiền não che đậy nên làm cho chúng sanh chẳng đặng

nhìn thấy, Phật tánh tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại không. Đại không tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là hư không, hư không tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là thường, thường tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là từ, từ chính là Như Lai.

Và này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là lạc, lạc tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là tịnh, tịnh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là ngã, ngã tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là cam lồ, cam lồ tức là tâm từ, tâm từ tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là đạo vô thượng của tất cả Bồ Tát, đạo là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là cảnh giới vô lượng của chư Phật, cảnh giới vô lượng tức là tâm từ, nên biết tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là vô thường, vô thường tức là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là khổ, khổ là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là bất tịnh, bất tịnh là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là vô ngã, vô ngã là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu là vọng tưởng, vọng tưởng là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng gọi là Đản Ba la mật nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Nhấn đến Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng có thể lợi ích chúng sanh, tâm từ như vậy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu chẳng vào đạo như tướng, nên biết tâm từ đó là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu chẳng có thể thấu rõ các pháp, nên biết tâm từ ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu thấy các pháp đều có tướng, nên biết tâm từ ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là hữu lậu ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là hữu vi, tâm từ hữu vi này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng trụ nơi bực sơ trụ thời chẳng phải tâm từ của sơ trụ, nên biết tức là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng có thể đặng mười trí lực của Phật và bốn món vô sở úy, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ có thể đặng bốn quả Sa Môn, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu là có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, tâm từ như vậy chẳng phải hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật nghĩ bàn được. Tâm từ nếu chẳng thể nghĩ bàn, thời pháp chẳng thể nghĩ bàn, Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Vị đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn tu tâm từ như vậy, dầu lại an trụ trong thùy miên mà chẳng thùy miên, do vì siêng năng tinh tấn. Dầu thường thức giấc cũng không thức giấc, vì không có ngủ. Ở trong thùy miên chư Thiên dầu hộ vệ cũng không hộ vệ, vì chẳng làm việc ác. Thùy miên chẳng ác mộng, không có việc chẳng lành vì rời thùy miên. Sau khi mạng chung dầu sanh lên Phạm Thiên cũng không sanh vì đặng tự tại.

Này Thiện nam tử ! Luận về người tu từ có thể đặng thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.

Này Thiện nam tử ! Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này cũng có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Chư Phật Như Lai cũng đặng thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Phàm Bồ Tát tư duy đều là chơn thật. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng phải là chơn thật. Tất cả chúng sanh có chi chẳng nhờ oai lực của Bồ Tát đồng thọ khoái lạc. Nếu các chúng sanh thiệt chẳng đặng khoái lạc, nên biết tâm từ của Bồ Tát tu tập là không lợi ích".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Tâm từ của Bồ Tát chẳng phải không lợi ích .

Có những chúng sanh hoặc quyết định thọ khổ. Hoặc có chúng sanh chẳng quyết định thọ khổ. Nếu

có chúng sanh quyết định thọ khổ, lòng từ của Bồ Tát là không lợi ích, vì đó là hàng nhứt xiển đề.

Nếu có chúng sanh chẳng quyết định thọ khổ thời lòng từ của Bồ Tát là lợi ích, làm cho chúng sanh đó đều thọ khoái lạc.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người từ xa thấy sư tử, cọp, beo, chó, sói, quỷ La Sát v.v..tự nhiên sanh sợ sệt. Ban đêm thấy gốc cây trụi cũng sanh sợ sệt.

Những người như vậy tự nhiên sợ sệt, cũng thế, chúng sanh thấy người tu tâm từ tự nhiên thọ khoái lạc.

Do nghĩa đó nên Bồ Tát tu tâm từ là tư duy chơn thật chẳng phải không lợi ích.

Này Thiện nam tử ! Ta nói tâm từ này có vô lượng môn, chính là những thần thông.

Này Thiện nam tử ! Như Đề Bà Đạt Đa xưa kia bảo vua A Xà Thế làm hại đức Như Lai. Lúc đó ta cùng chúng Tăng vào thành Vương Xá thứ đệ nhất thực.

Vua A Xà Thế liền thả voi say để hại ta cùng chư Tăng. Lúc đó voi say đạp chết trăm ngàn chúng sanh. Voi ấy ngửi hơi máu, nên hung tợn càng thêm hung tợn, nhắm ngay đoàn của ta mà chạy thẳng đến. Các đệ tử chưa ly dục kinh sợ chạy tứ tán chỉ một mình A Nan ở lại. Lúc đó hơn dân trong thành Vương Xá đều cả tiếng kêu khóc, hôm nay đức Như Lai có thể bị hại, có sao đáng Chánh giác lại vội sẽ diệt mất. Còn Điều Đạt trong

lòng hơn hớ : Sa Môn Cù Đàm bị hại chết thời là rất tốt, kế của ta rất hay, ta sắp sẽ được toại nguyện.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta vì muốn hàng phục voi say liền nhập từ tâm tam muội, xòe bàn tay chỉ voi, năm đầu ngón tay ta hiện năm sư tử. Voi say thấy sư tử, lòng nó quá sợ, phần tiểu vảy ra, gieo mình mọp xuống kính lễ dưới chân ta.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó năm đầu ngón tay của ta thiệt không sư tử, đó là do sức thiện căn tu tâm từ làm cho voi say được điều phục.

Thiện nam tử ! Vừa rồi lúc ta muốn nhập Niết Bàn, mới khởi sự đi đến thành Câu Thi Na. Giữa đường có năm trăm lực sĩ dọn quét đường sá có một hòn đá to, bọn họ muốn khiêng bỏ nhưng sức họ chẳng khiêng nổi. Lúc đó ta xót thương liền khởi tâm từ. Bọn lực sĩ kia liền thấy ta lấy ngón chân cái hất hòn đá văng lên hư không, rồi lấy tay hứng bắt để hòn đá trên bàn tay mặt, thối nát ra rồi ráp lại làm cho bọn lực sĩ hết cao mạn. Ta liền vì họ nói các pháp yếu làm cho họ đồng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó Như Lai thiệt chẳng dùng ngón chân hất văng hòn đá, cho đến chẳng thối nát và ráp lại.

Này Thiện nam tử ! Nên biết chính là sức thiện căn của tâm từ làm cho bọn lực sĩ thấy như vậy.

Này Thiện nam tử ! Xứ Nam Thiên Trúc này có một thành lớn Thủ Ba La. Trong thành đó có một trưởng giả tên Lưu Chí, được đại chúng kính trọng. Ông này đã vun trồng cội lành từ vô lượng đức Phật thuở quá khứ. Nhơn dân trong thành đó tin theo đạo tà, phụng sự phái Ni Kiền Tử. Ta muốn độ ông trưởng giả Lưu Chí, liền từ Vương Xá thành đến thành Thủ Ba La. Phái Ni Kiền Tử nghe ta sắp đến thành liền bàn với nhau : Sa Môn Cù Đàm nếu đến thành này, nhơn dân chắc sẽ bỏ ta chẳng còn cung cấp, chúng ta lấy gì sanh sống.

Bàn xong, chúng Ni Kiền Tử chia ra loan báo với người trong thành. Sa Môn Cù Đàm sắp đến thành này. Nhưng Sa Môn đó lia bỏ cha mẹ du phương các xứ, ông đến đâu thời làm cho xứ đó mất mùa đói khát, nhơn dân bị bệnh trời, bệnh dịch không thể cứu chữa. Cù Đàm là hạng vô lại dốt theo toàn những quý La Sát hung ác, là kẻ cô cùng không cha không mẹ đi theo làm môn đồ. Giáo thuyết của ông toàn là hư vọng. Ông đến nơi nào thời xứ đó không an vui.

Nhơn dân trong thành nghe những lời đó kinh sợ quá lay mọp dưới chơn bọn Ni Kiền Tử thưa rằng : Đại Sư ! Nay chúng tôi phải thiết kế gì ?

Bọn Ni Kiền Tử đáp : Tánh của Sa Môn Cù Đàm ưa lùm rừng, suối chảy nước trong. Các người nên ra ngoài thành, chỗ nào có rừng suối phải đón

hết cây cối đem phân dơ rải xuống giếng, ao, khe, suối. Rồi đóng chặt cửa thành võ trang phòng vệ. Ông ấy đến thời dùng cho vào. Ông ấy không vào thành được thời các người sẽ được an ổn. Chúng ta cũng sẽ dùng pháp thuật làm cho ông Cù Đàm phải rút lui.

Nhơn dân trong thành liền thật hành theo : Đốn hết cây cối, làm như đục hết các dòng suối, võ trang phòng vệ.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta đến ngoài thành kia chẳng thấy rừng cây, chỉ thấy trên mặt thành võ trang giữ gìn chặt chẽ, ta liền thương xót khởi tâm từ. Những cây cối mọc lên như cũ mà còn có phần tươi tốt hơn. Nước trong sông, ao, giếng, suối đều trở nên sạch sẽ, đầy tràn trong như lưu ly, nhiều thứ hoa đẹp thơm mọc lan tràn mặt đất. Vách thành biến làm lưu ly xanh. Nhơn dân trong thành đều thấy đặng ta và đại chúng. Cửa thành tự mở toang, không ai kèm ngăn được. Võ khí của nhơn dân biến thành cảnh hoa đẹp. Lúc đó tướng giả Lưu Chí dẫn nhơn dân hiệp đoàn đến chỗ Phật. Ta liền vì họ nói các pháp yếu làm cho mọi người đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta thiết chẳng hóa những rừng cây, cũng chẳng làm cho nước trong sạch đặng đầy tràn, cũng chẳng biến thành đó làm lưu ly xanh để cho nhơn dân kia thấy suốt ta và

đại chúng, cũng chẳng mở cửa thành biến võ khí làm cảnh hoa. Nên biết những việc ấy đều do sức căn lành của lòng từ làm cho nhơn dân thành Thủ Ba La thấy việc như vậy.

(*) Này Thiện nam tử ! Thành Xá Vệ có nàng Bà Tư Tra, giòng Bà La Môn, chỉ sanh một trai, nên nàng yêu quý lắm. Một hôm đứa trẻ bị bệnh chết, nàng quá tiếc thương, buồn rầu đến mất trí, như điên như cuồng, xé nát áo quần, thân thể lỏa lồ, đi rong khắp thành ấp tìm con, miệng luôn kêu khóc : Ôi ! Con ôi ! Con bỏ mẹ đi đâu ?

Nàng Bà Tư Tra này đời trước đã từng gieo trồng căn lành ở nơi chư Phật quá khứ.

Này Thiện nam tử ! Ta nghe việc như vậy động lòng xót thương. Bà Tư Tra liền thấy được ta, nàng ngỡ là con trai của nàng, chạy vội đến ôm như cách yêu con, tâm trí tỉnh lại. Ta liền bảo A Nan mang y phục đến cho nàng mặc, rồi ta vì nàng mà giảng giải pháp yếu. Được nghe pháp, nàng Bà Tư Tra vui mừng hơn hờ phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó thiệt ra ta không phải là con của nàng ấy, nàng ấy không phải là mẹ ta, cũng không có việc ôm ấp. Nên biết đều do sức căn lành của lòng từ làm cho nàng Bà Tư Tra thấy việc như vậy.

(*) Hán bộ quyển thứ 16

Này Thiện nam tử ! Có cô Ưu Bà Di Ma Ha Tư Na Đạt Đa ở tại thành Ba La Nại. Cô này đã từng gieo trồng căn lành từ vô lượng đức Phật thuở quá khứ.

Một mùa hạ kia, cô nguyện dâng thuốc cho chư Tăng.

Trong chư Tăng, bỗng có một Tỳ Kheo mang bệnh nặng. Y sĩ điều trị bảo phải dùng thịt tươi làm thuốc. Ngoài thịt tươi ra không gì trị được, và sẽ nguy đến tánh mạng. Nhằm ngày quốc pháp cấm giết thịt, nên không tìm đâu ra thịt tươi để mua, mặc dầu cô muốn đem vàng ròng trọng lượng bằng thịt để đổi. Cô Ưu Bà Di Ma Ha Tư Na Đạt Đa bèn tự cắt thịt bắp vế, chế nấu theo lời Y sĩ, rồi đem dâng cho Tỳ Kheo bệnh dùng. Nhờ đó Tỳ Kheo được lành mạnh.

Vết thương nơi bắp vế hành quá đau nhức, cô rên rĩ niệm Phật : Nam mô Phật ! Nam mô Phật !

Bấy giờ ta đương ở tại thành Xá Vệ, nghe tiếng niệm Phật của cô, động lòng đại từ. Liền đó, cô thấy ta đem thuốc đến đắp lên vết thương, hết đau nhức, thịt lành như cũ. Rồi ta vì cô mà giảng giải pháp yếu. Cô được nghe pháp vui mừng hơn hờ phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó thiệt ra ta không đem thuốc đến thành Ba La Nại đắp cho cô Ma Ha Tư Na Đạt Đa, nên biết đó là do sức căn lành của lòng từ khiến cô Ưu Bà Di ấy thấy những việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ông Điều Đạt tham uống quá nhiều chất tồ, nên nhức đầu đau bụng. Quá khốn khổ chịu không nổi, ông liền niệm : Nam mô Phật ! Nam mô Phật !

Bấy giờ ta đương ở tại thành Ưu Thiền Ni, nghe tiếng niệm động lòng đại tử.

Điều Đạt liền thấy ta đem thuốc đến cho uống, cùng dùng tay xoa đầu xoa bụng, do đó ông được hết bệnh.

Này Thiện nam tử ! Thiệt ra ta không có đến chỗ Điều Đạt để xoa đầu xoa bụng và cho ông ấy uống thuốc. Đó là do sức căn lành của lòng từ khiến ông Điều Đạt thấy việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nước Kiều Tát La có đảng cướp năm trăm người, lộng hành làm hại dân chúng. Vua Ba Tư Nặc sai binh vây đánh bắt sống được trọn đảng cướp. Vua truyền khoét mắt cả năm trăm tên cướp, rồi thả trong rừng sâu.

Đảng cướp này đã từng gieo trồng căn lành nơi chư Phật thuở quá khứ, nên khi đau đớn khốn khổ quá bèn đồng xưng rằng : Nam mô Phật ! Nam mô Phật ! Chúng con nay không người cứu hộ. Cùng nhau khóc than thê thảm.

Bấy giờ ta đương ở tại Kỳ Hoàn Tịnh xá, nghe tiếng kêu cầu, động lòng đại từ. Lúc đó có gió mát thổi chất thuốc từ núi Hương Sơn đến tụ đầy lỗ

mắt của năm trăm người, biến thành tròn mắt, bọn họ đều được thấy tỏ như xưa. Mở mắt ra, bọn họ thấy đức Như Lai đứng trước mặt họ giảng pháp yếu. Sau khi nghe pháp, cả bọn đều phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó thiệt ra ta không làm gió thổi thuốc đến cứu mắt họ cũng không có đến thuyết pháp cho họ. Đó là do sức căn lành của lòng từ, khiến họ thấy những việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Vì ngu si, Thái tử Lưu Ly phế Phụ Vương lập mình làm vua. Lại nhớ đến sự hiềm oán ngày trước giết hại giòng họ Thích, vua Lưu Ly bắt hai ngàn phụ nữ họ Thích cắt tai thêu mũi, chặt đứt tay chân, rồi bỏ xuống hầm. Các phụ nữ họ Thích quá đau khổ bèn niệm rằng : "Nam mô Phật ! Nam mô Phật ! Chúng tôi ngày nay không ai cứu vớt". Cùng nhau khóc than thê thảm.

Các phụ nữ này đã từng trồng căn lành nơi chư Phật thuở quá khứ.

Lúc đó ta ở tại Trúc Lâm Tịnh xá nghe tiếng than của họ liền sanh lòng từ. Các phụ nữ khốn nạn kia bèn thấy ta đến thành Ca Tỳ La, lấy nước rửa vết thương cho họ, rồi dùng thuốc đắp lên vết thương. Họ không còn đau nhức. Lỗ tai lỗ mũi và tay chân lành lại như cũ. Ta liền vì họ giảng nói pháp yếu. Vừa hết đau khổ lại được nghe pháp, các phụ nữ

ấy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau đó các phụ nữ ấy đến nơi bà Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni xuất gia thọ giới cụ túc.

Này Thiện nam tử ! Thật ra lúc đó đức Phật không có đến thành Ca Tỳ La, cũng không có lấy nước rửa và đắp thuốc nơi vết thương. Phải biết đều là do sức căn lành của lòng từ làm cho các phụ nữ kia thấy những việc như vậy.

Như căn lành của lòng từ, lòng bi, lòng hỷ cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên đại Bồ Tát tu tập lòng từ là chân thật chẳng phải hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Luận về vô lượng là chẳng thể nghĩ bàn. Công hạnh của Bồ Tát cũng chẳng thể nghĩ bàn, công hạnh của Phật và kinh Đại thừa Đại Niết Bàn cũng đều chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu từ, bi, hỷ rồi đặng trụ nơi bực rất yêu thương con một.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là bực ? Sao gọi là rất yêu thương ? Và sao gọi là con một ?

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ thấy con an ổn lòng rất vui mừng. Đại Bồ Tát ở bực này xem các chúng sanh đồng như con một, thấy người tu hạnh lành Bồ Tát rất vui mừng, vì thế nên bực này gọi là rất yêu thương.

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ thấy con đau ốm lòng rất khổ não xót thương sẵn sóc không tạm rời. Cũng vậy, đại Bồ Tát ở trong bực này thấy các chúng sanh bị bệnh phiền não ràng buộc bức khổ, trong lòng rầu lo thương tưởng như con, đến nỗi lỗ chân lông nơi thân đều rỉ máu ra. Vì thế nên gọi là bực này là con một.

Này Thiện nam tử ! Như người lúc bé thơ lượm đất cục, ngói đá, xương khô, nhánh cây đút vào miệng. Cha mẹ xem thấy sợ bị hại, tay tả nắm đầu con, tay hữu móc ra. Cũng vậy, đại Bồ Tát trụ nơi bực này thấy các chúng sanh pháp thân chưa tăng trưởng, hoặc thân khẩu ý tạo nghiệp chẳng lành. Bồ Tát bèn lấy tay trí huệ cứu vớt đó, chẳng muốn chúng sanh lưu chuyển trong sanh tử mà phải thọ những khổ não. Vì thế nên bực này lại gọi là con một.

Này Thiện nam tử ! Ví như đứa con thân yêu chết mất, thời cha mẹ buồn rầu muốn cùng chết theo con. Cũng vậy, đại Bồ Tát thấy hạng nhứt xiển đề đọa nơi địa ngục, cũng nguyện cùng họ sanh chung trong địa ngục. Vì hạng nhứt xiển đề này lúc bị khổ, hoặc sanh một niệm ăn năn chưa cải, Bồ Tát sẽ vì họ thuyết pháp làm cho họ sanh đặng một niệm căn lành. Vì thế nên bực này gọi là con một.

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con, lúc đứa con ngủ, thức, đi, đứng, ngồi, nằm,

lòng cha mẹ luôn luôn nhớ tưởng. Nếu con có lỗi lầm cha mẹ chỉ thương xót dạy dỗ chớ chẳng làm hại. Cũng vậy, đại Bồ Tát thấy các chúng sanh hoặc bị đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, hoặc sanh trong loài người, trên trời, gây tạo những nghiệp lành nghiệp dữ, lòng Bồ Tát thường nhớ tưởng trọn không rời bỏ chúng sanh. Nếu có chúng sanh tạo ác, Bồ Tát trọn chẳng giận hờn, chẳng làm hại. Vì thế nên bậc này gọi là con một.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Như lời Phật đã nói ý rất sâu kín, nay tôi trí cạn cợt làm sao hiểu được. Nếu các vị đại Bồ Tát trụ nơi bực con một có thể được như thế, tại sao đức Như Lai xưa kia là vị quốc vương thật hành đạo Bồ Tát mà lại giết hại giòng Bà La Môn. Nếu đặng bực này thời lẽ ra phải xót thương ủng hộ, còn nếu chẳng đặng bực này, nhưn duyên gì lại chẳng đọa vào địa ngục.

Nếu bình đẳng xem tất cả chúng sanh là con như La Hầu La, có sao đức Phật lại quở Đê Bà Đạt Đa : Đồ ngu si không biết hổ thẹn ăn nước miếng nước mũi của người. Làm cho Đê Bà Đạt Đa sanh lòng giận hờn hại thân Phật ra máu. Đê Bà Đạt Đa tạo nghiệp ác này rồi, đức Như Lai lại huyền ký cho ông ấy sẽ bị đọa địa ngục chịu khổ một kiếp.

Thế Tôn ! Những lời như vậy làm thế nào chẳng trái nghịch với nghĩa lý ?

Thế Tôn ! Ông Tu Bồ Đề trụ bậc giải không, lúc muốn vào thành khất thực, trước hết ông quan sát nếu có người đối với ông sanh tâm ganh ghét thì ông thôi chẳng đi khất thực, dầu cho quá đói ông vẫn chẳng đi. Vì ông Tu Bồ Đề thường nghĩ rằng : Tôi tự nhớ đời trước đối với phước điền sanh một niệm ác, do nhơn duyên này tôi bị đọa địa ngục lớn chịu nhiều thống khổ. Nay tôi thà đói trọn ngày chẳng ăn, quyết không khiến những người kia vì ganh ghét tôi mà phải đọa vào địa ngục chịu khổ. Ông Tu Bồ Đề lại nghĩ rằng : Nếu có chúng sanh không bằng lòng cho tôi đứng, tôi sẽ trọn ngày ngồi yên chẳng đứng dậy. Nếu có chúng sanh không bằng lòng cho tôi ngồi, tôi sẽ đứng trọn ngày chẳng dời chỗ. Đi cùng năm cũng vậy.

Ông Tu Bồ Đề vì hộ chúng sanh còn có tâm như vậy, hà huống là đại Bồ Tát. Bồ Tát nếu đặng bực con một, có duyên có gì mà đức Như Lai nói ra lời thô như vậy làm cho ông Đề Bà Đạt Đa sanh lòng giận ác ?

- Nay Thiện nam tử ! Nay ông chẳng nên gạn như vậy. Chẳng nên nói rằng đức Như Lai làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử vò con muỗi có thể hút hết nước đến đáy biển, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử mặt đất đều thành không màu, nước thành tương khô, lửa thành lạnh, gió đứng

lại, giả sử Tam Bảo Phật tánh nhĩn đến hư không thành tướng vô thường, đức Như Lai cũng trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử người phạm bốn tội nặng, hạg nhứt xiển đề hủy báng chánh pháp hiện thân đặng thành mười trí lực, bốn vô úy, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật là thường trụ chẳng biến đổi, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử bực Thập trụ Bồ Tát phạm bốn tội nặng làm nhứt xiển đề hủy báng chánh pháp, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử vô lượng chúng sanh dứt mất Phật tánh, chư Phật rốt ráo nhập Niết Bàn, đức Như Lai cũng trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử vãi chài có thể cột trời được gió, răng có thể nhai nát sắt, móng tay cào đổ núi Tu Di, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Thà ở chung với rắn độc, dứt hai tay vào miệng sư tử đói, lấy than hồng dùng tắm rửa, trọn chẳng nên nói rằng đức Như Lai làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai thiết có thể làm cho chúng sanh dứt trừ phiền não, chớ trọn chẳng làm như duyên sanh phiền não.

Này Thiện nam tử ! Như ông vừa nói đức Như Lai ngày xưa giết dòng Bà La Môn. Nên biết đại Bồ Tát, còn không cố sát một con kiến, huống lại giết Bà La Môn. Bồ Tát thường dùng mọi cách thức ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh. Luận về bố thí thời là bố thí mạng sống, vật thực, đại Bồ Tát lúc thật hành Đàn Ba la mật, thường ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh. Người giữ giới bất sát thời đặng sống lâu.

Đại Bồ Tát lúc thật hành Thi la Ba la mật, thời là ban bố vô lượng thọ mạng cho tất cả chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Giữ gìn miệng không lỗi thời đặng sống lâu.

Đại Bồ Tát lúc thật hành Sằn đề Ba la mật, thường khuyên chúng sanh chớ ôm lòng oán thù những việc phải cho người đem sự quấy về mình, không cãi cộ kiện cáo thời đặng sống lâu. Vì thế nên Bồ Tát lúc thật hành Sằn đề Ba la mật, thời đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Siêng năng tu tập hạnh lành thời đặng sống lâu. Đại Bồ Tát lúc thật hành Tỳ lê da Ba la mật thường khuyên chúng sanh siêng tu pháp lành, chúng sanh thật hành rồi đặng sống lâu

vô lượng. Vì thế nên đại Bồ Tát lúc thật hành Tỳ lê da Ba la mật đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Người nhiếp tâm tu thiền thời đặng sống lâu. Đại Bồ Tát lúc thật hành Thiền Ba la mật, khuyên các chúng sanh tu tâm bình đẳng. Chúng sanh thật hành rồi thì đặng sống lâu. Vì thế Bồ Tát lúc thật hành Thiền Ba la mật đã ban bố cho chúng sanh vô lượng thọ mạng.

Này Thiện nam tử ! Ở nơi những pháp lành không phóng dật thời đặng sống lâu. Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã Ba la mật, khuyên các chúng sanh nơi những pháp lành chẳng sanh lòng phóng dật. Chúng sanh thật hành rồi thời đặng sống lâu. Vì thế nên lúc Bồ Tát thật hành Bát nhã Ba la mật đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên đại Bồ Tát trọn không giết hại mạng sống của chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Như vừa rồi ông hỏi, lúc giết hại giòong Ba la môn, đức Phật đã đặng được bậc con một.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta đã đặng bực ấy. Vì lòng thương họ mà giết chẳng phải vì tâm ác.

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con nên rất cưng yêu, đứa con đó phạm hiến pháp của quan. Vì quá sợ nên cha mẹ hoặc đuổi

hoặc giết. Dầu cha mẹ đuổi hay giết nhưng không có tâm ác.

Cũng vậy, đại Bồ Tát vì hộ trì chánh pháp nếu có chúng sanh hủy báng Đại thừa, liền lấy roi gậy để trị, hoặc giết chết, đó là muốn chúng sanh chừa bỏ để tu pháp lành.

Bồ Tát thường nên suy nghĩ : Dùng nhưn duyên gì làm cho chúng sanh phát khởi lòng tin thanh tịnh, tùy phương cách nào thuận tiện thời sẽ thật hành đó. Những người Bà La Môn sau khi chết đọa A Tỳ địa ngục liền suy nghĩ ba điều : Một là tự nghĩ rằng ta từ đâu mà sanh đến đây, liền tự biết rằng từ trong loài người. Hai là tự nghĩ rằng : Ta hiện sanh đây là chỗ nào, liền tự biết rằng đây là địa ngục A Tỳ. Ba là tự nghĩ rằng do nghiệp duyên gì mà đọa địa ngục, liền tự biết rằng do chẳng tin và hủy báng kinh điển Đại thừa, bị nhà vua giết mà sanh đến địa ngục này. Họ nghĩ như vậy rồi liền sanh lòng kính tin kinh điển Đại thừa. Do lòng kính tin đó thân địa ngục chết họ sanh đến thế giới của Cam Lô Cổ Như Lai, sống lâu đủ mười kiếp.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này, thưở xưa kia ta ban cho những người ấy mười kiếp thọ mạng, sao lại giết hại họ.

Này Thiện nam tử ! Có người đào đất, cắt, cỏ, đốn cây, chặt tử thi, mắng chửi, đánh đập tử thi, do nghiệp duyên này có bị đọa địa ngục chăng ?

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa của Phật nói kẻ đó phải đọa địa ngục. Vì cố sao ? Như ngày trước Phật nói pháp cho hàng Thanh Văn : Này các Tỳ Kheo ở nơi cây cháy rụi chớ sanh lòng ác. Vì tất cả chúng sanh do lòng ác mà phải đọa nơi địa ngục".

Đức Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông nói, phải khéo thọ trì.

Này Thiện nam tử ! Nếu nhơn ác tâm phải đọa địa ngục, lúc đó Bồ Tát thiết không ác tâm. Vì đại Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh nhân đến con trùn, con kiến đều sanh lòng thương xót, muốn làm cho họ được lợi ích. Vì Bồ Tát khéo biết các phương tiện, các nhơn duyên, do sức phương tiện muốn cho chúng sanh vun trồng cội lành. Do nghĩa đó, lúc ấy ta dùng phương tiện, dầu giết hại mạng họ mà chẳng phải là tâm ác.

Này Thiện nam tử ! Cứ theo giáo pháp Bà La Môn, cho rằng nếu giết chết kiến đầy cả mười xe không có tội báo, muỗi, ruồi, rận, rệp, mèo, chồn, sư tử, cọp, sói, gấu, những độc trùng, ác thú, và những loài có thể làm hại người : Quỷ thần, La sát, Cưu Bàn Trà, Ca La, Phú Đon Na, Điền cuồng, càn khô, có ai giết hại mạng họ đầy cả mười xe cũng không

có tội báo. Nếu giết người ác thời có tội báo. Giết rồi chẳng ăn năn thời đọa ngạ quỷ. Nếu có thể sám hối tuyệt thực ba ngày, thời tội đó tiêu diệt không còn thừa. Nếu giết Hòa thượng, giết cha, hại mẹ, giết phụ nữ, giết bò, trâu, thời phải đọa địa ngục trong vô số ngàn năm.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát biết giết hại có ba hạng : hạ, trung và thượng.

Hạng hạ là trùn kiến nhẫn đến tất cả các súc sanh chỉ trừ Bồ Tát thị hiện thọ sanh. Đại Bồ Tát do nguyện lực nên thị hiện làm thân súc sanh, trừ đây gọi là sát sanh hạng hạ. Nghiệp duyên này sẽ phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ chịu lấy sự khổ hạng hạ. Vì những súc sanh, có căn lành rất kém ít nên kẻ giết phải thọ tội báo hạng hạ.

Sát hại hạng trung là từ người phạm phu đến vị chứng quả A Na Hàm, đây gọi là hạng trung. Nghiệp duyên giết hại hạng này phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ thọ sự khổ hạng trung.

Sát sanh hạng thượng là giết cha mẹ, nhẫn đến A La Hán, Bích Chi Phật, quyết định Bồ Tát, đây gọi là hạng thượng. Nghiệp duyên giết hại hạng này phải đọa vào trong địa ngục A Tỳ chịu lấy sự khổ hạng thượng.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người giết kẻ nhứt xiển đề, thời chẳng đọa vào trong ba hạng sát hại này.

Này Thiện nam tử ! Những người giòng Ba La môn bị nhà vua giết trước kia tất cả đều là hạng nhứt xiển đề. Thí dụ đào đất, cắt cỏ, đốn cây, chặt tử thi mắng nhiếc đánh đập, đều không có tội báo. Giết hạng nhứt xiển đề cũng không có tội báo như vậy. Vì những người Bà La Môn không có căn lành nhân đến không có năm pháp tín v.v... Vì thế nên dầu giết hại họ mà chẳng đọa địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Ông trước nói rằng : Đức Như Lai có chi mắng Đề Bà Đạt Đa là người ngu si ăn nước miếng. Ông không nên hỏi như vậy. Vì chư Phật Thế Tôn phàm nói ra lời gì đều chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có thiệt ngữ được người đời mến ưa nhưng phi thời, phi pháp chẳng lợi ích, những lời như vậy đức Phật trọn chẳng nói. Hoặc lại có lời thô vụng hư vọng, phi thời, phi pháp, chẳng lợi ích người nghe chẳng ưa thích, đức Phật cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Nếu có những lời dầu là thô răn nhưng chơn thật chẳng hư vọng, phải thời đúng pháp có thể lợi ích cho tất cả chúng sanh, người nghe dầu chẳng vui đẹp nhưng ta cần phải nói. Vì chư Phật Thế Tôn Chánh đẳng Chánh giác khéo biết phương tiện.

Này Thiện nam tử ! Trước kia có một hôm ta đi ngang thôn Khoáng Dã, ở dưới rừng có một quỷ thần

tên là Khoáng Dã. Quỷ này thuần ăn máu thịt giết hại nhiều chúng sanh. Quỷ ấy lại mỗi ngày ăn một người trong thôn xóm gần đó. Lúc đó ta rộng nói pháp yếu cho quỷ Khoáng Dã, nhưng quỷ ấy hung bạo ngu si chẳng lãnh thọ giáo pháp. Ta liền hóa thân ra làm đại lực quỷ, làm rung động cung điện của nó. Quỷ Khoáng Dã dắt quyến thuộc và bộ hạ kéo ra muốn chống cự với ta. Chúng nó vừa thấy ta liền run sợ té xuống đất ngất xỉu như người chết. Ta dùng lòng từ bi lấy tay xoa lên mình nó. Nó tỉnh dậy nói rằng : "Hôm nay may mắn được sống lại. Vị Đại Thần Vương này có oai đức lớn có tâm từ bi tha tội lỗi của tôi". Quỷ Khoáng Dã liền sanh tâm lành kính tin nơi ta.

Ta hiện hườn lại thân Như Lai vì họ nói pháp yếu cho các quỷ thần kia thọ giới bát sát.

Chính ngày đó trong thôn Khoáng Dã có một ông Trưởng giả đến phiên phải chết, người trong thôn đã đưa ông ấy giao cho quỷ Khoáng Dã. Quỷ Khoáng Dã liền đem đến cúng thí cho ta. Ta lãnh ông Trưởng giả và đặt hiệu cho ông là Thủ trưởng giả.

Quỷ Khoáng Dã bạch ta rằng : "Thế Tôn ! Con và quyến thuộc của con chỉ nhờ máu thịt mà đặng sống, nay thọ giới bát sát biết lấy gì để sống được ?".

Ta bảo rằng : "Từ nay trở đi đức Phật sẽ bảo hàng Thanh Văn đệ tử tùy chỗ nào có Phật pháp lưu hành đều sẽ cúng thí đồ uống ăn cho nhà ngươi".

Này Thiện nam tử ! Do nhơn duyên đó ta chế điều giới : Các Tỳ Kheo từ nay trở đi thường phải thí thực cho quỷ Khoáng Dã. Nếu người xuất gia nào chẳng cúng thí, nên biết người đó chẳng phải là đệ tử Phật, chính là đồ đảng quyến thuộc của Thiên ma.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai vì muốn điều phục chúng sanh nên thị hiện những phương tiện như vậy. Chẳng phải cố ý làm cho họ sanh lòng sợ hãi.

Cũng có một lúc ta dùng cây đánh quỷ hộ pháp.

Lại có một hôm ta đang đi trên một ngọn núi xô quỷ Dương Đầu làm nó té xuống dưới núi.

Lại một hôm nơi ngọn cây ta xô ngã quỷ Hộ Di Hâu.

Một ngày nọ làm cho voi Hộ Tài thấy năm sư tử.

Có lúc ta sai thần Kim cương khùng bố ngoại đạo Tát Giá Ni Kiên Tử.

Ngày kia ta cũng lấy kim đâm thân của quỷ Tiển Mao.

Dẫu ta làm những việc như vậy nhưng cũng chẳng làm cho các quỷ thần kia đến phải chết. Chỉ vì muốn khiến họ an trụ nơi chánh pháp nên thị hiện những phương tiện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trước kia thiết ra đức Phật chẳng mắng nhục Đề Bà Đạt Đa. Còn Đề Bà Đạt Đa

cũng chẳng ngu si ăn nước miếng của người, cũng chẳng đọa A tỳ Địa ngục thọ tội một kiếp, cũng chẳng phá hoại chúng Tăng, chẳng làm thân Phật ra máu, Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng trái phạm bốn tội nặng, chẳng hủy báng kinh điển Đại thừa, ông ấy chẳng phải nhứt xiển đề, chẳng phải Thanh Văn cũng chẳng phải Bích Chi Phật.

Này Thiện nam tử ! Đề Bà Đạt Đa thiệt chẳng phải cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác. Duy chư Phật thấy biết được thôi.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên nay ông chẳng nên gạn rằng : "Cớ gì đức Như Lai quở trách mắng nhiếc làm nhục Đề Bà Đạt Đa. Đối với cảnh giới của chư Phật, ông chẳng nên có lòng nghi như vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như mía nấu nhiều lần thời đắng nhiều thứ vị. Tôi cũng vậy, nghe Phật nói pháp nhiều lần đắng nhiều pháp vị. Chính là những vị : xuất gia vị, ly dục vị, tịch diệt vị, đạo vị. Thế Tôn ! Như vàng ròng đốt đập nhiều lần càng sáng sạch, giá trị vô lượng, được trời người quý trọng. Đức Như Lai cũng vậy, trân trọng thừa hỏi liền đắng nghe thấy nghĩa rất sâu vi diệu, khiến người tu hành phụng tu thọ trì, vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Do đó đức Phật được trời người tôn trọng cung kính cúng dường".

Đức Phật tán thán Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Đại Bồ Tát vì muốn lợi ích chúng sanh nên thưa hỏi đức Như Lai những nghĩa sâu như vậy. Do nghĩa này ta tùy theo ý của ông mà nói pháp Đại thừa Phương Đẳng rất sâu, bí mật, tức là bậc rất yêu thương như con một".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu Bồ Tát tu tâm từ, bi, hỷ, đặng bậc con một, lúc tu tâm xả thời đặng bậc gì ?".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Ông khéo biết thời, biết ta muốn nói nên ông thưa hỏi.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lúc tu tâm xả thời đặng bậc bình đẳng không như ông Tu Bồ Đề. Đại Bồ Tát trụ bậc bình đẳng không, thời chẳng thấy có cha mẹ, anh em, chị em, họ hàng quyến thuộc, oán thù kẻ không thân không oán, nhĩn đến chẳng thấy : Âm, giới, nhập, chúng sanh thọ mạng. Ví như hư không, không có cha mẹ, anh, em, vợ con, nhĩn đến không có chúng sanh thọ mạng, tất cả các pháp cũng không có cha mẹ nhĩn đến thọ mạng.

Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp cũng như vậy, tâm của Bồ Tát bình đẳng như hư không, vì Bồ Tát khéo tu tập những pháp không".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Sao gọi là không ?".

Này Thiện nam tử ! Nói là không đó nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thủ không, tánh không, vô sở hữu không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không.

Đại Bồ Tát quán nội không như thế nào ? Đại Bồ Tát này quán nội pháp là không, chính là không cha mẹ, kẻ oán, người thân, không oán, không thân, chúng sanh, thọ mạng, thường, lạc, ngã, tịnh, Như Lai, Pháp, Tăng, tài vật. Trong nội pháp này đều có Phật tánh, nhưng Phật tánh này chẳng phải nội chẳng phải ngoại. Vì Phật tánh thường trụ không biến đổi. Đây gọi là Đại Bồ Tát quán nơi nội không.

Ngoại không cũng như vậy không có ngoại pháp.

Nội ngoại không cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Chỉ có Như Lai, Pháp, Tăng, Phật tánh, chẳng ở nơi phạm vi hai thứ không. Vì bốn pháp như vậy là thường, lạc, ngã, tịnh, nên chẳng gọi là không. Đây gọi là nội và ngoại đều không.

Này Thiện nam tử ! Hữu vi không là các pháp hữu vi thấy đều không. Chính là nội không, ngoại không, nội ngoại không, thường, lạc, ngã, tịnh không, chúng sanh thọ mạng Như Lai, Pháp, Tăng, đệ nhất nghĩa không. Trong đây Phật tánh chẳng phải pháp hữu vi, nên Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi không. Trên đây gọi là hữu vi không.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát quán vô vi không như thế nào ? Pháp vô vi thấy đều là không tức là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, ấm, giới, nhập, chúng sanh, thọ mạng, hữu vi, hữu lậu, nội pháp, ngoại pháp. Trong pháp vô vi Phật, Pháp v.v... bốn pháp đều chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi : Vì là thiện nên chẳng phải vô vi, vì tánh thường trụ nên chẳng phải hữu vi. Đây gọi là Bồ Tát quán vô vi không.

Thế nào là Bồ Tát quán vô thi không ? Đại Bồ Tát thấy sanh tử vô thi thấy đều không tịch gọi là không, đó tức là thường, lạc, ngã, tịnh, thấy đều không tịch chẳng có biến đổi. Chúng sanh thọ mạng Tam Bảo, Phật tánh và vô vi pháp cũng như vậy. Đây gọi là quán vô thi không.

Đại Bồ Tát quán nơi tánh không thế nào ? Đại Bồ Tát này quán tất cả pháp bốn tánh đều không : Ấm, giới, nhập, thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã. Tất cả pháp đều chẳng thấy bốn tánh, đây gọi là quán nơi tánh không.

Đại Bồ Tát quán vô sở hữu không như thế nào ? Như người không con nói nhà cửa trống không, rốt ráo quán không chẳng có thân yêu. Người ngu si thời gọi là các phương không. Người nghèo cùng thời gọi là tất cả không. Những kiến chấp như vậy, hoặc không hoặc chẳng phải không. Lúc Bồ Tát quán sát như người nghèo cùng tất cả đều không. Đây gọi là Bồ Tát quán vô sở hữu không.

Đại Bồ Tát quán đệ nhứt nghĩa không như thế nào ? Bồ Tát lúc quán đệ nhứt nghĩa, nhãn căn này lúc sanh ra không từ đâu lại, lúc nó diệt mất cũng không đi đến đâu, trước không, nay có, có rồi trở lại không, suy thật tánh của nó không nhãn căn không chủ thể. Như nhãn căn vô tánh, tất cả pháp cũng như vậy. Những gì gọi là đệ nhứt nghĩa không ? Có nghiệp có báo, chẳng thấy tác giả, pháp không như vậy gọi là đệ nhứt nghĩa không. Đây gọi là quán đệ nhứt nghĩa không.

Đại Bồ Tát quán không không như thế nào ? Trong không không này là chỗ mê mờ của Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Này Thiện nam tử ! Là có, là không, đây gọi là không không. Là phải là chẳng phải đây gọi là Không Không.

Này Thiện nam tử ! Bực Thập trụ Bồ Tát còn ở trong đây thông đạt phần ít như vi trần, huống là những người khác. Không không như vậy cũng chẳng đồng Không Không Tam muội của Thanh Văn chứng đặng. Đây gọi là Bồ Tát quán nơi Không Không.

Đại Bồ Tát quán Đại Không thế nào ? Đại Không tức là Bát nhã Ba la mật.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát đặng pháp môn Không như vậy thời đặng trụ nơi bậc hư không

Này Thiện nam tử ! Nay đức Phật ở trong đại chúng này lúc nói những nghĩa không như vậy, có mười hằng hà sa đại Bồ Tát liền đặng trụ nơi bậc hư không đẳng.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi bậc này ở trong tất cả pháp không bị trở ngại, không bị ràng buộc câu chấp, tâm không mê muội. Do nghĩa này nên gọi là bậc hư không đẳng.

Này Thiện nam tử ! Vì như hư không đối sắc đáng ưa chẳng sanh tham đắm, đối với sắc chẳng ưa chẳng sanh giận hờn. Đại Bồ Tát trụ trong bậc này cũng như vậy, đối với sắc tốt xấu tâm không tham không giận, ví như hư không rộng lớn tuyệt đối, có thể dung chứa tất cả vật. Đại Bồ Tát trụ trong bậc này cũng như vậy, rộng lớn tuyệt đối có thể dung thọ tất cả pháp. Do nghĩa này nên đặng gọi là bậc hư không đẳng.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ trong bậc này đối với tất cả pháp cũng thấy cũng biết, là hành, là duyên, là tánh, là tướng, là nhơn, là duyên, là chúng sanh tâm, là căn, là thiền định, là thừa, là thiện tri thức, là trì cấm giới, là vật bố thí, những pháp như vậy tất cả đều biết đều thấy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ trong bậc này biết mà chẳng thấy. Thế nào là biết ? Biết tự nhin đối, gieo xuống vực, nhảy vào lửa tự té từ ngọn núi

cao, thường co một chân, năm thứ nóng đốt thân, thường nằm trên tro, trên đất, trên gai góc, trên lá cây, cỏ cứng, trên phân bò, mặc y phục bằng gai thô của người vất bỏ trong gò mả, áo lông phấn tảo, áo khâm bà la, da nai, da hươu, áo quần bằng cỏ, ăn rau, ăn trái, ăn ngó, ăn củ, xác dầu, phân bò. Nếu đi khất thực hạn định từ nhà, gia chủ nếu nói rằng không liền bỏ đi, dầu kêu trở lại cũng chẳng ngó ngoái lại. Chẳng ăn muối ăn thịt, cùng năm thứ sữa, lạc, tô v.v.. Thường uống nước cám trấu, nước sôi. Thọ trì ngư giới, kê giới, cẩu giới, trỉ giới. Lấy tro trét trên mình, để tóc dài làm tướng. Lúc dùng dê để cúng tế trước chú nguyện rồi sau giết thịt. Bốn tháng thờ lửa, bảy ngày hóp gió. Trăm ngàn ức thứ hoa cúng dường chư Thiên. Muốn nhơn những việc trên đây để được thành tựu chỗ mong cầu. Những phương pháp trên đây không bao giờ có thể làm nhơn giải thoát được. Đây gọi là biết.

Thế nào là chẳng thấy ? Đại Bồ Tát chẳng thấy một người nào thật hành phương pháp như vậy mà đặng chánh giải thoát. Đây gọi là chẳng thấy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát cũng thấy cũng biết. Những gì là thấy ? Thấy các chúng sanh thật hành tà pháp ấy quyết đọa địa ngục đây gọi là thấy.

Thế nào là biết ? Biết các chúng sanh từ địa ngục ra, sanh trong loài người nếu có thể tu hành Đản Ba la mật nhĩn đến đầy đủ các môn Ba la mật, người

này quyết đặng tám môn chánh giải thoát. Đây gọi là biết.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng thấy cũng biết. Thế nào là thấy ? Thấy thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã, đây gọi là thấy. Thế nào là biết ? Biết các đức Như Lai quyết định chẳng rớt ráo nhập Niết Bàn, biết thân Như Lai là kim cang không hư hoại, chẳng phải là thân do phiền não mà thành, lại chẳng phải hôi như hư rã. Cũng lại có thể biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đây gọi là biết.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng biết cũng thấy. Thế nào là biết ? Biết chúng sanh này tín tâm thành tựu, biết chúng sanh này cầu pháp Đại thừa, người này thuận lưu, người này nghịch lưu, người này chánh trụ, biết chúng sanh này đã đến bờ kia.

Người thuận lưu là nói hạng phàm phu. Người nghịch lưu là từ bậc Tu Đà Hoàn nhĩn đến Duyên Giác. Người chánh trụ là nói các bậc Bồ Tát. Người đến bờ kia là nói các đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đây gọi là biết.

Thế nào là thấy ? Đại Bồ Tát trụ nơi kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn tu phạm hạnh dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy các chúng sanh ba nghiệp thân, khẩu, ý, tạo điều ác đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ

quí. Thấy các chúng sanh tu nghiệp lành sau khi chết sẽ sanh trên trời hay trong loài người. Những chúng sanh này từ tối tăm vào tối tăm. Có những chúng sanh từ tối tăm vào sáng suốt. Có những chúng sanh từ sáng suốt vào tối tăm. Có những chúng sanh từ sáng suốt vào sáng suốt. Đây gọi là thấy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng biết cũng thấy. Đại Bồ Tát biết các chúng sanh tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ. Người này đời nay thành tựu nghiệp ác, hoặc nhờn tham dục, sân khuể, ngu si, nghiệp này ắt phải thọ báo nơi địa ngục, người này do tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, nên hiện đời thọ quả báo nhẹ chẳng đọa địa ngục. Nghiệp này thế nào có thể đặng báo hiện tại ? Phát lồ sám hối những tội ác đã làm đã ăn năn chừa cải về sau chẳng dám tái phạm. Vì hổ thẹn, vì cúng dường Tam Bảo, vì thường trụ quả trách, người này do nhờn duyên nghiệp lành đây nên chẳng đọa địa ngục. Hiện đời thọ quả báo là nhức đầu, đau mắt, đau bụng, đau lưng, chết vì hoạn nạn, bị mắng nhiếc làm nhục, bị đánh đập trối nốt, bị đói khát khôn khổ, những việc như vậy là hiện đời thọ quả báo nhẹ. Đây gọi là biết.

Thế nào là thấy ? Đại Bồ Tát thấy người như vậy chẳng có thể tu tập thân, giới tâm, huệ, tạo chút ít nghiệp ác. Nhờn duyên của nghiệp này đáng lẽ hiện đời thọ quả báo. Người này tạo chút ít

nghiệp ác chẳng có thể sám hối, chẳng tự quở trách, chẳng sanh lòng hổ thẹn, chẳng sợ sệt, nghiệp ác này tăng trưởng nên thọ quả báo nơi địa ngục. Đây gọi là thấy.

Lại có biết mà chẳng thấy. Thế nào là biết ? Biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che đậy nên chẳng thể thấy. Đây gọi là biết mà chẳng thấy.

Lại có biết mà thấy chút ít. Bạc Thập trụ Bồ Tát biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thấy chẳng được rõ ràng dường như đêm tối thấy vật chẳng rõ.

Lại có cũng thấy cũng biết, chính là chư Phật Như Lai cũng thấy cũng biết.

Lại có cũng thấy cũng biết, chẳng thấy chẳng biết. Cũng thấy cũng biết là : Trong thế gian những văn tự, ngôn ngữ, nam, nữ, xe cộ, bình chậu, nhà cửa, thành ấp, áo xiêm, uống ăn, núi sông, vườn rừng, chúng sanh, thọ mạng. Đây gọi là cũng biết cũng thấy.

Thế nào là chẳng thấy chẳng biết ? Thánh nhơn chỗ có nói ra lời vi mật, không có nam nữ nhân đến vườn rừng. Đây gọi là chẳng thấy chẳng biết.

Lại có biết mà chẳng thấy : biết vật bố thí, biết chỗ cúng dường, biết người lãnh thọ, biết nhơn quả. Đây gọi là biết. Chẳng thấy đồ bố thí, chỗ cúng dường, người thọ nhân đến quả báo. Đây gọi là chẳng thấy.

Đại Bồ Tát biết có tám thứ, chính là ngũ nhân của đức Như Lai chỗ biết.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đại Bồ Tát có thể biết như vậy thời đặng những lợi ích gì ."

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát có thể biết như vậy thời đặng bốn vô ngại : Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, nhạo thuyết vô ngại. Pháp vô ngại là : Biết tất cả pháp và danh tự của pháp. Nghĩa vô ngại là : Biết những nghĩa của tất cả pháp, có thể tùy theo danh tự đã đặt cho các pháp mà giải nghĩa. Từ vô ngại là : Giảng luận tùy theo danh tự, giảng luận theo chánh âm, giảng luận về pháp cú, giảng luận về thế biện. Nhạo thuyết vô ngại là : Đại Bồ Tát khi diễn thuyết không có chướng ngại, không ai động chuyển được, không có sợ sệt, khó có ai tội phục được.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát có thể thấy và biết như vậy, bèn đặng bốn trí vô ngại như thế.

Lại này Thiện nam tử ! Pháp vô ngại là : Đại Bồ Tát biết khắp những pháp Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật. Nghĩa vô ngại là : Thừa đầu có ba, nhưng biết quy về một, trọn chẳng cho rằng có tướng sai biệt hẳn. Từ vô ngại là : Đại Bồ Tát ở trong một pháp đặt thành nhiều thứ tên, trải vô lượng kiếp nói chẳng hết, hàng Thanh Văn,

Duyên Giác, không thể nói như vậy được. Nhạo thuyết vô ngại là : Đại Bồ Tát trong vô lượng kiếp vì các chúng sanh diễn thuyết các pháp : Hoặc danh hoặc nghĩa, nhiều loại giảng thuyết khác nhau chẳng thể cùng tận.

Lại này Thiện nam tử ! Pháp vô ngại là : Đại Bồ Tát dầu biết các pháp nhưng chẳng chấp lấy. Nghĩa vô ngại là : Đại Bồ Tát dầu biết những nghĩa nhưng cũng chẳng chấp. Từ vô ngại là : Đại Bồ Tát dầu biết danh tự cũng chẳng chấp lấy. Nhạo thuyết vô ngại là : Đại Bồ Tát dầu biết nhạo thuyết tối thượng như vậy nhưng cũng chẳng chấp. Vì có sao chẳng chấp ? Vì nếu chấp lấy thời chẳng gọi là Bồ Tát.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nêu chẳng chấp lấy thời chẳng biết pháp, nếu biết pháp thời là chấp lấy, nếu biết mà chẳng chấp lấy thời là không chỗ biết, thế sao đức Như Lai nói rằng : Biết pháp mà chẳng chấp lấy ? Phật nói : Này Thiện nam tử ! Luận về người chấp lấy thời chẳng gọi là vô ngại. Người không chấp lấy mới gọi là vô ngại. Thế nên tất cả Bồ Tát nếu có chấp lấy thời không vô ngại, nếu không vô ngại thời chẳng gọi là Bồ Tát. Nên biết người ấy gọi là phàm phu. Tại sao chấp lấy gọi là phàm phu ? Vì tất cả phàm phu chấp lấy nơi sắc, thanh, nhãn đến chấp lấy thức. Vì chấp lấy sắc thời sanh tâm tham, vì sanh tâm tham

nên bị sắc ràng buộc, nhãn đến bị thức ràng buộc. Do bị ràng buộc nên chẳng đặng thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não. Thế nên chấp lấy gọi là phàm phu. Do nghĩa này nên tất cả phàm phu không có bốn vô ngại.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát đã ở nơi vô lượng a tăng kỳ kiếp biết và thấy pháp tướng. Do biết thấy nên biết nghĩa. Do thấy pháp tướng và biết nghĩa nên ở trong sắc. v.v... chẳng sanh lòng chấp lấy, nhãn đến trong thức cũng lại như vậy. . Do chẳng chấp lấy, Bồ Tát đối với sắc chẳng sanh lòng tham, nhãn đến nơi thức cũng chẳng sanh lòng tham. Do không tham nên chẳng bị sắc ràng buộc, nhãn đến chẳng bị thức ràng buộc. Bởi chẳng ràng buộc thời đặng thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não. Do nghĩa này nên tất cả Bồ Tát đặng bốn vô ngại. .

Này Thiện nam tử ! Do nhơn duyên này trong mười hai bộ kinh, đức Phật vì hàng đệ tử nói chấp lấy gọi là bị ma trói buộc. Nếu chẳng chấp lấy thời thoát khỏi sự trói buộc của ma. Ví như trong đời, người có tội bị vua bắt trói, người không tội nhà vua không bắt. Đại Bồ Tát cũng như vậy : Người chấp lấy thời bị ma ràng buộc, người không chấp lấy thời ma không ràng buộc được. Do nghĩa này nên đại Bồ Tát không có chấp lấy.

(*) Này Thiện nam tử ! Pháp vô ngại là : Đại Bồ Tát khéo biết danh tự giữ lấy chẳng quên, nói giữ lấy là như đất, núi, như con mắt, như đám mây, như người, như mẹ, tất cả các pháp cũng lại như vậy. Nghĩa vô ngại là : Bồ Tát chẳng những biết danh tự của các pháp mà cũng biết nơi nghĩa. Biết nghĩa thế nào ? Như đất khắp giữ lấy tất cả chúng sanh và phi chúng sanh, do nghĩa này nên gọi là đất giữ lấy. Bồ Tát lại suy nghĩ núi có thể giữ lấy đất làm cho vững vàng không nghiêng động nên gọi là núi giữ lấy. Con mắt có thể giữ lấy ánh sáng. Mây gọi là hơi của rồng, hơi của rồng giữ lấy nước cho nên gọi là mây giữ lấy. Người có thể giữ lấy pháp và phi pháp. Mẹ có thể giữ lấy con. Đại Bồ Tát biết danh tự cú nghĩa của tất cả pháp cũng như vậy.

Từ vô ngại là : Đại Bồ Tát dùng các thứ ngôn từ diễn nói một nghĩa, cũng không có nghĩa. Như những danh từ nam nữ, nhà cửa, xe cộ, chúng sanh v.v.. Có sao là vô nghĩa ? Luận về nghĩa là cảnh giới của Phật, của Bồ Tát, ngôn từ là cảnh giới của phàm phu. Do biết nghĩa nên đặt từ vô ngại.

Nhạo thuyết vô ngại là đại Bồ Tát biết từ, biết nghĩa, nên trong vô lượng a tăng kỳ kiếp thuyết từ, thuyết nghĩa, chẳng cùng tận. Đây gọi là nhạo thuyết vô ngại.

(*) Hán bộ quyển thứ 17

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp tu hành thế đế, do sự tu hành này biết pháp vô ngại. Lại trong vô lượng a tăng kỳ kiếp tu đệ nhút nghĩa đế nên đặng nghĩa vô ngại. Lại vô lượng a tăng kỳ kiếp tập học luận Tỳ Đà La Na nên đặng từ vô ngại. Cũng ở trong vô lượng a tăng kỳ kiếp tu tập luận thuyết về thế đế, nên đặng nhạo thuyết vô ngại. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác không đặng bốn vô ngại như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong chín bộ kinh, đức Phật nói Thanh Văn, Duyên Giác có bốn vô ngại, nhưng Thanh Văn, Duyên Giác thật không có. Tại vì sao ? Vì đại Bồ Tát như độ chúng sanh nên tu tập bốn trí vô ngại như vậy. Hàng Duyên Giác tu pháp tịch diệt chỉ ưa ở một mình, nếu hóa độ chúng sanh chỉ hiện thân thông, trọn ngày nín lặng không thuyết pháp làm sao có được bốn trí vô ngại. Có sao nín lặng mà không thuyết pháp ? Hàng Duyên Giác chẳng thể thuyết pháp độ người khiến đặng pháp noãn, pháp đánh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chẳng thể khiến người phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Hàng Duyên Giác ra đời trong thế gian không có chín bộ kinh, vì thế nên Duyên Giác không có từ vô ngại và nhạo thuyết vô ngại. Hàng Duyên Giác dầu biết các pháp nhưng

không được pháp vô ngại. Vì pháp vô ngại gọi là biết văn tự. Hàng Duyên Giác đầu biết văn tự nhưng không được văn tự vô ngại. Vì chẳng biết hai chữ "Thường Trụ". Thế nên hàng Duyên Giác chẳng đặng pháp vô ngại. Hàng Duyên Giác đầu biết nơi nghĩa nhưng không được nghĩa vô ngại.

Người thật biết nghĩa thời biết chúng sanh đều có Phật tánh. Nghĩa Phật tánh gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên hàng Duyên Giác chẳng đặng nghĩa vô ngại, thế nên tất cả hàng Duyên Giác không có bốn trí vô ngại.

Thế nào là hàng Thanh Văn không có bốn trí vô ngại ? Hàng Thanh Văn không có ba thứ thiện xảo, phương tiện ; một là quyết cần phải lời nói dịu dàng rồi sau mới lãnh thọ giáo pháp, hai là quyết phải lời nói thô rồi sau mới lãnh thọ sự giáo hóa, ba là lời nói chẳng dịu dàng chẳng thô rồi sau mới lãnh thọ sự giáo hóa. Vì hàng Thanh Văn không có ba phương tiện này nên không có bốn trí vô ngại. Lại hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng có thể biết lời, biết nghĩa rất ráo, không có trí tự tại, hiểu rõ nơi cảnh giới, không có mười trí lực, bốn vô sở úy, chẳng có thể rất ráo ra khỏi sông lớn, mười hai môn duyên, chẳng có thể khéo biết những căn tánh lợi độn sai khác của chúng sanh, chưa có thể dứt hẳn lòng nghi đối với hai đế lý, chẳng biết các thứ cảnh giới sở duyên nơi tâm của chúng sanh, chẳng có thể

khéo nói đệ nhứt nghĩa không, thế nên hàng Nhị thừa không có bốn trí vô ngại.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác đều không có bốn trí vô ngại, tại sao đức Thế Tôn lại nói Xá Lợi Phất là trí huệ đệ nhất. Đại Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất, Ma Ha Câu Si La là tứ vô ngại đệ nhất. Nếu các Ngài đó không có bốn trí vô ngại, sao đức Như Lai tuyên bố những lời như vậy".

Đức Phật khen ngợi Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Ví như sông Hằng có nước nhiều vô lượng, sông lớn Tân Đầu cũng có nước vô lượng, sông lớn Bắc Xoa cũng có nước vô lượng, sông lớn Tất Đà cũng có nước vô lượng, ao A Nậu Đạt cũng có nước vô lượng, trong đại hải nước cũng vô lượng. Các con sông lớn ao A Nậu cùng đại hải dầu đồng có nước nhiều vô lượng, nhưng thật ra nhiều ít chẳng đồng nhau. Bốn trí vô ngại của hàng Thanh Văn, Duyên Giác cùng các bậc đại Bồ Tát vốn cũng như vậy, nếu nói là đồng nhau thì không đúng.

Nay Thiện nam tử ! Ta vì phạm phu mà nói Ma Ha Câu Si La bốn trí vô ngại đệ nhất. Ý nghĩa lời hỏi của ông là như vậy.

Nay Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn hoặc có vị đặng một trí vô ngại, hoặc có vị đặng hai, không có vị nào có đủ được bốn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như trong phẩm Phạm Hạnh, đức Phật đã nói sự tri kiến của Bồ Tát đặng bốn trí vô ngại. Tri kiến của Bồ Tát thời là vô sở đắc cũng không có tâm niệm cho rằng vô sở đắc. Thế Tôn ! Đại Bồ Tát này thật vô sở đắc. Nếu giả sử tâm niệm Bồ Tát có sở đắc thời chẳng phải là Bồ Tát, nên gọi là phạm phu. Đức Như Lai sao lại nói Bồ Tát mà có sở đắc ?".

- Nay Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Ta sắp sửa nói mà ông lại hỏi. Đại Bồ Tát thật vô sở đắc, vô sở đắc gọi là bốn trí vô ngại.

Nay Thiện nam tử ! Do nghĩa gì vô sở đắc gọi là bốn trí vô ngại. Nếu có sở đắc thời gọi là ngại. Có chướng ngại gọi là bốn thứ điên đảo.

Nay Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát vì không bốn thứ điên đảo nên đặng vô ngại. Thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Lại nay Thiện nam tử ! Vô sở đắc thời gọi là Huệ. Đại Bồ Tát đặng Huệ này nên gọi là Vô sở đắc. Có sở đắc gọi là vô minh. Bồ Tát dứt hẳn vô minh tối tăm nên vô sở đắc. Vì thế nên Bồ Tát gọi là Vô sở đắc.

Nay Thiện nam tử ! Vô sở đắc thời gọi là Đại Niết Bàn. Bồ Tát an trụ trong Đại Niết Bàn như vậy, chẳng thấy tánh tướng của tất cả pháp vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc gọi là hai mươi

lăm côi, Bồ Tát dứt hẳn hai mươi lăm côi đặng Đại Niết Bàn. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc gọi là Đại thừa. Đại Bồ Tát chẳng trụ nơi các pháp nên đặng Đại thừa. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là đạo Thanh Văn, Bích Chi Phật. Bồ Tát dứt hẳn đạo Nhị thừa nên đặng Phật đạo. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô Sở Đắc gọi là kinh Phương Đẳng, Bồ Tát đọc tụng kinh như vậy nên đặng Niết Bàn. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Có Sở Đắc gọi là mười một bộ kinh. Bồ Tát tu tập kinh điển thuần giảng thuyết Phương Đẳng Đại thừa. Vì thế nên gọi là Bồ Tát vô sở đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc gọi là hư không. Trong thế gian không có vật gọi là hư không. Bồ Tát đặng hư không tam muội này thời không chỗ thấy. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là luân hồi sanh tử. Tất cả phàm phu luân hồi sanh tử nên có chỗ thấy. Bồ Tát dứt hẳn tất cả sanh tử nên gọi Bồ Tát là vô sở đắc. Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc của đại Bồ Tát gọi là thường, lạc, ngã, tịnh, vì đại Bồ Tát thấy Phật tánh nên đặng thường, lạc, ngã, tịnh. Do đó nên gọi Bồ Tát là vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đại Bồ Tát dứt bốn thứ này nên gọi là Bồ Tát là vô sở đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc gọi là đệ nhất nghĩa không. Đại Bồ Tát quán đệ nhất nghĩa không đều không chỗ thấy nên gọi Bồ Tát là vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là năm sự thấy. Bồ Tát dứt hẳn năm sự thấy này nên chứng đặng đệ nhất nghĩa không, vì thế nên gọi Bồ Tát là vô sở đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Bồ Tát lúc đặng Vô thượng Chánh giác đều không chỗ thấy nên gọi là Bồ Tát vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, Bồ Tát dứt hẳn Bồ Đề của Nhị thừa nên gọi Bồ Tát là vô sở đắc.

Này Thiện nam tử ! Lời hỏi của ông cũng vô sở đắc. Lời nói của ta cũng vô sở đắc. Nếu có sở đắc là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử của Phật.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Vì tôi lúc nói Bồ Tát vô sở đắc này, có vô lượng chúng sanh dứt tâm chấp có tướng. Do việc này tôi dám thưa hỏi vô sở đắc, làm cho vô lượng chúng sanh như vậy rời quyến thuộc ma làm đệ tử Phật".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : "Thế Tôn ! Đức Như Lai vừa rồi ở rừng Ta La Song Thọ này vì Thuần Đà nói bài kệ :

Trước có nay không
 Trước không nay có.
 Ba đời có pháp
 Không có lẽ ấy".

- Nay Thiện nam tử ! Đức Phật vì hóa độ chúng sanh mà nói lời ấy, cũng vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác mà nói lời ấy, cũng vì Văn Thù Sư Lợi mà nói lời ấy, chẳng phải chỉ vì một mình Thuần Đà mà nói kệ ấy. Lúc đó Văn Thù Sư Lợi toan muốn hỏi Phật. Phật biết tâm niệm của Văn Thù mà nói bài kệ ấy. Phật nói bài kệ ấy rồi thời Văn Thù Sư Lợi liền hiểu rõ.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như Văn Thù Sư Lợi, có được mấy người hiểu nghĩa ấy. Xin đức Như Lai vì đại chúng lại phân biệt giảng rộng".

- Nay Thiện nam tử ! Lóng nghe, lóng nghe ! Nay sẽ vì ông diễn giải lại.

Nói rằng trước có đó : Ngày trước ta vốn có vô lượng phiền não, do phiền não nên hiện tại không có Đại Niết Bàn.

Nói rằng trước không đó : Trước không Bát nhã Ba la mật, vì không Bát nhã Ba la mật nên hiện tại

có đủ phiền não. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, không ai có thể nói đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai hay hiện tại có phiền não.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó : Ta trước có thân hòa hiệp của cha mẹ sanh vì thế nên hiện tại không có pháp thân kim cang vi diệu.

Nói rằng trước không đó : Thân ta vốn không ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt, bởi trước không có tướng tốt nên hiện tại có đủ bốn trăm lẻ bốn thứ bịnh.

Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, không thể nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hiện tại có bịnh khổ đó.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó : Ta trước vốn có vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Bởi có vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, nên hiện tại không có Vô thượng Bồ Đề. Nói rằng trước không đó : Trước không thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên không có thường, lạc, ngã, tịnh, hoặc Sa Môn hay Bà La Môn hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, không thể nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hiện tại không có thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, là trước có tâm niệm tu khổ hạnh của phàm phu cho rằng đặng Vô thượng Chánh giác, vì vậy nên hiện tại không thể phá hoại bốn thứ ma. Nói rằng trước không đó, ta trước không có sáu môn Ba la mật, do trước không sáu môn Ba la mật nên có tâm niệm tu, tu hành khổ hạnh của phàm phu cho rằng đặng Vô thượng Bồ Đề. Hoặc Sá Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, không thể nói đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hiện tại có khổ hạnh.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, ta xưa trước có thân tạp thực nên hiện tại không thân vô biên. Nói rằng trước không đó, trước không ba mươi bảy pháp trợ đạo, do không pháp trợ đạo nên hiện tại có thân tạp thực. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hiện tại có thân tạp thực, thời không đúng.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó : Ta xưa trước có tâm niệm chấp lấy tất cả pháp, vì thế nên hiện tại không có chánh định rốt ráo không. Nói rằng trước không đó : Ta trước không có thật nghĩa trung đạo, do không có thật nghĩa trung đạo nên có tâm niệm chấp lấy tất cả pháp. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị

lại, hiện tại nói tất cả pháp là có tướng, thời không đúng.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, lúc ta mới đặng Vô thượng Bồ Đề, có các đệ tử Thanh Văn căn độn, do có đệ tử Thanh Văn căn độn nên không thể diễn nói đạo nhưt thừa chơn thật. Nói rằng trước không đó : Trước không bậc lợi căn Tượng Vương trong loài người như Ca Diếp Bồ Tát v.v... Bởi không hạng lợi căn nên đức Phật tùy nghi phương tiện khai thị ba thừa. Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, nói rằng đức Như Lai thưở quá khứ, vị lai, hiện tại rốt ráo diễn thuyết pháp ba thừa, thời không đúng.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó : Ta trước nói rằng sau đây ba tháng nơi rừng Ta La Song Thọ, ta sẽ nhập Niết Bàn. Vì thế nên hiện tại đây chẳng diễn thuyết được kinh Đại thừa Đại Niết Bàn. Nói rằng trước không đó : Ngày trước không có Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ Tát v.v... Vì không có nên hiện tại nói đức Như Lai vô thường. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc Phạm Vương, hoặc người, hoặc trời, hoặc ma, nói rằng đức Như Lai thưở quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường thời không đúng.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai khắp vì chúng sanh nên dầu biết rõ tất cả pháp mà nói là chẳng biết, dầu thấy mà nói là chẳng thấy, pháp có tướng

nói rằng không tướng, pháp không tướng nói rằng có tướng. Thiết có thường nói rằng vô thường, lạc, ngã và tịnh cũng như vậy. Pháp tam thừa nói là nhứt thừa, pháp nhứt thừa tùy nghi nói thành ba : Tướng đốn gọn nói thành tướng rộng, tướng rộng nói thành tướng đốn gọn. Bốn tội trọng nói là tội Thâu lan giá, tội Thâu lan giá nói là bốn tội trọng. Phạm nói chẳng phải phạm, chẳng phải phạm nói là phạm. Tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh. Tại sao vậy ? Vì đức Như Lai thấy rõ căn tánh của chúng sanh. Đức Như Lai dầu nói như vậy mà trọn không hư vọng. Vì lời hư vọng chính là tội lỗi. Đức Như Lai đã dứt hết tất cả tội lỗi, thời đâu còn có nói lời hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai dầu không lời hư vọng, nếu biết chúng sanh do nơi lời hư vọng mà đặng lợi ích đối với chánh pháp, thời tùy nghi phương tiện vì họ mà nói.

Này Thiện nam tử ! Tất cả thế đế đối với Như Lai tức là đệ nhất nghĩa đế. Chư Phật Thế Tôn vì đệ nhất nghĩa đế mà nói thế đế, làm cho chúng sanh chứng đặng đệ nhất nghĩa đế. Giả sử chúng sanh chẳng đặng đệ nhất nghĩa đế như vậy, thời chư Phật trọn chẳng tuyên nói thế đế.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai có lúc diễn nói thế đế, chúng sanh cho rằng Phật nói đệ nhất nghĩa đế. Đức Như Lai có lúc diễn nói đệ nhất nghĩa đế,

chúng sanh cho rằng Phật nói thế đế. Nên cảnh giới rất sâu của chư Phật chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác có thể biết được.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên ông chẳng nên gạn rằng : Đại Bồ Tát là vô sở đắc. Bồ Tát thường chứng đặng đệ nhất nghĩa đế, sao lại gạn rằng là vô sở đắc".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là đạo, cũng gọi là Bồ Đề, cũng gọi là Niết Bàn. Nếu có Bồ Tát nói rằng có đắc đạo, có Bồ Đề, Niết Bàn, thời là vô thường. Vì pháp nếu là thường thời chẳng thể đặng, dường như hư không, có ai được.

Thế Tôn ! Như vật trong thế gian trước không nay có gọi đó là vô thường. Cũng vậy, nếu đạo là có thể được thời gọi là vô thường. Pháp nếu là thường thời không đặng, không sanh, dường như Phật tánh không đặng, không sanh.

Thế Tôn ! Luận về đạo : Chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng sắc, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải có, chẳng phải không, có sao đức Như Lai nói là có thể được. Bồ Đề cùng Niết Bàn cũng như vậy".

Phật nói : "Phải lắm ! Phải lắm ! Này Thiện nam tử ! Đạo có hai thứ : Một là thường, hai là vô thường.

Tướng Bồ Đề cũng có hai thứ : một là thường, hai là vô thường. Niết Bàn cũng vậy.

Đạo của ngoại đạo gọi là vô thường. Đạo của nội đạo gọi là thường. Bồ Đề của Thanh Văn, Duyên Giác là vô thường. Bồ Đề của Bồ Tát và chư Phật gọi là thường. Ngoại giải thoát gọi là vô thường. Nội giải thoát gọi là thường.

Đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn đều gọi là thường. Tất cả chúng sanh vì bị vô lượng phiền não che đậy không huệ nhãn nên chẳng thể thấy được. Mà các chúng sanh vì muốn được thấy nên tu giới, định, huệ. Do tu hành nên thấy đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát chứng đặng đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn.

Tánh tướng của đạo thật chẳng sanh chẳng diệt. Do nghĩa này nên chẳng thể nắm lấy. Nay Thiện nam tử ! Đạo dầu không hình sắc thấy được, không thể cân lường biết. Nhưng thật có công dụng. Như tâm chúng sanh dầu chẳng phải sắc, chẳng phải dài, vắn, thô, tế, chẳng phải buộc chẳng phải mở. Chẳng phải là pháp có thể thấy nhưng cũng là có.

Do nghĩa này nên đức Phật vì ông Tu Đạt Đa nói rằng : Nay Trưởng giả ! Tâm là chúa trong thành. Trưởng giả nếu chẳng giữ gìn tâm thời chẳng giữ gìn thân miệng. Nếu giữ gìn tâm thời là giữ gìn thân miệng. Bởi chẳng khéo giữ gìn thân miệng nên làm

cho chúng sanh sa đến ba ác thú. Giữ gìn thân miệng thời làm cho chúng sanh đặng báo trời người và Niết Bàn. Chứng đặng gọi là chơn thật, còn chẳng chứng đặng gọi là chẳng chơn thật. Đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn cũng như vậy : cũng là có cũng là thường. Nếu như không có làm sao có thể dứt được tất cả phiền não. Vì có nên tất cả Bồ Tát thấy biết rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Một là thấy tướng mạo, hai là thấy rõ ràng. Thế nào là thấy tướng mạo ? Như thấy khói đằng xa gọi là thấy lửa, kỳ thật chẳng thấy lửa, dầu chẳng thấy lửa nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Thấy chim hạc bay trên không bèn nói là thấy nước. Dầu chẳng thấy nước nhưng chẳng phải là hư vọng. Như thấy lá cây bèn nói là thấy gốc cây, dầu chẳng phải thấy gốc cây nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như người thấy sừng trâu trong rào đằng xa bèn nói là thấy trâu, dầu chẳng thấy trâu, nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy người nữ thai nghén bèn nói là thấy dục, dầu chẳng thấy dục, nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy cây mọc lá bèn nói là thấy nước, dầu chẳng thấy nước nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy mây bèn nói là thấy mưa, dầu chẳng thấy mưa nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy thân nghiệp cùng khẩu nghiệp bèn nói là thấy tâm, dầu chẳng thấy tâm, nhưng cũng chẳng phải là hư vọng, đây gọi là thấy tướng mạo.

Thế nào là thấy rõ ràng ? Như mắt thấy sắc. Nay Thiện nam tử ! Như người có con mắt sáng tự xem trái A Ma Lạc trong bàn tay. Đại Bồ Tát thấy đạo Bồ Đề, Bồ Đề và Niết Bàn rõ ràng cũng như vậy, dầu thấy như vậy nhưng vẫn không có tướng thấy.

Này Thiện nam tử ! Do nhân duyên này ngày trước ta bảo Xá Lợi Phất : Tất cả trong đời hoặc Sa Môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người chỗ chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, chỉ có đức Như Lai đều biết thấy và hiểu, chư vị đại Bồ Tát cũng như vậy. Còn nếu trong các thế gian chỗ biết thấy và hiểu, thời ta cùng Bồ Tát cũng biết thấy và hiểu. Chúng sanh trong thế gian chỗ chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, cũng chẳng tự biết là mình chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu. Chúng sanh trong thế gian chỗ biết thấy và hiểu bèn tự nói rằng tôi biết thấy và hiểu. Đức Như Lai tất cả đều biết thấy và hiểu, cũng chẳng tự nói rằng ta biết thấy và hiểu, tất cả Bồ tát cũng như vậy, vì nếu giả sử đức Như Lai còn có tướng biết thấy và hiểu, phải biết đó là chẳng Phật Thế Tôn mà là phàm phu, Bồ Tát cũng vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Như đức Thế Tôn bảo Xá Lợi Phất : Thế gian biết ta cũng biết, thế gian chẳng biết ta cũng biết rõ. Ý nghĩa đó thế nào ?"

Này Thiện nam tử ! Tất cả thế gian chẳng biết, chẳng thấy chẳng hiểu được Phật tánh. Nếu có biết

thấy và hiểu Phật tánh thời chẳng gọi là thế gian mà Bồ Tát. Người thế gian cũng lại chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu mười hai loại kinh, mười hai môn duyên, bốn đảo, bốn đế, ba mươi bảy phẩm, Vô thượng Bồ Đề, Đại Niết Bàn, nếu biết, thấy và hiểu thời chẳng phải là thế gian nên gọi là Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu.

Thế nào là chỗ biết, thấy và hiểu của thế gian ? Chính là Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, Bát Tỳ Thiên, tánh, thời, vi trần, pháp và phi pháp là chủ tạo hóa, chung thì của thế gian, hai kiến chấp đoạn thường, cho rằng Sơ thiên đến trời Phi phi tướng là Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là chỗ thấy, biết và hiểu của thế gian. Đại Bồ Tát đối với những việc như vậy cũng biết thấy và hiểu. Bồ Tát thấy, biết và hiểu như vậy rồi, nếu nói rằng chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu thời là hư vọng. Hư vọng thời là tội. Do tội này phải đọa địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Hoặc nam nữ, hoặc Sa môn hay Bà La Môn nói rằng không có đạo Bồ Đề Niết Bàn. Phải biết bọn này gọi là nhất xiển đề, là quyến thuộc của ma, gọi là hủy báng chánh pháp. Hủy báng chánh pháp như vậy chính là hủy báng chư Phật. Người như vậy chẳng gọi là thế gian cũng chẳng gọi là chẳng phải thế gian.

Lúc bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát liền nói kệ tán thán Phật :

Đức đại từ thương chúng sanh,
 Nên nay tôi quy y Phật.
 Khéo nhỏ những mũi tên độc,
 Nên hiệu là đại y vương.
 Y sĩ trong đời trị bệnh,
 Dầu lành nhưng sanh trở lại,
 Đức Như Lai trị lành hẳn
 Rốt ráo chẳng còn phát sanh.
 Thuốc cam lộ của Thế Tôn
 Đem ban cho các chúng sanh,
 Chúng sanh đã uống thuốc rồi,
 Thời chẳng chết cũng chẳng sanh.
 Đức Như Lai nay vì tôi
 Diễn nói kinh đại Niết Bàn,
 Chúng sanh nghe tạng bí mật
 Liền đặng chẳng sanh chẳng diệt.

Nói kệ xong, Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói tất cả thế gian chẳng biết, thấy, hiểu, Bồ Tát đều có thể biết, thấy, hiểu. Giả sử Bồ Tát là thế gian thời chẳng đặng nói rằng thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, mà Bồ Tát có thể biết, thấy, hiểu. Còn nếu Bồ Tát chẳng phải thế gian thời có tướng gì khác ?".

- Nay Thiện nam tử ! Bồ Tát cũng là thế gian cũng chẳng phải thế gian. Chẳng biết, thấy, hiểu gọi là thế gian. Biết, thấy, hiểu chẳng gọi là thế gian. Ông hỏi có tướng gì khác nay ta sẽ nói.

Nay Thiện nam tử ! Hoặc nam nữ nếu có người mới nghe kinh Đại Niết Bàn này liền sanh lòng kính tin phát tâm Vô thượng Bồ Đề, đây gọi là thế gian Bồ Tát. Tất cả thế gian chẳng biết, thấy, hiểu, Bồ Tát này cũng chẳng biết, thấy, hiểu đồng như thế gian. Bồ Tát nghe kinh Đại Niết Bàn này rồi biết có sự mà thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu là chỗ biết, thấy, hiểu của Bồ Tát. Biết như vậy rồi liền tự nghĩ rằng : Tôi phải tu tập thế nào để được biết, thấy và hiểu ? Lại tự nghĩ : Chỉ phải thâm tâm tu trì tịnh giới.

Nay Thiện nam tử ! Do nhơn duyên đó Bồ Tát này ở đời vị lai sanh vào chốn nào giới đức vẫn thường thanh tịnh.

Nay Thiện nam tử ! Do giới thanh tịnh nên đại Bồ Tát sanh vào chốn nào vẫn thường không kiêu mạn, tà kiến, nghi lầm. Không bao giờ cho rằng : Đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát tu trì giới thanh tịnh.

Giới đã thanh tịnh kể đến tu thiện định. Do tu thiện định nên đời đời chẳng mất chánh niệm : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, mười hai bộ kinh, chư Phật Thế

Tôn thường, lạc, ngā, tịnh. Tất cả Bồ Tát an trụ nơi kinh Phương Đẳng đại Niết Bàn đều thấy Phật tánh, những việc như vậy đời đời nhớ chẳng quên. Do tu chánh định, nên chứng đặng mười một pháp không. Đây gọi là Bồ Tát tu thanh tịnh.

Giới định đã đủ kế tu huệ thanh tịnh. Do tu huệ nên chẳng chấp trước trong thân có ngā, trong ngā có thân, là thân là ngā, chẳng phải thân chẳng phải ngā. Đây gọi là Bồ Tát tu tập huệ thanh tịnh. Do tu huệ nên giới cấm đang thọ trì bền chắc chẳng lay động.

Như núi Tu Di chẳng bị bốn ngọn gió làm lay động. Cũng vậy, đại Bồ Tát chẳng bị bốn thứ điên đảo làm động.

Bấy giờ Bồ Tát tự rõ biết rằng giới cấm của mình thọ trì không có lay động. Đây gọi là chỗ thấy biết của Bồ Tát, chẳng phải là thế gian.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát thấy giới cấm của mình thọ trì bền chắc chẳng lay động thời tâm không hối hận. Vì không hối hận nên tâm vui mừng. Vì vui mừng nên tâm thỏa thích. Vì thỏa thích nên tâm an ổn. Vì an ổn nên đặng chánh định vô động. Vì đặng chánh định vô động nên đặng tri kiến chơn thật. Vì đặng tri kiến chơn thật nên nhàm lìa sanh tử. Vì nhàm lìa sanh tử nên đặng giải thoát. Vì đặng giải thoát nên thấy rõ Phật tánh. Đây gọi là chỗ thấy biết của Bồ Tát, chẳng phải là thế gian.

Này Thiện nam tử ! Như trên đây gọi là thế gian chẳng biết chẳng thấy, mà là chỗ thấy, chỗ biết của Bồ Tát.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế nào là Bồ Tát tu trì giới thanh tịnh tâm không hối hận nhãn đến thấy rõ Phật tánh ?".

- Này Thiện nam tử ! Giới cấm của thế gian chẳng gọi là thanh tịnh. Vì giới của thế gian để cầu pháp có, vì tánh bất định, vì chẳng rốt ráo, chẳng thể khắp vì tất cả chúng sanh. Do nghĩa này nên gọi là chẳng thanh tịnh. Vì chẳng thanh tịnh nên có tâm hối hận. Vì hối hận nên tâm không vui mừng. Vì không vui mừng thì không thỏa thích. Vì không thỏa thích thì tâm không an ổn. Vì không an ổn nên không có chánh định bất động. Vì không chánh định bất động nên không có tri kiến chơn thật. Vì không tri kiến chơn thật thì tâm không nhàm lìa. Vì không nhàm lìa thì không được giải thoát. Vì không giải thoát nên chẳng thấy Phật tánh. Vì không thấy Phật tánh nên trọn chẳng đặng Đại Niết Bàn. Đây gọi là giới cấm của thế gian chẳng thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Giới của Đại Bồ Tát thanh tịnh : Vì giới mà chẳng phải giới, vì chẳng phải là có, vì quyết định rốt ráo, vì lợi ích chúng sanh. Đây gọi là giới thanh tịnh của Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát ở trong giới thanh tịnh, dầu chẳng muốn sanh lòng không hồi hận, nhưng lòng không hồi hận tự nhiên sanh. Như người cầm gương sáng chẳng trông mong thấy mặt mình mà ảnh của mặt mình tự nhiên hiện.

Như nhà nông đem giống gieo trong ruộng tốt, chẳng mong mỗi mầm mọc lên mà mầm mọc tự mọc. Lại cũng như thắp đèn chẳng muốn trừ tối mà tối tự mất.

Đại Bồ Tát bền giữ giới thanh tịnh tâm không hồi hận tự nhiên sanh cũng như vậy, do giới thanh tịnh nên tâm đặng vui mừng.

Như người xinh đẹp thấy diện mạo mình lòng sanh vui mừng, người trì tịnh giới cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Người phá giới thấy giới không thanh tịnh lòng không vui mừng, như người tàn tật xấu xa thấy diện mạo mình lòng rất buồn bã.

Như hai cô gái chẵn bò : Một người cầm bình đựng chất lạt, một người cầm bình đựng chất nước trái ép, đồng vào thành để bán, giữa đường vấp chân té hai bình đều bể. Một thời vui mừng, một thời rầu rĩ. Trì giới và phá giới mừng rầu cũng như vậy. Người trì tịnh giới tâm vui mình. Vì vui mừng bèn suy nghĩ :

- Chư Phật ở trong Niết Bàn nói rằng : Người có thể trì tịnh giới thanh tịnh sẽ đặng Niết Bàn. Nay

tôi tu tập tịnh giới như vậy cũng đáng được đó. Do cố này nên tâm thỏa thích.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Vui mừng cùng thỏa thích có sai khác gì ?".

- Nay Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lúc chẳng làm ác gọi là vui mừng, lúc trì tịnh giới gọi là thỏa thích. Đại Bồ Tát lúc quán sát sanh tử gọi là vui mừng, lúc thấy Đại Niết Bàn gọi là thỏa thích. Bậc hạ gọi là vui mừng, bậc thượng gọi là thỏa thích. Lìa pháp thế gian gọi là vui mừng, đặng pháp bất cộng gọi là thỏa thích. Do giới thanh tịnh nên thân thể dịu dàng, miệng không nói lời thô ác lỗi lầm. Lúc bấy giờ Bồ Tát hoặc thấy hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc nếm, hoặc xúc chạm, hoặc biết, đều không có các sự ác. Vì không ác nên tâm đặng an ổn. Vì an ổn nên đặng chánh định. Vì đặng chánh định nên thấy biết chơn thật. Vì thấy biết chơn thật nên nhàm lìa sanh tử. Vì nhàm lìa sanh tử nên đặng giải thoát. Vì giải thoát nên thấy Phật tánh. Vì thấy Phật tánh nên đặng Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát trì tịnh giới, chẳng phải giới cấm thế gian. Vì đại Bồ Tát thọ trì tịnh giới có năm pháp tá trợ : Một là tín, hai là tầm, ba là quý, bốn là thiện tri thức, năm là tôn kính giới, do đã lìa ngũ cái, chỗ thấy thanh tịnh vì đã lìa năm ác kiến. Tâm không nghi hoặc vì đã lìa năm thứ nghi : Một là nghi Phật, hai là nghi Pháp, ba là nghi Tăng, bốn là nghi giới, năm

là nghi chẳng phóng dật, Bồ Tát bèn đặng ngũ căn : Tín, niệm, tinh tấn, định và huệ. Vì đặng ngũ căn nên đặng năm thứ Niết Bàn : Sắc giải thoát nhãn đến thức giải thoát. Đây gọi là Bồ Tát trì tịnh giới thanh tịnh chẳng phải thế gian vậy.

Này Thiện Nam tử ! Đây là thế gian chẳng biết chẳng thấy mà là chỗ thấy biết của Bồ Tát.

Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng biên chép, diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn mà có phá giới. Bị người quở trách khinh tiện hủy nhục và nói rằng : "Nếu tạng bí mật của Phật, kinh Đại Niết Bàn có oai lực, sao lại làm cho người hủy phá giới cấm. Nếu người thọ trì kinh Niết Bàn này hủy phá giới cấm, nên biết kinh này là không có oai lực nếu không oai lực dầu có đọc tụng cũng không lợi ích". Do vì khinh hủy kinh Đại Niết Bàn nên làm cho vô lượng chúng sanh đọa địa ngục. Người thọ trì kinh này mà hủy phá giới cấm là ác tri thức của chúng sanh, là quyến thuộc của ma chẳng phải đệ tử của ta. Người như vậy ta cũng chẳng cho thọ trì kinh này. Thà khiến họ chẳng thọ, chẳng trì, chẳng tu, chớ chẳng để họ hủy phá giới cấm mà thọ trì tu tập.

Này Thiện nam tử ! Nếu đệ tử ta thọ trì đọc tụng thơ tả diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn, phải chánh thân tâm cần thận chớ cợt đùa, cử động khinh tháo, thân không cợt đùa tâm không khinh động. Tâm cầu pháp có thời gọi là khinh động, thân tạo các nghiệp

gọi là cột đũa. Nếu đệ tử ta cầu pháp có, tạo các nghiệp, thời không nên thọ trì kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn này. Nếu người như vậy mà thọ trì kinh này, sẽ làm cho nhiều người khinh chê mà nói rằng : Nếu kinh Đại Niết Bàn, tạng bí mật của Phật có oai lực, sao lại làm cho người cầu pháp có, gây tạo các nghiệp. Nếu người trì kinh này cầu pháp có, gây tạo các nghiệp, do đó biết rằng kinh này không có oai lực, không oai lực nên thọ trì cũng không lợi ích gì.

Do khinh hủy kinh Đại Niết Bàn lại làm cho vô lượng chúng sanh đọa địa ngục. Người thọ trì kinh này nếu cầu pháp có, gây tạo các nghiệp, họ là ác tri thức của chúng sanh, là quyến thuộc của ma không phải là đệ tử ta.

Này Thiện nam tử ! Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng thơ tả diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn này, không nên : thuyết pháp phi thời, thuyết pháp phi xứ, không thỉnh mà thuyết pháp, khinh tâm mà thuyết pháp, chỗ nào cũng thuyết pháp, tự khen mình mà thuyết pháp, khinh người khác mà thuyết pháp, diệt Phật mà thuyết pháp, hưng thịnh pháp thế gian mà thuyết pháp.

Nếu đệ tử của ta thọ trì kinh này mà thuyết pháp phi thời cho đến thuyết pháp để hưng thịnh pháp thế gian, mọi người sẽ khinh chê họ. Vì khinh chê kinh Đại Niết Bàn nên làm cho vô lượng chúng sanh

đọa địa ngục. Người thọ trì kinh này mà như vậy thời là ác tri thức của chúng sanh, là quyến thuộc của ma, không phải là đệ tử của ta.

Này Thiện nam tử ! Nếu người thọ trì kinh này, muốn giảng thuyết Đại Niết Bàn, muốn giảng thuyết Phật tánh, muốn giảng thuyết tạng bí mật của Như Lai, muốn giảng thuyết Đại thừa, muốn giảng thuyết kinh Phương Đẳng, muốn giảng thuyết Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, muốn giảng thuyết giải thoát, thấy Phật tánh thời trước phải thanh tịnh thân của mình. Vì thân thanh tịnh thời người không quở trách. Vì không quở trách nên làm cho vô lượng chúng sanh có lòng tin thanh tịnh đối với kinh Đại Niết Bàn. Vì có lòng tin nên càng kính kinh này, nếu được nghe một kệ, một câu, một chữ và người thuyết pháp, thời phát đặng tâm Vô thượng Bồ Đề. Nên biết người này thật là thiện tri thức của chúng sanh, là đệ tử của Phật. Đây gọi là Bồ Tát chẳng phải thế gian.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là thế gian chẳng biết chẳng thấy mà là chỗ thấy chỗ biết của Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là tất cả thế gian chẳng thấy chẳng biết, mà là chỗ thấy, chỗ biết của Bồ Tát ? Đây là nói sáu chánh niệm : Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

Thế nào là niệm Phật ? Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, thường chẳng biến đổi, đầy đủ mười trí lực, bốn môn vô sở úy, đại Sư tử hống, gọi là đại Sa Môn, đại Bà La Môn, đại tịnh, rớt ráo đến nơi bờ kia, đấng Vô Năng Thắng, đấng Vô kiến đánh, không có bố úy, chẳng kinh chẳng động, riêng một không bạn vô sư tự ngộ, trí mau lẹ, trí lớn, trí lanh lợi, trí sâu, trí giải thoát, trí bất cộng, trí rộng khắp, trí rớt ráo, trí bảo thành tựu, Tượng vương trong loài người, Ngưu vương trong loài người, Long vương trong loài người, trượng phu trong loài người, Liên hoa trong loài người, hoa Phân đà Lợi, Điều ngự Nhơn sư, là đại thí chủ bậc thầy đại pháp, hiệu đại Pháp sư, vì biết pháp, vì biết nghĩa, vì biết thời, vì tri túc, vì tri ngã, vì biết đại chúng, vì biết chủng tánh của chúng sanh, vì biết căn tánh lợi độn, vì nói trung đạo, do những cứ này nên hiệu là đại Pháp sư.

Thế nào gọi là Như Lai ? Như chỗ thuyết pháp của chư Phật quá khứ chẳng biến đổi. Chư Phật quá khứ vì độ chúng sanh nên nói mười hai bộ kinh. Đức Như Lai cũng vậy nên hiệu là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn từ sáu môn Ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười một pháp không mà đến đại Niết Bàn. Đức Như Lai cũng vậy, nên gọi Phật là

Như Lai. Chư Phật Thế Tôn vì chúng sanh nên tùy nghi phương tiện khai thị ba thừa, thọ mạng vô lượng không thể tính đếm. Đức Như Lai cũng vậy nên gọi Phật là Như Lai.

Thế nào là Ứng ? Pháp thế gian đều gọi là oan gia, vì đức Như Lai ứng phá hoại pháp ấy nên gọi là Ứng. Luận về tứ ma là oan gia của Bồ Tát, chư Phật Như Lai lúc làm Bồ Tát, có thể dùng trí huệ phá hoại bốn thứ ma nên gọi là Ứng. Lại Ứng gọi là viễn ly, lúc làm Bồ Tát nên phải xa lìa vô lượng phiền não nên gọi là Ứng. Lại Ứng gọi là Lạc, chư Phật quá khứ lúc làm Bồ Tát dầu trong vô lượng vô số kiếp vì chúng sanh mà thọ những khổ não, nhưng trọn không khi nào là không vui, mà thường vui đó nên gọi là Ứng. Và lại tất cả như thiên nên đem các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, tràng phan, kỹ nhạc để cúng dường đó nên gọi là Ứng Cúng.

Thế nào gọi là Chánh Biến Tri ? Chánh là nói chẳng điên đảo. Biến Tri là thông đạt tất cả bốn thứ điên đảo. Lại Chánh là nói khổ hạnh. Biến Tri là biết như nơi khổ hạnh quyết định có quả khổ. Lại Chánh là nói trong thế gian. Biến Tri là rốt ráo quyết định biết tu tập Trung đạo thời dặng Vô thượng Bồ Đề. Lại Chánh nói có thể đếm, có thể lường, có thể cân. Biến Tri là chẳng thể đếm, chẳng thể lường, chẳng thể cân vì thế nên gọi Phật là Chánh Biến Tri.

Này Thiện nam tử ! Thanh Văn, Duyên Giác cũng có biến tri, cũng chẳng Biến Tri. Vì Biến Tri là nói ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới, Thanh Văn Duyên Giác cũng đặng Biến Tri, đây gọi là có Biến Tri. Giả sử hàng Nhị thừa trong vô lượng kiếp quán sát một sắc âm cũng chẳng thể biết được hết, do nghĩa này nên hàng Thanh Văn, Duyên Giác không có Biến Tri.

Thế nào là Minh Hạnh Túc ? "Minh" là nói đặng vô lượng quả lành. "Hạnh" là chân cẳng. Quả lành gọi là Vô thượng Bồ Đề. Chân cẳng là nói giới huệ. Nương nơi chân giới huệ mà đặng Vô thượng Bồ Đề, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại Minh gọi rằng "chú", Hạnh gọi rằng "kiết", Túc gọi rằng "quả", đây là nghĩa thế gian. "Chú" là nói giải thoát, "Kiết" là nói Vô thượng Bồ Đề, "Quả" là nói Đại Niết Bàn, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại "Minh" là quang, "Hạnh" là nghiệp, "Túc" là quả, đây là nghĩa thế gian. "Quang" là nói chẳng phóng dật, "Nghiệp" là nói sáu môn Ba la mật, "Quả" là nói Vô thượng Bồ Đề. Và lại "Minh" là tam minh : một là Bồ Tát minh, hai là chư Phật minh, ba là Vô minh minh. Bồ Tát minh là Bát nhã Ba la mật. Chư Phật minh là Phật nhãn, Vô minh minh là rốt ráo không. "Hạnh" là trong vô lượng kiếp vì chúng sanh nên tu tập các nghiệp lành. "Túc" là thấy rõ Phật tánh. Do nghĩa này nên gọi là Minh Hạnh Túc.

Thế nào là Thiện Thệ ? "Thiện" là cao, "Thệ" là chẳng cao, đây là nghĩa thế gian. "Cao" gọi là Vô thượng Bồ Đề. "Chẳng cao" chính là tâm Như Lai. Này Thiện nam tử ! Tâm nếu cao thì chẳng gọi là Như Lai, vì thế nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại "Thiện" là thiện tri thức, "Thệ" là quả thiện tri thức, đây là nghĩa thế gian. Thiện tri thức là sơ phát tâm, quả của thiện tri thức là Đại Niết Bàn. Như Lai chẳng bỏ sự phát tâm tối sơ nên đặng Đại Niết Bàn, vì thế nên Như Lai hiệu là Thiện Thệ. Và lại "Thiện" gọi là tốt, "Thệ" gọi là có, đây là nghĩa thế gian. "Tốt" là nói thấy Phật tánh, "Có" là nói Đại Niết Bàn thiệt chẳng phải có, chư Phật vì thế gian mà nói là có. Như người đời thiệt không có con mà nói là có con, thiệt không có đạo mà nói là có đạo. Như thuận theo thế gian mà nói là có Niết Bàn. Chư Phật Thế Tôn thành Đại Niết Bàn nên gọi là Thiện Thệ.

(*) Thế nào là Thế Gian Giải ? Thế gian là nói ngũ ấm, giải là rõ biết. Chư Phật khéo biết ngũ ấm nên hiệu là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian là nói ngũ dục, Giải là chẳng tham đắm. Chẳng tham đắm ngũ dục nên hiệu là Thế Gian Giải. Lại thập phương vô lượng vô số thế giới tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, chư Phật đều biết, đều thấy đều hiểu, vì thế nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian là

(*) Hán bộ quyển thứ 18.

tất cả phàm phu, Giải là biết hơn quả thiện ác của phàm phu, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, duy Phật có thể biết nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian là liên hoa, Giải là nói chẳng ô nhiễm, đây là nghĩa thế gian. Liên hoa là nói Như Lai, đức Như Lai chẳng bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại chư Phật, Bồ Tát thấy rõ thế gian nên hiệu là Thế Gian Giải. Như hơn ăn mà đang sống nên gọi ăn là mạng sống. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát vì thấy rõ thế gian nên hiệu là Thế Gian Giải.

Thế nào là Vô Thượng Sĩ ? Thượng Sĩ gọi là dứt, không chỗ dứt gọi là Vô Thượng Sĩ. Chư Phật Thế Tôn không có phiền não nên không chỗ dứt, vì thế Phật hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là lời nói tránh tụng, Vô Thượng Sĩ là không có tránh tụng. Như Lai không tránh tụng nên hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là lời nói có thể phá hoại, Vô Thượng Sĩ là lời nói chẳng thể phá hoại. Lời nói của Như Lai không ai phá được nên hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là nói bậc thượng tòa, Vô Thượng Sĩ là nói bậc vô thượng tòa. Chư Phật ba đời không có ai hơn nên hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa "Thượng" là mới, "Sĩ" là cũ. Chư Phật Thế Tôn thể chứng Đại Niết Bàn không mới không cũ nên hiệu là Vô Thượng Sĩ.

Thế nào là Điều Ngự Trượng Phu ? Tự mình đã là Trượng Phu, lại điều phục trượng phu khác.

Này Thiện nam tử ! Như Lai thật chẳng phải trượng phu, cũng chẳng phải chẳng Trượng Phu, hơn điều phục trượng phu nên gọi Như Lai là Trượng Phu. Tất cả nam nữ nếu đủ bốn pháp thời gọi là trượng phu : Một là gần thiện tri thức, hai là có thể nghe pháp, ba là tư duy nghĩa, bốn là đúng như pháp tu hành. Nếu nam nữ nào không có bốn pháp này thời chẳng được gọi là trượng phu. Vì thân dầu là trượng phu mà hành vi đồng như súc sanh. Như Lai điều phục những nam nữ ấy nên Phật hiệu là Điều Ngự Trượng Phu. Lại như điều khiển ngựa phàm có bốn cách : Một là chạm đến lông, hai là chạm đến da, ba là chạm đến thịt, bốn là chạm đến xương, tùy chỗ chạm đến vừa ý người điều khiển. Cũng vậy, Như Lai dùng bốn cách điều phục chúng sanh : Một là vì chúng sanh mà giảng thuyết về sanh khổ khiến lãnh thọ lời Phật, như cách chạm lông thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Hai là giảng thuyết sanh tử bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông da thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Ba là giảng nói sanh cùng lão, bệnh bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông, da, thịt, thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Bốn là giảng nói sanh, lão, bệnh, và tử bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông, da, thịt, xương, thời ngựa tuân theo ý người điều khiển.

Này Thiện nam tử ! Người điều khiển ngựa không có quyết định. Như Lai điều phục chúng sanh quyết định chẳng luống nên Phật hiệu là Điều Ngự Trượng Phu.

Thế nào là Thiên Nhơn Sư ? Sư có hai hạng : Một là dạy điều lành, hai là dạy điều ác. Chư Phật và Bồ Tát thường đem pháp lành dạy bảo chúng sanh. Pháp lành là nói thân, khẩu, ý đều lành. Chư Phật Bồ Tát dạy bảo chúng sanh : Các người nên xa nghiệp chẳng lành nơi thân, vì nghiệp ác nơi thân là thứ có thể xa lìa để được giải thoát, nên ta đem pháp này dạy các người. Nếu nghiệp ác chẳng thể xa lìa để được giải thoát, thì ta trọn chẳng dạy các người. Các chúng sanh nếu lìa ác nghiệp rồi thì không bị đọa ba ác đạo. Do lìa ác nên thành Vô thượng Bồ Đề đặng Đại Niết Bàn. Vì thế nên chư Phật và Bồ Tát thường đem pháp lành này giáo hóa chúng sanh. Khẩu và ý cũng như vậy. Vì thế Phật là Vô Thượng Sư. Lại xưa chưa đặng đạo này đã đặng đạo đó, đem đạo đã đặng dạy cho chúng sanh. Từ trước tới nay chưa tu phạm hạnh nay đã tu xong, đem chỗ tu của mình dạy cho chúng sanh. Tự phá vô minh, lại phá vô minh cho chúng sanh. Tự đặng tịnh nhãn lại làm cho chúng sanh cũng đặng tịnh nhãn. Tự biết rõ hai đế lý lại vì chúng sanh mà giảng thuyết hai đế lý. Đã tự giải thoát lại vì chúng sanh nói pháp giải thoát. Tự qua khỏi sông lớn sanh

tử không ngăn mé lại làm cho chúng sanh đều được qua khỏi.

Tự được vô úy lại dạy chúng sanh làm cho không còn sợ sệt. Tự đã được Niết Bàn lại vì chúng sanh nói Đại Niết Bàn. Vì thế nên Phật hiệu là Vô Thượng Sư.

"Thiên" là nói ban ngày. Trên trời ngày dài đêm ngắn nên gọi là Thiên. Lại "Thiên" là nói không sâu nào thường vui sướng nên gọi là Thiên. Lại "Thiên" là nói đèn sáng có thể phá đen tối thành sáng suốt nên gọi là Thiên. Cũng bởi có thể phá nghiệp ác tối tăm đặng nghiệp lành sanh lên trời nên gọi là "Thiên". Lại vì kiết tường nên gọi là "Thiên". Lại vì có ánh sáng nên gọi là "Thiên".

Nhơn là nói có thể nhiều suy nghĩ nghĩa lý. Lại Nhơn là thân khẩu diu dàng. Lại Nhơn là nói kiêu mạn. Lại Nhơn là nói có thể phá kiêu mạn.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật đều là Đại sư Vô thượng của tất cả chúng sanh, nhưng trong kinh nói là Thiên Nhơn Sư, vì trong các loài chúng sanh chỉ có người cùng trời có thể phát tâm Vô thượng Bồ Đề, có thể tu mười nghiệp đạo lành, có thể đặng quả Tu Đà Hoàn, quả tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, chứng đặng Vô thượng Bồ Đề. Vì thế nên Phật hiệu là Thiên Nhơn Sư.

Thế nào là Phật ? Phật gọi là giác, đã tự giác ngộ lại có thể giác ngộ người khác. Như có người rõ biết kẻ giặc cướp, thời giặc cướp không hại được. Đại Bồ Tát có thể rõ biết tất cả vô lượng phiền não. Vì rõ biết nên các phiền não không làm nào được. Do đây nên gọi là Phật. Do vì giác ngộ nên chẳng sanh, chẳng lão, chẳng bệnh, chẳng tử, do đây gọi là Phật.

Phật hiệu là Bà Đà Bà. "Bà Đà" là phá, "Bà" là phiền não. Có thể phá phiền não nên hiệu Bà Đà Bà. Lại có thể thành tựu các pháp lành, lại có thể hiểu rõ nghĩa của các pháp, lại có công đức lớn không ai hơn, lại có tiếng đồn khắp mười phương, lại có thể bố thí tất cả, lại trong vô lượng a tăng kỳ kiếp là nữ căn.

Này Thiện nam tử ! Hoặc nam hoặc nữ có thể niệm Phật như vậy, lúc đi đứng, lúc ngồi nằm, hoặc ban ngày, hoặc ban đêm, lúc tối, lúc sáng, thường đặng chẳng lìa thấy Phật Thế Tôn.

Này Thiện nam tử ! Có sao gọi rằng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri nhân đến Bà Đà Bà mà có vô lượng công đức cùng tiếng tăm lớn như vậy ? Đại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp trước, cung kính cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng, Thượng tọa, Trưởng lão. Trong vô lượng kiếp thường vì chúng sanh mà thật hành hạnh bố thí, trì tịnh giới, tập nhẫn nhục, siêng tinh tấn, thiền định, trí huệ, đại

từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, vì thế nên ngày nay đặng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân kim cương. Và lại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp trước tu tập ngũ căn : Tín, niệm, tấn, định, huệ, cung kính cúng dường các bậc Sư trưởng, thường vì pháp, chẳng vì ăn. Bồ Tát nếu trì mười hai loại kinh, hoặc đọc tụng, thường muốn cho chúng sanh đặng giải thoát an ổn vui sướng, trọn chẳng vì mình. Tại sao vậy ? Vì Bồ Tát thường tu tâm xuất thế và tâm xuất gia, lại thường tu tâm vô vi, tâm vô tránh, tâm vô cấu, tâm vô phược, tâm vô thủ, không tâm che đậy, không tâm vô ký, không tâm sanh tử, không tâm nghi, không tâm tham, không tâm sân, không tâm si, không tâm kiêu mạn, không tâm ướ trước, không tâm phiền não, không tâm khổ, tu tâm vô lượng, tâm quảng đại, tâm hư không, tâm không, không tâm không, không tâm chẳng điều phục, không tâm chẳng hồ trì, không tâm che giấu, không tâm thế gian, tâm thường định, tâm không tu, tâm thường giải thoát, tâm không báo đền, tâm không nguyện cầu, tâm nguyện lành, tâm không nói năng, tâm nhu nhuyến, tâm chẳng trụ, tâm tự tại, tâm vô lậu, tâm đệ nhất nghĩa, tâm bất thối, tâm vô thường, tâm chánh trực, tâm không dua vạy, tâm không đa thiếu, tâm không ương nghạnh, tâm không phạm phu, không tâm Thanh Văn, không tâm Duyên Giác, tâm biết lành, tâm biết cỏi, tâm biết sanh cỏi nào,

tâm biết ở cõi nào, tâm biết cõi tự tại. Vì ngày trước tu những tâm này nên nay đặng mười trí lực, bốn vô sở úy, đại từ bi, tam niệm xứ, thường, lạc, ngã, tịnh, do đây hiệu là Như Lai nhân đến Bà Đà Bà. Đây gọi là đại Bồ Tát niệm Phật.

Thế nào là đại Bồ Tát niệm Pháp ? Đại Bồ Tát suy nghĩ giáo pháp của chư Phật nói ra rất vi diệu hơn tất cả. Do pháp này có thể làm cho chúng sanh đặng quả hiện tại, chỉ có chánh pháp này không thuộc thời gian, pháp nhãn ngộ thấy, nhục nhãn không thấy được. Chẳng thể dùng thí dụ để so sánh. Chánh pháp này chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng trụ, chẳng diệt, không thì, không chung, vô vi, vô số, kẻ không nhà thời làm nhà cho họ, kẻ không chỗ về thời làm chỗ về, không ánh sáng thời làm ánh sáng, không đến bờ kia thời làm cho đến bờ kia, chỗ không mùi thơm thời làm mùi thơm vô ngại, kẻ không nhìn thấy thời làm cho nhìn thấy rõ ràng. Chánh pháp này chẳng động, chẳng chuyển, chẳng dài, chẳng ngắn, dứt hẳn sự vui mà thường an vui, rốt ráo vi diệu, chẳng phải sắc đã dứt sắc thức mà cũng là thức, chẳng phải nghiệp đã dứt nghiệp, chẳng phải kiết sử đã dứt kiết sử, chẳng phải vật đã dứt vật mà cũng là vật, chẳng phải giới đã dứt giới mà cũng là giới, chẳng phải hữu đã dứt hữu mà cũng là hữu, chẳng phải nhập đã dứt nhập mà cũng là nhập, chẳng phải nhơn đã dứt nhơn mà cũng là nhơn, chẳng phải quả đã dứt quả mà cũng là quả,

chẳng phải hư chẳng phải thiệt dứt tất cả thiệt mà cũng là thiệt, chẳng phải sanh chẳng phải diệt dứt hẳn sanh diệt mà cũng là diệt, chẳng phải tướng chẳng phải phi tướng dứt tất cả tướng mà cũng là tướng, chẳng phải dạy dỗ chẳng phải không dạy dỗ mà cũng là thầy dạy, chẳng phải sợ chẳng phải an dứt tất cả sợ mà cũng là an, chẳng phải nhẫn chẳng phải không nhẫn dứt hẳn sự chẳng nhẫn, mà cũng là nhẫn, chẳng phải dừng ở chẳng phải không dừng ở dứt tất cả dừng ở mà cũng là dừng ở trên danh của tất cả pháp. Chánh pháp này đều có thể dứt hẳn tất cả phiền não, thanh tịnh vô tướng, thoát hẳn các tướng, là chỗ ở rốt ráo của vô lượng chúng sanh, có thể diệt tất cả ngọn lửa sanh tử, là chỗ đi và ở của chư Phật, là thường còn chẳng biến đổi. Đây gọi là Bồ Tát niệm Pháp.

Thế nào là niệm Tăng ?

Chư Phật, Thánh Tăng đúng như pháp mà trụ, thọ trì chánh pháp tùy thuận tu hành, chẳng thể nhìn thấy, chẳng thể cầm nắm, chẳng thể phá hoại, chẳng thể nhiễu hại, chẳng thể nghĩ bàn, là ruộng phước tốt của tất cả chúng sanh. Dầu là ruộng phước nhưng không thọ, không lấy, thanh tịnh không như, vô lậu vô vi, rộng khắp vô biên, tâm điều nhu bình đẳng không hai, không có loạn trược, thường chẳng biến đổi. Đây gọi là niệm Tăng.

Thế nào là niệm Giới ?

Bồ Tát suy nghĩ có giới, chẳng phá, chẳng lậu, chẳng hoại, chẳng tạp, dầu không hình sắc mà nên hộ trì, dầu không xúc đối, nhưng khéo tu phương tiện có thể đặng đầy đủ không có lỗi lầm, là chỗ mà chư Phật, Bồ Tát ngợi khen, là nhơn của Đại thừa Phương Đẳng Đại Niết Bàn. Như mặt đất, ghe thuyền, chuỗi ngọc, dòng họ tôn quý, biển lớn, nước tro, nhà cửa, gươm đao, cầu kỳ, lương y, thuốc hay, thuốc A Đà Đà, như ý bảo châu, chân, mắt, cha mẹ, bóng mát, không ai trộm cướp được, không ai nhiều hại được, lửa không cháy được, nước không trôi được, là thang bậc lên núi lớn, là tràng báu của chư Phật Bồ Tát, nếu trụ nơi giới này thời đặng quả Tu Đà Hoàn. Tôi cũng có phần này nhưng tôi chẳng cầu, vì nếu tôi đặng quả Tu Đà Hoàn thời không thể độ khắp tất cả chúng sanh. Nếu trụ nơi giới này đặng Vô thượng Bồ Đề, thời tôi cũng có phần, đây là chỗ mong muốn của tôi : Vì nếu đặng Vô thượng Bồ Đề, tôi sẽ vì chúng sanh giảng thuyết diệu pháp để cứu hộ. Đây là đại Bồ Tát niệm Giới.

Thế nào là niệm Thí ?

Đại Bồ Tát quán sát kỹ hạnh bố thí là nhơn của Vô thượng Bồ Đề. Chư Phật và Bồ Tát tu tập hạnh bố thí như vậy, tôi cũng tu tập như vậy. Nếu chẳng bố thí thời không thể trang nghiêm bốn bộ chúng. Bố thí dầu chẳng thể rất ráo dứt kiết sử, mà có trừ phá hiện tại phiền não. Do vì bố thí nên thường

được chúng sanh trong vô lượng thế giới ở mười phương khen ngợi Đại Bồ Tát bố thí vật thực cho chúng sanh thời là bố thí mạng sống cho chúng. Do quả báo bố thí nên lúc thành Phật thường chẳng biến đổi. Do bố thí làm chúng sanh an vui nên lúc thành Phật đặng an vui. Lúc bố thí, Bồ Tát cầu của cải đúng pháp, chẳng lánh người kia để cho người này, vì thế nên lúc thành Phật đặng thanh tịnh Niết Bàn. Lúc bố thí, Bồ Tát làm cho chúng sanh chẳng cầu mà đặng, nên lúc thành Phật đặng ngã tự tại. Vì bố thí làm cho người khác đặng sức khỏe, nên lúc thành Phật chứng đặng mười trí lực. Vì bố thí làm cho người đặng nói năng, nên lúc thành Phật đặng bốn môn vô ngại. Chư Phật và Bồ Tát tu tập hạnh bố thí này làm như Niết Bàn, tôi cũng tu tập hạnh bố thí như vậy để làm như Niết Bàn.

Nói rộng hạnh bố thí như trong kinh Tạp Hoa.

Thế nào là niệm Thiên ?

Có cõi trời Tứ Thiên Vương nhân đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng. Nếu có tín tâm đặng sanh cõi trời Tứ Thiên Vương v.v.. Tôi cũng có phần. Nếu giới, đa văn, bố thí, trí huệ đặng sanh cõi trời Tứ Thiên Vương nhân đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, tôi cũng có phần nhưng chẳng phải chỗ mong muốn của tôi. Vì trời Tứ Thiên Vương nhân đến trời Phi Phi Tướng đều là vô thường. Vì vô thường nên có sanh già bệnh

chết, do lẽ này nên chẳng phải là chỗ tôi mong muốn. Như ảo thuật biến hóa phỉnh gạt người ngu, người trí không bị lầm. Phàm phu ngu mê ham muốn cõi trời Tứ Thiên Vương hẳn đến trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, tôi chẳng đồng với phàm phu. Tôi từng nghe có trời đệ nhất nghĩa, chính là chư Phật và Bồ Tát thường chẳng biến đổi. Vì thường trụ nên chẳng có sanh, lão, bệnh, tử. Tôi vì chúng sanh mà cầu cầu trời đệ nhất nghĩa, vì trời đệ nhất nghĩa có thể làm cho chúng sanh dứt trừ phiền não, như cây như ý. Nếu tôi có tín, niệm, tấn, định và huệ thời có thể đặng trời đệ nhất nghĩa này. Tôi sẽ vì chúng sanh giảng thuyết phân biệt trời đệ nhất nghĩa. Đây gọi là đại Bồ Tát niệm Thiên.

Này Thiện nam tử ! Đây là thế gian chẳng biết chẳng thấy, mà là chỗ thấy biết của Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Nếu đệ tử của ta cho rằng thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn thuyết mười hai bộ kinh cùng với thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn đồng nhau, nói như vậy không đúng nghĩa. Vì Đại Niết Bàn là tạng bí mật rất sâu của tất cả chư Phật Thế Tôn, đây thời là hơn tất cả. Do nghĩa này nên kinh Đại Niết Bàn rất lạ rất đặc biệt chẳng thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật "Tôi cũng biết kinh Đại Niết Bàn là rất lạ rất đặc biệt chẳng thể nghĩ

bàn. Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Bồ Tát, Bồ Đề, Đại Bát Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn ! Do nghĩa gì lại nói Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn ?".

- Nay Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát không ai giáo hóa mà có thể tự phát tâm Bồ Đề, đã phát tâm rồi tinh tấn siêng tu. Giả sử lửa lớn đốt cháy thân thể, trọn chẳng vì cầu cứu mà bỏ tâm niệm Pháp. Vì đại Bồ Tát thường tự suy nghĩ : Tôi trong vô lượng vô số kiếp hoặc ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trong loài người, trên trời, bị các thứ lửa kiết sử đốt cháy, chưa từng đặt một pháp quyết định, pháp quyết định là Vô thượng Bồ Đề. Nay tôi vì Vô thượng Bồ Đề trọn chẳng tiếc thân mạng, dầu đến phải nát thân như vi trần, tôi trọn chẳng buông bỏ hạnh tinh tấn siêng tu. Vì tâm tinh tấn bền là hơn Vô thượng Bồ Đề.

Nay Thiện nam tử ! Bồ Tát này lúc chưa thấy Vô thượng Bồ Đề đã có thể chẳng tiếc thân mạng, như vậy, huống là đã thấy. Do đây nên Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại đại Bồ Tát thấy sanh tử có vô lượng tội khổ, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Dầu biết sanh tử có vô lượng tội khổ, nhưng vì chúng sanh ở trong đó chịu khổ mà chẳng sanh tâm nhàm lìa. Do đây nên lại gọi Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ Tát vì chúng sanh nên dầu ở trong địa

ngục chịu khổ nhưng vui như đệ tam thiên. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Ví như nhà Trưởng giả phát hỏa, Trưởng giả xem thấy liền bỏ nhà chạy ra. Các con của Trưởng giả ở sau chưa thoát khỏi nạn lửa. Trưởng giả vì các con nên trở vào nhà để cứu, chẳng đoái đến hoạn nạn nguy hiểm. Cũng vậy, đại Bồ Tát dầu biết sanh tử nhiều tội khổ, nhưng vì cứu chúng sanh nên ở trong sanh tử mà chẳng nhàm. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ Đề, thấy trong sanh tử nhiều tội khổ liền thối tâm Bồ Đề, hoặc làm Thanh Văn hoặc làm Duyên Giác. Nếu Bồ Tát được nghe kinh Đại Niết Bàn này thời trọn chẳng thối thất tâm Bồ Đề. Bồ Tát này dầu chưa đến bậc bất động địa, nhưng tâm bền chắc không thối thất. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này Thiện nam tử ! Như có người nói rằng tôi có thể tự lợi qua khỏi biển lớn. Người nói như vậy có thể nghĩ bàn được chăng ?

- Bạch Thế Tôn ! Lời nói như vậy, hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc chẳng thể nghĩ bàn. Vì nếu là người lợi qua khỏi biển lớn thời chẳng thể nghĩ bàn. Còn nếu A Tu La lợi qua thời là có thể nghĩ bàn.

- Này Thiện nam tử ! Ta chẳng nói A Tu La, chỉ nói người.

- Bạch Thế Tôn ! Trong loài người cũng có hai hạng : Một là Thánh nhơn, hai là phàm phu. Nếu phàm phu lợi qua thời là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Thánh nhơn thời là có thể nghĩ bàn.

- Nay Thiện nam tử ! Ta nói phàm phu chẳng nói Thánh nhơn.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu là phàm phu tự nói lợi qua biển lớn được thời thiệt là chẳng thể nghĩ bàn.

- Nay Thiện nam tử ! Phàm phu thiệt không thể lợi qua biển lớn được. Bồ Tát đây thiệt có thể qua khỏi biển lớn sanh tử nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Nay Thiện nam tử ! Nếu có người có thể dùng chỉ cọng sen treo núi Tu Di, thời có thể nghĩ bàn được chăng ?

- Bạch Thế Tôn ! Không thể nghĩ bàn được.

- Nay Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong khoảng một niệm đều có thể tính lường tất cả sanh tử, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Nay Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp thường quán sát sanh tử vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, vì chúng sanh phân biệt diễn thuyết thường, lạc, ngã, tịnh. Dầu diễn thuyết như vậy nhưng chẳng phải là tà kiến. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Như người vào nước, nước chẳng trôi được, vào lửa, lửa chẳng cháy được. Như vậy thời chẳng thể nghĩ bàn. Cũng vậy, đại Bồ Tát dầu ở sanh tử, nhưng chẳng bị sanh tử nào hại. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Loài người có ba hạng : thượng, trung và hạ.

Hạng người hạ lúc mới nhập thai nghĩ rằng : Nay tôi ở nhà tiêu đầy những hôi nhơ tôi tắm. Lúc mới xuất thai nghĩ rằng nay tôi ra khỏi nhà tiêu, ra khỏi chỗ hôi nhơ tôi tắm.

Hạng người bực trung nghĩ rằng : Nay tôi vào trong rừng cây, trong sông sạch sẽ, trong nhà cửa. Lúc xuất thai cũng vậy.

Hạng người bậc thượng, nghĩ rằng : Tôi lên điện, ở trong rừng hoa, cỡi ngựa cỡi voi trèo lên núi cao. Lúc xuất thai cũng vậy.

Đại Bồ Tát lúc mới nhập thai, tự biết là nhập thai, lúc ở trong thai biết là ở, lúc xuất thai biết là xuất, trọn chẳng sanh tâm niệm tham sân, nhưng chưa lên bậc Sơ trụ. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Vô thượng Bồ Đề thật không thể dùng thí dụ để so sánh, nhưng đều có thể nói.

Đại Bồ Tát không có thầy thưa hỏi học tập, mà có thể đặng pháp Vô thượng Bồ Đề. Đặng pháp này

rồi tâm không lẫn tiếc, thường diễn thuyết cho chúng sanh. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát có thân xa lìa mà chẳng phải khẩu, có khẩu xa lìa mà chẳng phải thân, có chẳng phải thân, chẳng phải khẩu mà cũng xa lìa. Lìa sát, đạo, dâm gọi là thân xa lìa mà chẳng phải khẩu. Lìa vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, vô nghĩa ngữ thời gọi là khẩu xa lìa mà chẳng phải thân. Xa lìa tham lam, ganh ghét, giận hờn, tà kiến thời gọi ý xa lìa, mà chẳng phải thân, chẳng phải khẩu. Đại Bồ Tát chẳng thấy một pháp nào là thân, là nghiệp cùng ông chủ xa lìa, nhưng cũng có xa lìa. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Khẩu và ý cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Từ nơi thân xa lìa thân, từ nơi khẩu xa lìa khẩu, từ trí huệ xa lìa chẳng phải thân chẳng phải khẩu. Thật có trí huệ này nhưng chẳng thể khiến Bồ Tát xa lìa vì không có một pháp nào hoại được làm được. Tánh của pháp hữu vi, lúc sanh khác lúc diệt khác. Vì thế nên trí huệ này chẳng thể xa lìa.

Này Thiện nam tử ! Trí huệ chẳng thể phá, lửa chẳng thể cháy, nước chẳng thể rã, gió chẳng thể động, đất chẳng thể giữ, sanh chẳng thể sanh, lão chẳng thể lão, trụ chẳng thể trụ, hoại chẳng thể hoại, tham chẳng thể tham, sân chẳng thể sân, si chẳng thể si. Bởi tánh của pháp hữu vi lúc sanh

khác, lúc diệt khác. Đại Bồ Tát trọn chẳng nghĩ rằng tôi dùng trí huệ này phá các phiền não, mà tự nói rằng tôi phá phiền não, dầu nói như vậy nhưng chẳng phải hư vọng. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nay tôi mới biết đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, Phật, Pháp, chúng Tăng, kinh Đại Niết Bàn và người thọ trì Bồ Đề Niết Bàn đều chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn ! Phật pháp vô thượng thời gian bao lâu sẽ diệt ?".

- Nay Thiện nam tử ! Nếu đệ tử ta còn có người thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn thuyết nghĩa của kinh Đại Niết Bàn, nhân đến năm hạnh : Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bịnh hạnh, Anh nhi hạnh, được chúng sanh cung kính tôn trọng tán thán cúng dường, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp chưa diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu kinh Đại Niết Bàn lúc lưu hành đầy đủ, hàng đệ tử của ta phần nhiều phạm giới cấm tạo nghiệp ác, không kính tin kinh điển này, vì không tin nên chẳng thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết ý nghĩa của kinh này, chẳng được mọi người cung kính cúng dường, lúc thấy người thọ trì lại khinh chê, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp sắp diệt chẳng còn lâu.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : "Thế Tôn ! Chính tôi từng nghe Phật nói rằng : Chánh pháp của Phật Ca Diếp ở đời bảy ngày thời diệt hết.

Bạch Thế Tôn ! Phật Ca Diếp có kinh Đại Niết Bàn này chẳng ? Nếu như có sao lại nói là diệt ? Nếu như không có thời sao lại nói rằng kinh Đại Niết Bàn là tạng bí mật của Chư Phật ?".

- Nay Thiện nam tử ! Trước kia ta nói rằng chỉ có Văn Thù Sư Lợi mới hiểu được nghĩa này. Nay ta sẽ nói lại, ông nên chí tâm lắng nghe !

Nay Thiện nam tử ! Chư Phật có hai loại pháp : Một là thế pháp, hai là đệ nhất nghĩa pháp. Thế pháp thời có hoại diệt, đệ nhất nghĩa pháp không có hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, những pháp này có hoại diệt, hai là thường, lạc, ngã, tịnh, pháp này không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp của Nhị thừa thọ trì đây thời có hoại diệt, hai là pháp của Bồ Tát thọ trì, đây thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là ngoại pháp thời có hoại diệt, hai là nội pháp thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp hữu vi thời có hoại diệt, hai là pháp vô vi thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp có thể được thời có hoại diệt, hai là pháp không thể được thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là cộng pháp thời có hoại diệt, hai là bất cộng pháp thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp trong loài người thời có hoại diệt, hai là pháp trong loài trời thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là mười một bộ kinh thời có hoại diệt, hai là kinh Phương Đẳng thời không hoại diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng, biên chép, giải thuyết cùng cung kính cúng dường tôn trọng tán thán kinh Phương Đẳng Đại Thừa, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp chẳng diệt.

Này Thiện nam tử ! Vừa rồi ông hỏi Phật Ca Diếp có kinh này chăng ?

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn là tạng bí mật của tất cả Phật. Vì chư Phật đều có mười một bộ kinh, nhưng chẳng nói Phật tánh, chẳng nói thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai, chẳng nói chư Phật trọn không rốt ráo nhập Niết Bàn. Vì thế nên kinh này gọi là tạng bí mật của Như Lai. Trong mười một bộ kinh chẳng nói đến nên gọi là Tạng. Như thất bảo của người chẳng đem ra ngoài để dùng thời gọi là Bảo tạng. Tài vật của người này chứa cất để

dùng vào việc tương lai, nghĩa là dự phòng lúc lúa gạo mắc, giặc đến xâm lăng, chánh trị khổ khắc, thời dùng để chuộc mạng, hoặc đường giao thông bế tắc mới đem ra dùng. Cũng vậy tạng bí mật của Như Lai cũng để dự phòng đời vị lai các Tỳ Kheo ác chứa vật bất tịnh, đối với tứ chúng nói Như Lai rất ráo nhập Niết Bàn, đọc tụng sách vở thế gian, chẳng kính kinh điển của Phật. Lúc những điều ác như vậy hiện ra nơi đời, đức Như Lai vì muốn dứt các sự ác ấy nên diễn nói kinh này, khiến mọi người xa lìa những lợi dưỡng tà mạng. Lúc kinh tạng bí mật này dứt diệt, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp diệt.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn thường còn chẳng biến đổi, sao ông lại hỏi rằng lúc Phật Ca Diếp có kinh này chẳng ?

Này Thiện nam tử ! Thời kỳ Phật Ca Diếp, chúng sanh ít tham dục nhiều trí huệ, hàng đại Bồ Tát điều thuận nhu hòa dễ giáo hóa, có đại oai đức tổng trì chẳng quên, như đại tượng vương. Cõi nước thanh tịnh. Tất cả chúng sanh đều biết Như Lai chẳng ráo nhập Niết Bàn thường trụ chẳng biến đổi, nên dầu có kinh này mà chẳng cần diễn thuyết.

Chúng sanh đời nay phiền não nhiều, ngu si ưa giận hờn không trí huệ, lòng tin chẳng vững, nhiều nghi ngờ cõi nước bất tịnh, chúng sanh cho rằng Như Lai vô thường đời đời rất ráo nhập Niết Bàn. Do có này nên Như Lai diễn thuyết kinh đây.

Này Thiện nam tử ! Chánh pháp của Ca Diếp thật chẳng diệt mất vì chánh pháp thường trụ chẳng biến đổi.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh đôi với chơn ngã mà thấy là vô ngã, vô ngã lại thấy là có ngã, chơn thường thấy là vô thường, vô thường thấy là thường, chơn lạc thấy là vô lạc, vô lạc thấy lạc, chơn tịnh thấy là bất tịnh, bất tịnh thấy là tịnh, diệt thấy là bất diệt, bất diệt thấy là diệt, tội thấy là chẳng phải tội, phi tội thấy là tội, tội nhẹ thấy tội nặng, tội nặng thấy là nhẹ, thừa thấy là phi thừa, phi thừa thấy là thừa, đạo thấy là phi đạo, phi đạo thấy là đạo, thật là Bồ Đề thấy chẳng phải Bồ Đề, thật chẳng phải là Bồ Đề thấy lầm là Bồ Đề, khổ thấy chẳng phải khổ, tập thấy chẳng phải tập, diệt thấy chẳng phải diệt, đạo thấy chẳng phải đạo, thật là thế đế lại thấy là đệ nhất nghĩa đế, còn đệ nhất nghĩa đế lại thấy là thế đế, quy thấy là chẳng quy, chẳng quy thấy là quy, cho lời của Phật nói là lời ma, còn thiệt lời ma lại cho là lời Phật, vào thời kỳ như trên đây chư Phật bèn nói kinh Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Thà nói vôi con muỗi tọt đến đáy biển lớn, chẳng nên nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói rằng lấy dây vấn buộc luồng gió mạnh, thà nói lấy miệng thổi tan núi Tu Di, thà nói trong đống lửa hừng mọc bông sen, thà nói thuốc A Đà Đà là độc dược, thà nói có thể làm cho mặt trăng

nóng mặt trời lạnh, thà nói bốn đại chúng đều bỏ tánh chất của nó, trọn chẳng nên nói rằng chánh pháp của Như Lai diệt.

Này Thiện nam tử ! Lúc Phật mới ra đời chứng đặng Vô thượng Bồ Đề rồi, hàng đệ tử chưa có người hiểu thấu nghĩa Đại thừa rất sâu, đức Phật đó bèn nhập Niết Bàn, nên biết chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Nếu có hàng đệ tử đã hiểu thấu nghĩa Đại thừa rất sâu, Phật đầu nhập Niết Bàn nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Bồ Đề, hàng đệ tử đầu có người hiểu nghĩa Đại thừa rất sâu, mà không có hàng Bạch y đàn việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, khi Phật nhập Niết Bàn rồi, nên chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Nếu có hàng Bạch y đàn việt hết lòng kính tin Phật pháp. Phật đầu nhập Niết Bàn chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Bồ Đề, có các đệ tử hiểu nghĩa Đại thừa rất sâu, cũng có Bạch y đàn việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, mà các đệ tử thuyết pháp lại vì danh lợi, chẳng cầu Niết Bàn, khi Phật diệt rồi thì chánh pháp chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại nếu hàng đệ tử thuyết pháp vì cầu Niết Bàn chẳng ham danh lợi, Phật đầu nhập diệt nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng đặng Vô thượng Bồ Đề, dầu có các hàng đệ tử hiểu nghĩa Đại thừa rất sâu, cũng có hàng Bạch y đàn việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, mà các đệ tử sanh nhiều sự tranh tụng hơn thua phải quấy lẫn nhau, Phật lại nhập Niết Bàn, thời chánh pháp chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại các đệ tử thật hành pháp hòa kính, chẳng hơn thua phải trái nhau, tôn trọng lẫn nhau, dầu Phật nhập Niết Bàn nhưng chánh pháp vẫn ở lâu chẳng diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Bồ Đề, có đệ tử hiểu nghĩa Đại thừa rất sâu, cũng có hàng Bạch y đàn việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, các đệ tử vì cầu Đại Niết Bàn mà thuyết pháp cung kính lẫn nhau, nhưng cất chứa những vật bất tịnh, lại khen rằng tôi đặng quả Tu Đà Hoàn, nhĩn đến quả A La Hán, Phật lại nhập Niết Bàn thời chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại hàng đệ tử chẳng cất chứa những vật bất tịnh, cũng chẳng tự nói mình đã chứng quả Tu Đà Hoàn, nhĩn đến quả A La Hán, Phật dầu diệt độ, nhưng chánh pháp vẫn còn không diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Bồ Đề, có các đệ tử những điều kiện trên nhưng lại chấp kiến giải của mình mà lập những dị thuyết : Này Trưởng lão ! Giới của Phật chế, bốn giới trọng nhĩn đến bảy pháp diệt tránh. Vì chúng

sanh nên hoặc ngăn, hoặc mở, mười hai bộ kinh cũng như vậy. Vì Phật biết cõi nước đều sai khác, chúng sanh căn tánh lợi độn chẳng đồng vì thế nên Như Lai nói có khinh có trọng, hoặc ngăn hoặc mở. Như lương y trị bệnh người bệnh nóng thời cho uống sữa, bệnh lạnh thời ngăn không cho uống sữa. Đức Như Lai quan sát căn bệnh phiền não của chúng sanh, nên cũng mở cũng ngăn. Nay Trưởng lão tôi đích thân nghe Phật nói nghĩa ấy, chỉ tôi biết chớ Ngài không biết được, chỉ tôi hiểu luật chớ Ngài không hiểu, chỉ tôi biết kinh chớ Ngài không biết được. Nên biết khi Phật diệt độ chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại hàng đệ tử đủ các điều kiện trên lại không lập dị thuyết, Phật đầu diệt độ nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Lúc chánh pháp của ta diệt, hàng Thanh Văn đệ tử có người nói có thần, hoặc nói không thần, có trung ấm hoặc không trung ấm, có ba đời hoặc không ba đời, có ba thừa hoặc không ba thừa, hoặc nói tất cả đều có hoặc nói tất cả đều không, hoặc nói chúng sanh có thì có chung, hoặc nói chúng sanh không thì không chung, hoặc nói mười hai nhơn duyên là pháp hữu vi, hoặc nói là pháp vô vi, hoặc nói Như Lai có bệnh khổ, hoặc nói Như Lai không bệnh khổ, hoặc nói Như Lai không cho Tỳ Kheo ăn mười thứ thịt : Thịt người, thịt rắn, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt lừa, thịt sư tử, thịt

heo, thịt chồn, thịt khỉ vượn, ngoài ra đều cho ; hoặc nói tất cả thứ thịt đều không cho ăn, hoặc nói Tỳ Kheo chẳng được làm năm việc : Chẳng đặng bán những thứ : sanh vật, dao, rượu, thuốc nhuộm, dầu mè, ngoài ra đều cho ; hoặc nói chẳng cho vào năm thứ nhà : Nhà hàng thịt, nhà dâm nữ, nhà rượu, cung vua, nhà Chiên đà la, ngoài ra đều cho ; hoặc nói chẳng cho mặc y Kiều xa gia, ngoài ra đều cho; hoặc nói Như Lai cho các Tỳ Kheo lãnh thọ và chứa cất y phục đồ nằm trị giá mười muôn lượng vàng hoặc nói chẳng cho ; hoặc nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, hoặc nói Niết Bàn chính là kiết sử dứt hết không còn có pháp gì khác nên gọi là Niết Bàn, như dệt chỉ gọi đó là y, y đã hư rách thời gọi là không y, không có pháp gì khác gọi là không y, thể của Niết Bàn cũng như vậy. Đương thời kỳ đó, các đệ tử của ta : Chánh thuyết thời ít tà thuyết thời nhiều, thọ chánh pháp thời ít, thọ tà pháp thời nhiều, thọ lời Phật thời ít, thọ lời ma thời nhiều. Bây giờ trong nước Câu Diêm Di có hai đệ tử : Một là La Hán, hai là phá giới. Người phá giới có năm trăm đồ chúng, La Hán có một trăm đồ chúng. Người phá giới nói đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, chính tôi nghe Phật nói nghĩa đó, bốn giới trọng của Phật chế, nếu trì cũng được, nếu phạm cũng không tội, nay tôi cũng đặng quả A La Hán, bốn trí vô ngại, mà A La Hán cũng phạm tội như vậy, nếu bốn giới

trọng thật là tội, thời A La Hán lẽ ra chẳng phạm. Lúc đức Như Lai còn ở đời bảo phải giữ gìn, đến lúc nhập Niết Bàn thời đều phóng xả.

Lúc đó A La Hán bảo Tỳ Kheo rằng : Này Trưởng lão ông chẳng nên nói đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn. Tôi biết đức Như Lai thường còn chẳng biến đổi. Đức Như Lai ở đời cùng lúc đã nhập Niết Bàn, phạm bốn trọng giới, tội không sai khác. Nếu nói A La Hán phạm trọng giới thời không đúng nghĩa. Vì Tu Đà Hoàn còn chẳng phạm cấm giới huống là A La Hán. Nếu Trưởng lão nói rằng tôi là A La Hán. Trưởng lão nên biết A La Hán trọn chẳng tưởng rằng tôi đặng A La Hán. A La Hán chỉ nói pháp lành chẳng nói pháp ác. Lời nói của Trưởng lão thuần là phi pháp. Nếu có người đọc mười hai bộ kinh thời quyết định biết rằng Trưởng lão chẳng phải A La Hán.

Lúc đó đồ chúng của Tỳ Kheo phá giới liền giết A La Hán chết.

Ma Vương nhơn hai chúng giận hờn nhau bèn hại cả sáu trăm Tỳ Kheo.

Bấy giờ phàm phu trong đời đều bảo nhau rằng : Thương thay Phật Pháp nay đã dứt. Nhưng chánh pháp của ta thật chẳng dứt mất, vì trong nước ấy có mười hai muôn đại Bồ Tát khéo hộ trì pháp của ta.

Lúc bấy giờ trong Diêm Phù Đề không có một Tỳ Kheo làm đệ tử của ta. Ma Vương Ba Tuần dùng

lửa đốt tất cả kinh điển. Trong đó hoặc còn sót, hàng Bà La Môn bèn trộm lấy lượm lật để vào trong sách của họ. Do đây nên hàng tiểu Bồ Tát, lúc Phật chưa ra đời đem nhau tin lấy lời của Bà La Môn. Hàng Bà La Môn đầu nói rằng tôi có trai giới, nhưng thiệt ra các ngoại đạo đều không có. Hàng ngoại đạo đầu nói : Có ngã, có lạc, có tịnh, nhưng thiệt ra họ chẳng hiểu nghĩa lạc, ngã, tịnh. Chính là họ lấy một chữ hai chữ một câu hai câu trong Phật pháp rồi nói là trong sách vở họ có nghĩa như vậy.

Lúc bấy giờ trong rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, vô lượng vô biên vô số đại chúng nghe lời Phật nói như trên, liền đồng tiếng xưng rằng : "Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng !".

Ca Diếp Bồ Tát bảo đại chúng : Các người chớ lo rầu khóc lóc. Thế gian chẳng trống rỗng vì Phật pháp và Tăng là thường trụ không biến đổi.

Đại chúng nghe lời này liền thôi khóc, tất cả đều phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ thành Vương Xá, vua A Xà Thế tánh tình tệ ác, thích chém giết, miệng đủ bốn điều ác, tham, sân, si đầy nơi tâm, chỉ thấy hiện tại chẳng thấy vị lai, thuận dùng người ác để làm quyến thuộc, vì phạm ngũ dục hiện đời mà giết vua cha vô tội. Hại cha xong lòng ăn năn bức rức, khắp mình sanh ghê lở tanh hôi chẳng ai dám gần. Vua A Xà Thế

liền tự nghĩ rằng : Nay ta đã phải thọ lấy quả báo, không bao lâu chắc phải bị quả báo nơi địa ngục.

Thân mẫu của nhà vua là bà Vi Đề Hy lấy các thứ thuốc để thoa xức, nhưng ghẻ càng lở nặng thêm.

Vua A Xà Thế thừa với mẹ : ghẻ lở này do nơi tâm mà sanh chẳng phải do tứ đại, không thể dùng y dược trong đời mà điều trị được.

Vua bảo các vị đại thần : "Nay thân tâm của ta đều đau khổ. Cha ta vô tội, ta lại giết hại. Từng nghe người trí bảo rằng người phạm tội ngũ nghịch quyết định chẳng thoát khỏi địa ngục. Nay ta đã phạm tội nghịch thân tâm đau khổ, không có lương y nào chữa trị được".

Đại thần Nguyệt Xung liền thưa với nhà vua : "Nhu người thích ngủ nghỉ, ngủ nghỉ càng thêm nhiều, như người mê dâm dục, dâm dục càng thêm nhiều, như người ưa uống rượu, càng lúc càng uống nhiều. Nếu thường sầu khổ nhiều, thêm sầu cũng như vậy.

Như Đại Vương vừa nói người phạm tội ngũ nghịch quyết định chẳng thoát khỏi địa ngục. Có ai đến ngục thấy việc ấy trở về thưa với Đại vương chẳng ? Lời nói địa ngục chính là người trí ở thế gian nói. Nay có đại y sĩ hiệu là Phú Lan Na đặng sức định tự tại thấy biết tất cả, tu tập hạnh thanh tịnh thường vì mọi người mà diễn thuyết đạo Niết

Bàn vô thượng, dạy hàng đệ tử rằng không có nghiệp ác, không có báo ác. Không có nghiệp lành không có báo lành. Không có nghiệp lành ác, không có báo lành ác. Không có thượng nghiệp cũng không có hạ nghiệp. Đại sư này hiện nay ở trong thành Vương Xá. Xin Đại Vương giá lâm, để nhờ đại sư ấy điều trị. Vua nói : "Nếu ông ấy có thể diệt trừ tội lỗi của ta, thời ta sẽ quy y".

(*) Lại có một vị đại thần tên Tạng Đức thưa với nhà vua, mong Đại Vương chớ lo rầu sợ sệt. Có hai thứ pháp luật : Một là xuất gia, hai là Vương pháp. Hại cha mình để lên ngôi trị nước, dầu là nghịch nhưng đối với Vương pháp thật không có tội. Như trùn Ca La La phải cắn lủng bụng mẹ mới sanh được. Dầu cắn lủng bụng mẹ nhưng thật ra trùn cũng không có tội. Con la ghen chửa cũng như vậy. Phương pháp trị nước theo phép phải như vậy, dầu giết hại cha anh cũng không có tội. Còn pháp luật xuất gia thời nhấn đến giết muỗi kiến cũng đều có tội cả. Xin Đại Vương chớ lo rầu, vì càng sâu khổ thời càng thêm sâu khổ. Như người ưa ngủ, thích rượu, tham dâm thời sự ngủ v.v... càng thêm.

Nay có vị Đại Sư tên Mạt Già Lê Câu Xá Ly Tử thương xót chúng sanh như con đỏ, thấy biết tất cả, đã lia phiền não có thể cứu vớt chúng sanh khỏi ba mũi tên độc bén nhọn. Đại Sư này thường dạy đệ

(*) Hán bộ quyển thứ 19

tử rằng : Tất cả chúng sanh thân có bảy nguyên tố : Địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc và thọ mạng. Bảy thứ ấy chẳng phải hóa, chẳng thể làm, chẳng thể hủy hại, như cỏ Y Sư Ca, an trụ, chẳng động như núi Tu Di. Chẳng bỏ chẳng làm dường như sữa, như chất lạc. Chẳng cãi lẽ nhau : Hoặc khổ hoặc vui, là lành hay chẳng lành. Lấy dao bén chặt không chỗ bị thương bị hại, vì trong bảy nguyên tố ấy trống rỗng không ngăn ngại. Mạng cũng không bị hại vì không có người hại và người chết, không làm không thọ, không nói không nghe, không có ai nhớ cũng như không người dạy bảo. Đại Sư ấy thường thuyết pháp như vậy làm cho chúng sanh dứt trừ tất cả trọng tội. Nay Đại Sư ấy hiện ở trong thành Vương Xá, xin Đại Vương đến đó. Nếu Đại Vương gặp được Đại Sư ấy thời các tội sẽ tiêu trừ.

Vua A Xà Thế bảo đại thần Tạng Đức : "Nếu thật được như vậy ta sẽ quy y".

Lại có một đại thần tên là Thiệt Đức tâu cùng vua rằng : "Xin Đại Vương chớ sầu khổ. Nếu Tiên Vương tu đạo giải thoát, giết hại thời có tội. Nếu theo phép trị nước thời không có tội. Tất cả chúng sanh đều có nghiệp thừa, do nghiệp này nên thường bị sanh tử. Nếu như Tiên Vương có nghiệp thừa Đại Vương giết hại thời có tội gì. Mong Đại Vương yên lòng chớ sầu khổ vì người thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm".

Hiện nay trong thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là San Xà Dạ Tỳ La Chi Tử thấy biết tất cả, trí sâu rộng như biển cả, có oai đức, có thần thông có thể làm cho chúng sanh lìa các lưới nghi. Ngài dạy hàng đệ tử rằng : Trong quần chúng nếu là bậc vua chúa, thời tự tại tùy ý làm việc lành việc ác, trợn không có tội, như lửa đốt cháy đồ vật không luận là sạch cùng chẳng sạch. Như mặt đất chứa chở cả sạch cùng nhơ. Như nước, sạch dơ đều rửa. Như gió, sạch dơ đều thổi. Dầu có các việc như vậy mà đất nước v.v.. trợn không giận, không mừng, phép của vua chúa cũng đồng như vậy. Như cây mùa thu trụi lá, mùa xuân thời đâm chồi, dầu chặt cây trụi nhưng không có tội. Cũng vậy chúng sanh ở chỗ này chết trở lại sanh chỗ này, vì sanh trở lại nên không có tội. Những quả báo khổ vui của tất cả chúng sanh đều chẳng phải do nghiệp đời hiện tại chính là do nghiệp nhơn đời quá khứ. Hiện tại không nghiệp nhơn thì vị lai không quả báo. Do quả hiện tại nên chúng sanh trì giới tinh tấn tu hành để ngăn quả ác hiện tại. Do trì giới thời đặng vô lậu, vì đặng vô lậu thời hết nghiệp hữu lậu, vì hết nghiệp nên đặng hết khổ, vì hết khổ nên đặng giải thoát.

Xin Đại Vương mau đến đó. Nếu Đại Vương được thấy Đại Sư ấy thời tất cả tội đều trừ".

Vua đáp rằng : "Nếu thật như vậy thời ta sẽ quy y".

Lại có một Đại Thần tên Tất Tri Nghĩa tâu cùng vua rằng : "Xin Đại vương thư tâm chớ sầu khổ. Ngày xưa có vua La Ma giết cha để lên ngôi. Vua Mạc Đê, vua Tỳ Lô Chơn, vua Na Hầu Sa, vua Ca Đế Ca, vua Tỳ Xá Khư, vua Nguyệt Quang Minh, vua Nhật Quang Minh, vua Ái Vương, vua Tỳ Đa Nhơn, đều giết hại cha mình mà lên ngôi, nhưng không một vua nào bị đọa địa ngục. Đời nay có vua Tỳ Lưu Ly, vua Ưu Đa Dạ, vua Ác Tánh, vua Thủ Vương, vua Liên Hoa, đều giết hại cha mình, mà không một vua nào sanh lòng sầu não. Dầu nói rằng địa ngục, ngạ quỷ, trên trời, nhưng ai thấy được đó .

Tâu Đại Vương chỉ có hai loài : Một là người, hai là súc sanh. Dầu có hai loài nhưng chẳng phải do nhơn duyên sanh, cũng chẳng phải do nhơn duyên chết. Đã chẳng phải do nhơn duyên thời có gì là thiện là ác. Mong Đại Vương chớ buồn rầu sợ sệt. Vì người thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm.

Nay gần thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là A Kỳ Đa Xúy Xá Khâm Bà La thấy biết tất cả, xem vàng cùng đất đồng nhau. Đối với người lấy dao chém vào hông bên mặt cùng người lấy chiến đàn thoa vào hông bên trái, tâm của Ngài bình đẳng không sai khác, không oán, không thân, thật là bậc lương y trong đời. Đại Sư dạy hàng đệ tử rằng : "Hoặc tự làm, hoặc bảo người làm, hoặc tự chém, hoặc bảo người chém, hoặc tự đốt, hoặc bảo người đốt, hoặc

tự hại, hoặc bảo người hại, hoặc tự trộm, hoặc bảo người trộm, hoặc tự đâm, hoặc bảo người đâm, hoặc tự vọng ngữ, hoặc bảo người vọng ngữ, hoặc tự uống rượu, hoặc bảo người uống rượu, hoặc giết một thôn, một thành, một nước, hoặc dùng đao luân giết tất cả chúng sanh, hoặc phá nam sông Hằng bố thí chúng sanh, phá bắc sông Hằng giết hại chúng sanh, tất cả đều không tội không phước, không thí không giới, không định. Nếu Đại Vương gặp được Đại Sư ấy thời những tội lỗi sẽ dứt trừ".

Vua bảo đại thần Tất Tri Nghĩa : "Nếu thật được như vậy ta sẽ quy y".

Lại có đại thần tên là Kiệt Đắc tâu cùng vua rằng : "Ai đến phỉnh gạt Đại Vương mà nói rằng là có địa ngục ? Như đầu gai nhọn ai làm ra ? Loài chim khác màu ai làm ra ? Tánh nước nhuần ướt, tánh đá cứng rắn, tánh lửa thời nóng, tánh gió thời động, tất cả muôn vật tự sanh tự chết, ai làm ra ? Thuyết địa ngục chính là văn tự của người trí. Hạ thần này xin trình bày nghĩa địa ngục : Chữ địa là đất, chữ ngục nghĩa là phá, phá địa ngục không có tội báo, đây gọi là địa ngục. Lại chữ địa là người, chữ ngục là trời, bởi hại cha mình nên đến trong người trên trời. Do nghĩa này nên Bà Tẩu Tiên Nhơn nói rằng : Giết dê đặng quả vui cõi trời cõi người, đây gọi là địa ngục. Lại chữ địa là mạng, chữ ngục là dài, do sát sanh nên đặng thọ mạng dài, đây gọi

là địa ngục. Tâu Đại Vương do đây nên biết thật không có địa ngục. Như gieo bắp đặng bắp, gieo lúa đặng lúa, giết địa ngục mắc phải địa ngục, giết hại người lẽ ra phải đặng báo người. Đại Vương nên nghe lời hạ thần trình bày, thật không có sự giết hại, vì nếu có ngã thời không hại, nếu không ngã lại không chỗ hại. Vì có ngã thời thường còn không biến đổi, vì thường còn nên chẳng thể giết hại, chẳng phá, chẳng hoại, chẳng trói, chẳng buộc, không giận, không mừng, dường như hư không, sao lại có tội giết hại. Nếu không ngã thời các pháp đều vô thường, vì vô thường nên niệm niệm hoại diệt, vì niệm niệm hoại diệt nên người giết, người chết đều niệm niệm diệt, nếu đã niệm niệm diệt thời ai sẽ có tội. Tâu Đại Vương như lửa đốt cây, lửa không có tội, như búa chặt cây, búa cũng không tội, như liềm cắt cỏ liềm thật không tội, như dao giết người, dao chẳng phải người dao đã không tội, sao người lại có tội? Như thuốc độc giết người, thuốc độc chẳng phải người, thuốc độc đã không tội, sao người lại có tội? Tất cả muôn vật cũng đều như vậy, thật không giết hại, sao lại có tội. Mong Đại Vương chớ nên sầu khổ, vì thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm".

Nay gần thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên thấy biết tất cả, rõ suốt ba đời, trong khoảng một niệm có thể thấy vô lượng vô biên thế giới, nghe tiếng cũng vậy. Đại

Sư ấy có thể làm cho chúng sanh xa lìa tội lỗi, như sông Hằng bao nhiêu đồ nhơ uế, đều làm cho sạch sẽ. Đại Sư ấy dạy đệ tử rằng : Nếu người giết hại tất cả chúng sanh mà lòng không ăn năn hối hận thì trọn chẳng đọa ác thú, như hư không chẳng dính bụi dính nước, nếu lòng ăn năn hối hận liền đọa địa ngục, như nước thấm ướt đất. Tất cả chúng sanh đều do Tự Tại Thiên tạo ra. Tự Tại Thiên mừng thì chúng sanh an vui, Tự Tại Thiên sân thì chúng sanh khổ não. Tất cả tội phước của chúng sanh đều do Tự Tại Thiên làm ra, sao lại nói rằng loài người có tội có phước. Ví như thợ máy chế ra người máy, cũng đi đứng ngồi nằm, chúng sanh cũng như vậy. Tự Tại Thiên dụ như thợ máy, thân chúng sanh dụ như người máy. Tạo hóa như vậy thì ai là người có tội ?

Nếu Đại Vương gặp được Đại Sư ấy thì tội chướng sẽ tiêu trừ.

Vua bảo đại thần Kiệt Đắc : "Nếu thật được như vậy thì ta sẽ quy y".

Lại có đại thần tên Vô Sở Úy tâu cùng vua A Xà Thế rằng : "Xin đại vương chớ sầu khổ. Xét về giòng Sát Đế Lợi là giòng vua chúa, nếu vì nước, vì Sa Môn và Bà La Môn, vì vấn đề an ổn nhân dân, dầu có giết hại nhưng không tội.

Tiên Vương dẫu cung kính Sa Môn mà chẳng phụng thờ các Bà La Môn, tâm không bình đẳng chẳng phải thật giòng Sát Đế Lợi.

Nay Đại Vương muốn cúng dường các Bà La Môn mà giết hại Tiên Vương thì có tội gì !

Tâu Đại Vương ! Thật ra không có giết hại. Xét về sự giết hại là giết hại mạng sống. Mạng là hơi gió , tánh hơi gió không thể giết hại được, sao lại nói rằng hại mạng thì sẽ có tội. Mong Đại Vương chớ sầu khổ, vì thường sầu khổ thì sầu khổ càng thêm. Nay trong thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là Ni Kiên Đà Nhã Đề Tử thấy biết tất cả, thương xót chúng sanh, rõ biết căn tánh lợi độn, tám pháp thế gian không làm ô nhiễm được Ngài, tu tập phạm hạnh thanh tịnh, Đại Sư ấy dạy hàng đệ tử rằng : Không bố thí, không nghiệp lành, không cha, không mẹ, không đời nay, không đời sau, không A La Hán, không đạo hạnh, không tu hành. Tất cả chúng sanh trải qua bốn muôn kiếp, tự nhiên sẽ thoát khỏi dòng sanh tử, không luận là người có tội hay vô tội, như bốn con sông lớn đều chảy vào biển cả, tất cả chúng sanh lúc đặng giải thoát đều đồng nhau không khác. Nếu Đại Vương gặp được Đại Sư ấy thì các tội chướng sẽ tiêu trừ".

Vua bảo đại thần Vô Sở Úy : "Nếu thật như vậy ta sẽ quy y".

Mặc dầu các đại thần khuyên lơn giảng dạy đủ điều như vậy, nhưng vua A Xà Thế vẫn sầu khổ.

Lúc đó đại y sĩ Kỳ Bà tâu cùng vua rằng : "Đại Vương ngủ nghỉ cóặng yên chăng ?".

Vua A Xà Thế liền nói kệ rằng :

Nếu có người dứt hẳn được
Tất cả những phiền não hoặc
Chẳng tham nhiễm trong ba cõi
Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Nếu người chứng đại Niết bàn
Diễn thuyết nghĩa lý rất sâu
Gọi là thiệt Bà La Môn
Mới ngủ nghỉ được an ổn,
Thân không tạo nghiệp ác
Miệng xa lìa bốn điều lỗi
Tâm không có những lưới nghi
Mới ngủ nghỉ đặng an ổn.
Thân tâm đều không nhiệt não
An trụ nơi chỗ tịch tịnh
Đặng đến cảnh vui vô thượng
Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Trong lòng không có chấp lầy
Xa lìa những niệm oán thù
Thường hòa thuận không tránh tụng

Mới ngủ nghỉ được an ổn.
 Nếu chẳng tạo những nghiệp ác
 Thường có tâm niệm hổ thẹn
 Tin làm ác có quả báo
 Mới ngủ nghỉ được an ổn.
 Cung kính phụng dưỡng cha mẹ
 Chẳng giết hại một sanh mạng
 Chẳng trộm cướp tài vật người
 Mới ngủ nghỉ được an ổn.
 Điều phục sửa trị sáu căn
 Gần gũi bậc Thiện tri thức.
 Phá hoại tất cả bốn ma
 Mới ngủ nghỉ được an ổn.
 Chẳng thấy lành cùng chẳng lành
 Với những sự khổ sự vui
 Vì cứu độ những chúng sanh
 Nên luân chuyển trong sanh tử,
 Nếu người có thể như vậy.
 Mới ngủ nghỉ được an ổn.
 Ai đặng ngủ nghỉ yên ổn ?
 Đáp rằng : Chính là chư Phật
 Quán sâu nơi tam muội
 Thân cùng tâm an chẳng động.
 Ai ngủ nghỉ được an ổn ?

Đáp rằng : là đấng Từ Bi
Thường siêng tu chẳng phóng dật.
Xem chúng sanh như con một.
Chúng sanh bị tội vô minh
Chẳng thấy quả khổ phiền não
Thường gây tạo những nghiệp ác
Nên ngủ nghỉ chẳng được yên.
Hoặc vì lợi chính thân mình.
Và đến thân những người khác
Mà gây tạo mười nghiệp ác
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.
Nếu nói vì lên ngôi vua
Hại cha vẫn không tội lỗi
Thuận theo ác tri thức này
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.
Nếu ăn uống không tiết độ
Uống chất lạnh mà quá nhiều
Do đây phải mang bệnh khổ
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.
Nếu đối với vua có lỗi
Tà niệm với vợ con người
Cùng đi trên đường xa vắng
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.
Trì giới chưa được quả lành

Thái tử chưa được nối ngôi
 Kẻ trộm chưa lấy được của
 Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.

Này Kỳ Bà ! Nay ta mang bệnh nặng này chính vì ta nghịch lại vua cha. Cha ta trị nước đúng pháp thật không tội lỗi mà ta lại giết hại. Vì thế nên tất cả lương y diệu dược chú thuật đều không thể trị lành bệnh ta. Lòng ta khổ sở như cá mắc cạn, như nai mắc bẫy v.v.. Ta từng nghe người trí bảo rằng người phạm tội nghịch ắt đọa địa ngục. Ta làm sao ngủ yên ổn được. Lại không bậc vô thượng đại y sĩ dùng pháp dược để dứt trừ bệnh khổ cho ta.

Kỳ Bà tâu cùng vua : "Lành thay ! Lành thay ! Vua dẫu tạo tội nhưng có lòng ăn năn hối hận. Tâu Đại Vương ! Chư Phật thường nói rằng có hai pháp lành có thể cứu chúng sanh. Một là tâm, hai là quý. Tâm là tự chẳng phạm tội. Quý là chẳng bảo người phạm. Tâm là trong lòng tự hối hận. Quý là đối với người phát lồ. Tâm là hối cùng người. Quý là thẹn với trời. Kẻ không tâm, quý thời chẳng gọi là người, nên gọi là súc sanh. Vì có tâm quý thời có thể cung kính cha mẹ, Sư trưởng. Người có tâm quý thời gọi là cha mẹ, anh em, chị em.

Lành thay ! Đại Vương có lòng tâm quý. Xin Đại Vương nghe hạ thần trình bày.

Hạ thần từng nghe đức Phật nói : Có hai hạng người trí : Một là người chẳng tạo điều ác, hai là tạo điều ác rồi biết sám hối. Cũng có hai hạng người ngu : Một là người tạo tội, hai là người tạo tội rồi che dấu.

Dầu trước tạo tội lúc sau phát lồ, ăn năn hối hận chẳng dám tái phạm, như đem minh châu để trong nước đục, do thế lực của minh châu nước liền trong. Như khói mây tan thời mặt trăng chói sáng. Người tạo tội ác có thể sám hối cũng như vậy.

Đại Vương nếu sám hối có lòng tâm quý thời tội chướng sẽ trừ diệt, trong sạch như xưa.

Tâu Đại Vương ! Giàu có hai hạng : một là nhiều voi, ngựa, lục súc. Hai là nhiều vàng bạc các thứ châu báu. Voi ngựa nhiều chẳng sánh được một hột châu. Cũng vậy, chúng sanh có hai hạng giàu : một là giàu điều ác, hai là giàu điều lành. Tạo nhiều điều ác chẳng bằng một điều lành. Hạ thần nghe Phật nói tu một tâm lành phá trăm điều ác. Như chút kim cang có thể hoại núi Tu Di. Cũng như chút lửa có thể đốt cháy tất cả. Như chút thuốc độc có thể hại chúng sanh. Cũng vậy, chút ít điều lành có thể phá nghiệp ác lớn. Dầu gọi là chút lành nhưng kỳ thật là lớn, vì phá được nghiệp ác lớn.

Tâu Đại Vương ! Như lời Phật nói che dấu là hữu lậu, chẳng che dấu là vô lậu. Phát lồ sám hối

tội lỗi thời là vô lậu. Nếu tạo tội mà chẳng che chẳng dấu thời tội mỏng ít. Nếu có lòng tâm quý thời tội tiêu diệt. Giọt nước dầu nhỏ nhưng lần đầy lu lớn. Cũng vậy, mỗi mỗi tâm lành có thể phá điều ác lớn. Nếu người che dấu tội lỗi thời tội lỗi thêm lớn, còn phát lồ hổ thẹn thời tội lỗi tiêu diệt. Vì thế nên chư Phật nói người có trí chẳng che dấu tội lỗi.

Lành thay ! Đại Vương có thể tin nhân quả tin nghiệp báo. Xin Đại Vương chớ ôm lòng sầu khổ sợ sệt.

Nếu có chúng sanh tạo các tội ác rồi che dấu chẳng sám hối, không lòng hổ thẹn, chẳng thấy như quả cùng nghiệp báo, chẳng thể học hỏi nơi người trí, chẳng gần bạn lành, tất cả lương y không thể trị lành bệnh người này, như bệnh Ca Ma La, y sĩ trong đời đều khoanh tay. Người tội này gọi là nhất xiển đề. Hàng nhất xiển đề chẳng tin như quả, không biết hổ thẹn, chẳng tin nghiệp báo, chẳng thấy hiện tại cùng vị lai, chẳng gần bạn lành, chẳng thuận theo lời dạy của Phật, chư Phật Thế Tôn không thể chữa trị bệnh này. Như tứ thi, y sĩ chẳng chữa được.

Nay Đại Vương chẳng phải hạng nhất xiển đề, sao lại nói rằng không thể cứu lành.

Như lời Đại Vương nói không người nào chữa trị được. Xin Đại Vương nên biết rằng : Con vua

Tịnh Phạn ở thành Ca Tỳ La họ Cù Đàm tên Tất Đạt Đa, tự giác ngộ thành bậc Vô thượng Chánh giác, thân trang nghiêm đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở úy, thấy tất cả, đại từ đại bi thương xót chúng sanh như La Hầu La, tùy thuận chúng sanh như ghé theo trâu mẹ, thuyết pháp đúng thời, lời Phật chơn thiệt, thanh tịnh, vi diệu, đúng nghĩa đúng pháp, duy nhất, có thể làm cho chúng sanh lìa hẳn phiền não khéo biết căn tánh của chúng sanh, tùy nghi phương tiện không gì chẳng thông đạt. Trí của Phật cao lớn như núi Tu Di, thâm thúy rộng xa như biển cả. Đức Phật có trí kim cương phá tất cả tội ác của chúng sanh. Nay đức Phật cách đây mười hai do tuần trong rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, đương vì vô lượng vô số Bồ Tát đại chúng mà thuyết pháp. Nếu Đại Vương được nghe Phật dạy về nghĩa vô tác, vô thọ thời bao nhiêu trọng tội sẽ được tiêu trừ.

Xưa kia Thích Đề Hoàn Nhơn lúc sắp chết có năm tướng hiện : Một là áo xiêm như nhóp, hai là hoa trên đầu héo, ba là thân thể hôi dơ, bốn là dưới nách ra mồ hôi, năm là chẳng thích chỗ mình ở. Lúc đó Thiên Đế Thích, hoặc nơi chỗ vắng vẻ thấy Sa Môn, hoặc thấy Bà La Môn, liền đi đến kính ngưỡng như Phật, các Sa Môn cùng Bà La Môn thấy Thiên Đế Thích đến rất vui mừng nói rằng : Thừa Thiên Chúa ! Nay tôi quy y với Ngài.

Thiên Đế biết chẳng phải Phật, nghĩ rằng : Người đó nếu không phải là Phật thì không thể chữa trị năm tướng suy của ta.

Thiên tử theo hầu tên Bát Giá Thi tâu cùng Thiên Đế : Vua Càn Thát Bà tên Đôn Phù Lâu có công chúa hiệu là Tu Bạt Đà, Thiên Vương nếu ban công chúa này cho hạ thân, hạ thân sẽ chỉ người có thể trừ tướng suy cho Thiên Vương.

Thiên Đế đáp rằng : Này Thiện nam tử ! Nếu được như lời khanh vừa tâu, công chúa Xá Chỉ, con gái của vua A Tu La Tỳ Ma Chất Đa hiện ra đương kính ái, nếu khanh muốn ta cũng sẽ ban cho, huống là công chúa Tu Bạt Đà.

- Tâu Thiên Vương, hiện tại có đức Phật Thế Tôn hiệu Thích Ca Mâu Ni đương ở thành Vương Xá, Thiên Vương nếu đến cầu pháp nơi Phật thì tướng suy chắc chắn sẽ trừ diệt.

Thiên Đế liền khiến xa giá đến núi Kỳ Xà Quật. Thiên Đế đầu mặt đánh lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên bạch cùng Phật rằng : "Thế Tôn ! Trong hàng Thiên Nhơn những gì là trói buộc ?"

Phật nói : "Này Kiều Thi Ca ! Chính là xan tham và tật đố".

Bạch Thế Tôn ! Xan tham, tật đố nhưn đâu mà sanh ?

- Do vô minh mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Vô minh lại do đâu mà sanh ?

- Do phóng dật mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Phóng dật lại do đâu mà sanh ?

- Do điên đảo mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Điên đảo lại do đâu mà sanh ?

- Do lòng nghi mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Đúng như lời Phật dạy, vì tâm tôi nghi nên sanh điên đảo, đối với người chẳng phải Phật mà tưởng là Phật. Giờ đây tôi được thấy Thế Tôn, lưới nghi của tôi liền trừ. Vì lưới nghi trừ nên điên đảo cũng hết. Vì điên đảo hết nên không có tâm xan tham tâm tật đố.

Phật nói : "Ông nói rằng không có tâm xan tham tật đố, thời ông đãặng quả A Na Hàm chăng ? Bạc A Na Hàm không có tâm tham. Nếu không tâm tham sao lại vì mạng sống mà tìm đến ta. Mà bạc A Na Hàm thật chẳng cầu sống".

- Bạch Thế Tôn ! Người có điên đảo thời có cầu mạng sống, người không điên đảo thời chẳng cầu mạng sống. Nay tôi thật chẳng cầu mạng sống, tôi chỉ cầu Pháp thân cùng Trí huệ của Phật.

Này Kiều Thi Ca ! Người cầu Pháp thân cùng Trí huệ của Phật, thời tương lai quyết định sẽ được.

Nghe lời Phật nói xong năm tướng suy của Thiên Đế liền tiêu diệt.

Thiên Đế đứng dậy đánh lễ rồi đi nhiễu Phật ba vòng chấp tay cung kính bạch Phật : "Thế Tôn nay tôi sắp chết được sống, sắp mất mạng được mạng, lại được Phật thọ ký sẽ thành Vô thượng Chánh giác. Bạch Thế Tôn ! Tất cả nhơn thiên thế nào được tăng ích ? Lại do duyên gì mà phải tổn giảm ?".

Này Kiều Thi Ca do đấu tránh nên nhơn thiên tổn giảm. Khéo tu hòa kính thời đặng tăng ích.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu do đấu tránh mà tổn giảm, từ nay trở đi tôi chẳng cùng A Tu La đánh nhau nữa.

- Lành thay ! Lành thay ! Này Kiều Thi Ca chư Phật Thế Tôn đều nói hạnh nhẫn nhục là nhơn Vô thượng Bồ Đề.

Thích Đề Hoàn Nhơn lễ tạ Phật trở về Thiên cung.

Tâu Đại Vương vì đức Như Lai có thể trừ những tướng ác, nên gọi là Phật chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Đại Vương ra mắt Phật chắc chắn sẽ trừ được trọng tội.

Ngày trước thanh niên giòng Ba La Môn, tên là Bất Hại, vì giết hại nhiều người nên hiệu là Ương Quật Ma La. Thanh niên này lại muốn hại mẹ, lúc tâm ác nổi lên cầm gươm tìm mẹ, vì thân tâm ác nên thành nhân tội nghịch, tất phải đọa địa ngục. Lát sau thấy Phật thân tâm khởi ác muốn hại Phật, đây cũng là nhân tội nghịch sẽ đọa địa ngục. Thanh niên này

được đức Như Lai giáo hóa, tâm ác liền trừ, nghiệp nhân địa ngục tiêu diệt, phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Vì thế nên đức Phật hiệu là Y Vương Vô thượng, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo kia.

Tâu Đại Vương lại có Vương Tử Tu Tỳ La, vua cha giận chặt cả tay chân xô xuống giếng sâu. Vương Mẫu thấy xót thương sai người đem Vương Tử đến trước Phật. Lúc Vương Tử thấy Phật, tay chân đầy đủ lại như cũ, liền phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Vì Vương Tử được thấy Phật nên dựng quả báo hiện tại. Do đây nên đức Phật hiệu là Y Vương Vô thượng, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại Vương ngày trước trên bờ sông Hằng có năm trăm ngạ quỷ đã nhiều năm chẳng thấy nước chẳng được uống, dầu họ đến bên sông nhưng họ thấy thuận là lửa, vì quá đói khát nên họ kêu la than khóc. Lúc đó đức Như Lai ngồi dưới bóng cây ở rừng Uất Đàm Bát cạnh bờ sông. Các ngạ quỷ đến bạch Phật : "Thế Tôn ! Chúng tôi đói khát sắp chết đến nơi".

Phật nói : "Sao các người chẳng uống nước sông Hằng ?".

Các ngạ quỷ thưa : Đức Như Lai thấy nước, còn chúng tôi thấy lửa.

Phật nói : "Trong sông Hằng toàn nước trong mát thật chẳng phải lửa. Vì nghiệp ác nên các người sanh

tâm điên đảo cho là lửa. Phật sẽ trừ tâm điên đảo cho các người, để các người thấy được nước".

Như Lai liền vì các nạ quỷ giảng nói tội lỗi của tâm xan tham.

Các nạ quỷ thưa : "Nay chúng tôi đang đói khát, đầu nghe lời thuyết pháp nhưng đều chẳng nhập tâm".

Phật nói : "Các người nếu đói khát có thể vào sông Hằng tha hồ uống đó".

Nhờ công đức của Phật các nạ quỷ uống đặng nước. Uống nước xong họ trở về chỗ Phật ngồi. Đức Như Lai vì họ thuyết pháp, tất cả đều phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Lúc đó năm trăm nạ quỷ đều đặng sanh lên cõi trời.

Do có đây nên đức Phật hiệu là Y Vương Vô thượng, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại Vương ! Nước Xá Bà Đề có đảng cướp năm trăm người, bị vua Ba Tư Nặc bắt được, khoét cả đôi mắt bỏ trong rừng sâu. Đảng cướp khổ sở khóc than tưởng niệm đến Phật. Đức Phật xót thương hiện thân trước đảng cướp khuyên bảo rằng : Các người phải khéo giữ gìn thân khẩu chớ gây tạo nghiệp ác nữa. Đảng cướp nghe tiếng Phật dịu dàng trong trẻo, đôi mắt sáng trở lại. Đồng chấp tay đánh lễ Phật bạch rằng : Thế Tôn ! Nay chúng tôi rõ biết Phật có lòng đại từ che chở tất cả chúng sanh, chẳng phải riêng là nhơn thiên.

Đức Như Lai vì họ thuyết pháp tất cả đều được phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Do đây nên đức Như Lai thật là lương y vô thượng trong thế gian, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại Vương ! Nước Xá Bà Đề có người Chiên Đà La tên là Khí Hứ giết hại nhiều mạng người, gặp được đệ tử của Phật là ngài Ma Ha Mục Kiền Liên, liền phá được nhân địa ngục sanh lên cõi trời Đao Lợi. Vì có hàng Thánh đệ tử như vậy nên đức Như Lai hiệu là Y Vương vô thượng chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại Vương thành Ba La Nại có Trưởng giả tử tên là A Dật Đa, dâm bà mẹ, giết chết ông cha. Bà mẹ lại tư thông với người khác, Trưởng giả tử bèn lại giết mẹ. Có vị A La hán là thân hữu của nhà này. Vì hổ thẹn nên Trưởng giả tử lại giết A La Hán. Sau đó Trưởng giả tử đến Kỳ Hoàn Tịnh Xá cầu xuất gia. Các Tỳ Kheo rõ biết người này phạm ba tội nghịch, nên không vị nào dám nhận. Trưởng giả tử oán giận, giữa đêm phóng lửa đốt phòng của chư Tăng, giết hại nhiều người vô tội. Lúc sau đó Trưởng giả tử qua thành Vương Xá cầu xin đức Như Lai cho xuất gia. Đức Như Lai liền nhận rồi giảng nói pháp yếu khiến tội nghịch nặng lần lần giảm nhẹ, Trưởng giả tử phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Do đây nên đức Phật hiệu là Y Vương vô thượng.

Đại Vương bốn tánh bạo ác nghe lời người ác là Đề Bà Đạt Đa, thả voi say để chà Phật, voi thấy Phật liền tỉnh ngộ, Phật lấy tay xoa đầu voi, nói pháp yếu voi phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương ! Súc sanh thấy Phật còn phá được nghiệp quả súc sanh, huống là loài người ư !

Đại Vương nếu gặp được Phật, bao nhiêu trọng tội tất sẽ tiêu trừ.

Đức Thế Tôn lúc chưa thành Vô thượng Bồ Đề, Ma Vương dẫn vô lượng quyến thuộc đến chỗ Bồ Tát ngồi, Bồ Tát dùng sức nhẫn nhục phá tan ác tâm của ma, làm cho ma thọ pháp phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương có Khoáng Dã quý giết hại nhiều người, vì cứu Thiện Hiền Trưởng giả, đức Như Lai đến thôn Khoáng Dã hiện thân thuyết pháp. Khoáng Dã quý nghe pháp mừng vui, bèn đem Thiện Hiền trưởng giả trao cho Như Lai, rồi sau bèn phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương ! Nước Ba La Nại có người hàng thịt tên là Quảng Ngạch, mỗi ngày giết hại cả trăm ngàn con dê, gặp ngài Xá Lợi Phất liền thọ bát quan trai một ngày một đêm. Nhờ công đức này, sau khi chết Quảng Ngạch sanh làm con trai của Tỳ Sa Môn Thiên Vương. Đệ tử của đức Như Lai còn có công đức lớn như vậy huống là Phật.

Tâu Đại Vương ! Thành Tế Thạch ở bắc Thiên Trúc, có vua Long Ấn vì tham ngôi vua mà giết hại vua cha, về sau sanh lòng ăn năn bỏ nước đến xin Phật xuất gia, làm Tỳ Kheo, tội nặng tiêu diệt phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Đức Phật có vô lượng vô biên công đức như vậy.

Tâu Đại Vương ! Phật có một người em họ là Đề Bà Đạt Đa, ông này phá Tăng, làm thân Phật chảy máu, giết chết A La Hán Liên Hoa Tỳ Kheo Ni, phạm cả ba tội nghịch, đức Như Lai vì ông giảng nói pháp yếu làm cho tội nghịch nặng của ông được giảm nhẹ, nên đức Như Lai là Y Vương vô thượng chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Đại Vương nếu có thể tin lời của hạ thần xin Đại Vương mau đến đức Như Lai. Nếu Đại Vương chưa tin, hạ thần cũng mong Đại Vương suy nghĩ kỹ lại.

Tâu Đại Vương, Chư Phật có lòng đại bi che chở tất cả, chẳng hạn cuộc nơi một người. Chánh pháp của Phật rộng rãi bao gồm chẳng sót với kẻ oán người thân Phật xem bình đẳng lòng không ghét không yêu.

Đức Như Lai chẳng phải là thầy riêng của bốn bộ chúng, mà là thầy của tất cả trời, người, rồng, thần, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Tất cả chúng sanh cũng nên xem Phật như cha mẹ. Đức Như Lai chẳng riêng vì người sang giàu như vua Bạt Đề Ca mà

thuyết pháp, cũng thuyết pháp cho cả người hạ tiện như Ưu Bà Ly. Chẳng riêng thọ sự cúng dường của Trưởng giả Tu Đạt Đa, Trưởng giả A Na Bàn Kỳ mà cũng nhận lấy đồ ăn của người nghèo. Đức Phật chẳng riêng vì hạng trí huệ như ngài Xá Lợi Phất mà thuyết pháp, cũng giáo hóa cả người ngu tối như Châu Lợi Bàn Đạc. Đức Như Lai chẳng riêng cho người tánh không tham như ngài Ca Diếp xuất gia, mà cũng cho cả người rất tham như Bàn Đà xuất gia. Đức Phật chẳng riêng cho người ít phiền não như Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp xuất gia, mà cũng cho người phiền não sâu nặng tạo trọng tội như ông Tu Đà Da, em vua Ba Tư Nặc xuất gia. Đức Phật chẳng vì ông Tá Thảo cung kính cúng dường mà nhỏ trừ gốc sân hận cho ông ấy cũng độ cả kẻ ác tâm muốn làm hại là Ương Quật Ma La. Chẳng riêng độ người xuất gia làm cho chứng đặng ba Thánh quả, cũng làm cho hàng tại gia chứng đặng bốn Thánh quả, Đức Như Lai chẳng riêng vì người nhân tịch như ông Phú Đa La mà thuyết pháp, cũng giảng thuyết cho vua Tần Bà Ta La bận rộn việc nước. Người ghiền rượu như ông Út Già Trưởng giả Phật cũng giáo hóa chớ chẳng phải riêng vì những người kiêng rượu. Đức Phật cũng giáo hóa nàng Bà Tư Tra là người mẹ cuồng tâm vì con chết, chớ chẳng phải riêng thuyết pháp cho bậc nhập thiền định như Ly Bà Đa. Đức Phật chẳng riêng vì đệ tử của mình, mà cũng

thuyết pháp cho hàng ngoại đạo Ni Kiên Tử. Phật cũng giáo hóa người già suy tám mươi tuổi, cũng như với hạng trai trẻ hai mươi lăm. Người căn lành chưa thuần phục, cũng được Phật giáo hóa như người đã thuần phục. Phật thuyết pháp cho dân nữ Liên Hoa cũng như vì Mạt Lợi phu nhân. Phật nhận món ăn độc của Trưởng giả Thi Lợi Cúc Đa như lãnh thực phẩm thượng soạn của vua Ba Tư Nặc.

Tâu Đại Vương Trưởng giả Thi Lợi Cúc Đa trước kia cũng tạo tội nghịch, nhờ đến Phật nghe thuyết pháp, bèn phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Giả sử trong một tháng thường đem y phục vật thực cung kính cúng dường cho tất cả chúng sanh, chẳng bằng người niệm Phật khoảng một niệm.

Giả sử đúc vàng làm người, xe ngựa chở đầy châu báu đến số trăm dùng để bố thí, chẳng bằng người phát tâm muốn đến Phật dõ chân bước một bước.

Giả sử dùng trăm xe voi chở các thứ trân bảo của nước Đại Tần, cùng trăm người nữ nước ấy thân đeo đầy chuỗi ngọc dùng để bố thí, vẫn không bằng bước một bước hướng đến Phật.

Cho đến giả sử Đại vương cung kính cúng dường hằng hà sa vô lượng chúng sanh, chẳng bằng một lần đến rừng Long Thọ thành tâm nghe đức Như Lai thuyết pháp".

Vua A Xà Thế bảo rằng : "Này Kỳ Bà ! Đức Như Lai tâm tánh đã điều nhu, thời quyền thuộc phải là người điều nhu, như rừng Chiên Đàn thời thuần cây chiên đàn, đức Như Lai thanh tịnh quyền thuộc của Ngài cũng thanh tịnh, như rừng thời thuần dùng rừng làm quyền thuộc. Đức Như Lai tịch tịnh không tham không phiền não, quyền thuộc của Ngài cũng không phiền não. Nay ta là người cực ác, thân thể hôi nhơ, thuộc hạng địa ngục, đâu đáng là người đến chỗ đức Như Lai. Giả sử ta có qua, e rằng đức Như Lai chẳng đoái tới. Khanh dầu khuyên ta, nhưng ta xấu hổ sợ sệt không có lòng muốn đi".

Vua A Xà Thế nói vừa dứt, trên không bỗng có tiếng rằng : Phật pháp vô thượng sắp suy mất, dòng sông pháp rộng sâu sắp cạn, đèn sáng đại pháp sắp tắt, núi pháp sắp lở, thuyền pháp sắp chìm, cầu pháp sắp hư, điện pháp sắp đổ, tràng pháp sắp ngã, cây pháp sắp gãy, bạn lành sắp đi, sự khủng bố sắp đến, chúng sanh sắp đói khát, bệnh dịch phiền não sắp lưu hành, sự tối tăm sắp đến, ma vương vui mừng cởi mở giáp trụ, mặt trời Phật sắp lặn nơi núi Đại Niết Bàn. Phật nếu diệt độ tội nghịch trọng của Đại Vương không còn ai trị được.

- Nay Đại Vương đã tạo tội nghiệp A Tỳ địa ngục, đã có tội nghiệp tất phải thọ báo. Sao gọi là A Tỳ địa ngục ? A là không, Tỳ là xen hở, tức là Vô Giá. Người đọa trong đó luôn bị khổ không

hở, một người tội thân lớn đầy khắp cả ngục tám muôn do tuần, nhiều người tội, thân mỗi người cũng đầy khắp cả ngục không chướng ngại nhau, do đây nên gọi là địa ngục Vô gián.

Trong địa ngục lạnh tạm thời có gió ấm nóng, trong địa ngục ấm nóng tạm thời có gió mát lạnh, địa ngục A Tỳ toàn không có việc này. Ngục A Tỳ bốn phía có cửa, ngoài mỗi cửa đều có ngọn lửa rất mạnh cháy suốt cả bốn phương tám muôn do tuần, vách ngục bằng sắt, nền cũng bằng sắt, lưới phủ trùm ở trên, lửa dưới nền cháy suốt đến nóc ngục, lửa trên nóc cháy suốt đến nền ngục. Người tội trong đó bị đốt cháy đau khổ như cá bị chiên trong chảo. Phạm một tội nghịch bị trợn sự khổ như vậy, nếu tạo hai tội nghịch thời sự khổ gấp hai, nếu tạo đủ ngũ nghịch thời sự khổ gấp năm lần. Tôi biết chắc ác nghiệp của Đại Vương không thể thoát khỏi. Mong Đại Vương mau đến gặp Phật, ngoài Phật ra không ai cứu Đại Vương được. Vì xót thương nên tôi có mấy lời khuyên Đại Vương.

Vua A Xà Thế trong lòng quá sợ, toàn thân run rẩy, ngược mặt lên hỏi rằng : "Ngài là ai ? Sao chỉ nghe tiếng mà chẳng hiện thân ?".

Trên hư không có tiếng đáp : "Tôi là Tần Bà Ta La cha đẻ của Đại Vương đó.

Nay Đại Vương phải nghe lời Kỳ Bà, chớ nghe lời tà kiến của sáu đại thần".

Nghe xong vua A Xà Thế ngất xỉu trên đất, ghé nhọt thêm nhiều càng hôi hơn trước. Dầu ngựa đem thuốc đến thoa, nhưng ghé độc càng thêm nóng nhức.

(*) Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ở trong rừng Song Thọ, Phật nhân thấy vua A Xà Thế ngất xỉu xuống đất, liền bảo đại chúng : "Nay Phật sẽ vì vua này ở lại đời đến vô lượng kiếp chẳng nhập Niết Bàn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đức Như Lai nên vì vô lượng chúng sanh chẳng nhập Niết Bàn. Có sao riêng vì vua A Xà Thế ?".

- Nay Thiện nam tử ! Trong đại chúng đây không có một người nào cho rằng Phật quyết định nhập Niết Bàn. Vua A Xà Thế cho rằng Phật quyết định sẽ nhập Niết Bàn hẳn nên ngất xỉu.

Này Thiện nam tử ! Như Phật nói vì A Xà Thế chẳng nhập Niết Bàn ý nghĩa ấy rất sâu kín ông chưa hiểu được. Ta nói : "Vi" là vì tất cả phàm phu, A Xà Thế là khắp đến tất cả người tạo tội ngũ nghịch. Lại "Vi" chính là tất cả chúng sanh hữu vi. Ta trọn chẳng vì vô vi chúng sanh mà ở lại đời. Luận về vô vi thời chẳng phải là chúng sanh. A Xà Thế chính là người đầy đủ phiền não. Lại "Vi" chính là chúng sanh chẳng thấy Phật tánh. Nếu đã thấy Phật tánh thời Phật trọn chẳng vì họ mà ở lâu nơi đời. Vì

(*) Hán bộ quyển thứ 20

người thấy Phật tánh thời chẳng phải là chúng sanh. "A Xà Thế" chính là tất cả người chưa phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Lại "vì" là vì hai chúng Đại Ca Diếp và A Nan. "A Xà Thế" chính là Phi hậu của nhà vua và tất cả phụ nữ trong thành Vương Xá. Lại "Vì" là nói Phật tánh, "A Xà" là chẳng sanh. "Thế" là oan. Bởi chẳng sanh Phật tánh thời sanh phiền não oán thù. Vì sanh phiền não oán thù nên chẳng thấy Phật tánh. Bởi chẳng sanh phiền não thời thấy được Phật tánh. Do thấy Phật tánh thời được an trụ đại Niết Bàn. Đây gọi là bất sanh, đây gọi là "vì A Xà Thế".

Này Thiện nam tử ! "A Xà" là chẳng sanh, chẳng sanh gọi là Niết Bàn. "Thế" là nói thế pháp. "Vì" là nói chẳng nhiễm ô. Bởi tám pháp trong đời chẳng ô nhiễm được, vô lượng vô biên vô số kiếp chẳng nhập Niết Bàn. Do đây nên Phật nói vì A Xà Thế vô lượng kiếp chẳng nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Lời nói sâu kín Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, Bồ Tát Ma Ha Tát đều chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Đại Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ đức Thế Tôn vì vua A Xà Thế mà nhập nguyệt ái tam muội, phóng ánh sáng lớn. Ánh sáng này mát mẻ chiếu đến thân vua. Ghê lở trên thân liền lành, hết nóng hết nhức.

Vua bảo Kỳ Bà : "Ta từng nghe : Lúc sắp tận kiếp ba mặt trăng đồng hiện lên, do đó những khổ hoạn của chúng sanh đều trừ. Nay chưa đến thời kỳ ấy, do đâu có ánh sáng mát mẻ chiếu đến thân ta làm cho thân ta được an ổn ghê lở đều lành ?".

Kỳ Bà tâu : "Đây không phải là tận kiếp, không phải ánh sáng của ba mặt trăng, cũng chẳng phải ánh sáng mặt trời, tinh tú, bảo châu, được thảo cũng chẳng phải ánh sáng chư Thiên".

Vua lại hỏi như vậy thời là ánh sáng của ai ?

- Tâu Đại Vương ! Đây là ánh sáng của Đấng Thiên Trung Thiên. Ánh sáng này chẳng có ngăn mé, chẳng nóng, chẳng lạnh, chẳng thường, chẳng diệt, chẳng phải sắc cùng vô sắc, chẳng phải tướng cùng vô tướng, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng. Vì độ chúng sanh nên hiện ra có tướng có thể thấy. Dầu thấy được nhưng thiệt ra ánh sáng này vốn không tướng.

Vua nói : "Này Kỳ Bà ! Đấng Thiên Trung Thiên do nhơn duyên gì mà phóng ánh sáng này ?".

- Tâu Đại Vương ! Nay tướng lành này chính là vì Đại Vương. Bởi vừa rồi Đại Vương nói trong đời không có lương y trị được thân bệnh, tâm bệnh của Đại Vương, nên đức Thế Tôn phóng ánh sáng này, trước chữa lành bệnh nơi thân của Đại Vương, rồi sau sẽ trị bệnh nơi tâm.

- Này Kỳ Bà Đức Như Lai cũng nghĩ tưởng đến ta ư ?

- Tâu Đại Vương ! Ví như một người mà có bảy đứa con, một đứa bị bệnh, lòng cha mẹ sẵn sóc đứa con bệnh tật nhiều hơn. Cũng vậy, đức Như Lai chẳng phải là không bình đẳng đối với chúng sanh, nhưng với người có tội thì lòng Phật thiên trọng. Với kẻ phóng dật lòng Phật thương tưởng, người chẳng phóng dật thì Phật phóng xả. Người chẳng phóng dật là bậc đệ lục trụ Bồ Tát. Chư Phật đối với chúng sanh, chẳng nhìn ngó đến giòng họ, già trẻ, giàu nghèo, năm tháng ngày giờ, nghề nghiệp khéo vụng, tội tứ hèn hạ, chỉ ngó đến chúng sanh có tâm lành. Nếu người có tâm lành thì Phật thương tưởng.

Tâu Đại Vương ! Đây chính là đức Như Lai nhập Nguyệt ái tam muội phóng ra ánh sáng ấy.

Nhà Vua hỏi : Sao gọi là nguyệt ái tam muội ?

Kỳ Bà tâu : "Ví như ánh sáng mặt trăng có thể làm cho tất cả hoa sen xanh nở xòe, cũng vậy, Nguyệt ái tam muội có thể làm cho tâm lành chúng sanh nở xòe".

Ví như ánh sáng mặt trăng có thể làm cho tất cả người đi đêm vui mừng, cũng vậy, Nguyệt ái tam muội có thể làm cho người tu tập đạo Niết Bàn vui mừng.

Ví như ánh sáng mặt trăng trừ đêm mùng một đến rằm, hình sắc ánh sáng lần lần thêm đầy đủ, cũng vậy, Nguyệt ái tam muội làm cho người mới phát tâm những căn lành lần lần thêm lớn đến đầy đủ Đại Niết Bàn.

Ví như ánh sáng mặt trăng từ đêm mười sáu đến đêm ba mươi hình sắc ánh sáng lần lần giảm bớt, cũng vậy, Nguyệt ái tam muội có thể làm cho phiền não lần lần tiêu diệt.

Ví như đang lúc nắng nóng, tất cả chúng sanh thường nghĩ đến ánh sáng mặt trăng, lúc trăng sáng đã soi thời liền hết nóng bức, cũng vậy, nguyệt ái tam muội có thể làm cho chúng sanh trừ được phiền não nóng bức.

Ví như mặt trăng tròn là vua trong các tinh tú, là cam lộ vị, tất cả chúng sanh đều ưa thích, cũng vậy, Nguyệt ái tam muội là vua trong các pháp lành, là cam lộ vị chúng sanh đều ưa thích.

Vua nói : "Ta nghe đức Như Lai chẳng cùng người ác ở chung đàm luận. Như biển lớn chẳng chứa tử thi. Như chim Oan Ương chẳng đậu nhà xí. Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn chẳng ở chung với quỷ. Chim Cưu Sứ La chẳng đậu cây khô. Cũng vậy, ta đâu có thể gần được đức Như Lai. Theo ta xét đức Như Lai thà gần voi say, sư tử, cọp, sói, lửa hừng, trợn chẳng gần gũi nơi người tạo tội ác quá nặng.

nặng. Vì vậy nên ta không lòng nào dám đến gặp Phật".

Kỳ Bà tâu : "Ví như người khát nước thời gặp đến suối trong, người đói cầu vật thực, người kinh sợ cầu cứu, người bệnh tìm lương y, người nóng bức tìm bóng mát, người lạnh tìm lửa. Nay Đại Vương cũng nên cầu Phật như vậy. Đức Như Lai còn vì hạng nhất xiển đề mà thuyết pháp hướng là Đại Vương chẳng phải nhất xiển đề".

Vua nói : "Này Kỳ Bà ! Ta từng nghe nhất xiển đề là kẻ chẳng tin, chẳng nghe, chẳng thể quán sát, chẳng hiểu đặng nghĩa lý, tại sao đức Như Lai lại thuyết pháp cho họ ?".

Kỳ Bà tâu : "Như có người mang bệnh nặng, đêm ngủ mơ thấy lên trên điện một cột, uống chất tợ dầu mỡ và lấy thoa nơi thân, nằm trên tro ăn tro, leo lên cây khô, hoặc thấy cùng khỉ vượn làm bạn, chìm dưới nước, lún trong bùn, té rơi xuống điện lầu, hoặc thấy núi cao rừng rậm, voi, ngựa, trâu, dê, thân mặc y phục xanh, vàng, đỏ, đen, vui cười, ca múa, hoặc thấy kên kên, chồn, cáo phàm rụng răng, rụng tóc, trần truồng, gối đầu trên mình chó, nằm trên phần nhơ, hoặc thấy cùng người đã chết đi đứng nằm ngồi dặt tay ăn uống, đi trong đường đầy rắn độc, hoặc mơ thấy ôm ấp người nữ trùm tóc, y phục bằng lá đa la, ngồi xe lừa hư gãy qua hướng chánh Nam".

Người này tỉnh dậy lòng buồn rầu bệnh nơi thân càng thêm. Vì bệnh thêm nên thân thuộc sai người mời y sĩ. Người đi mời này lùn thấp tàn tật, đầu đầy bụi bặm, y phục rách nát, ngồi xe hư cũ, đến nói với y sĩ : Xin mau qua thăm bệnh.

Y sĩ tự nghĩ : Người đến mời này tướng mạo chẳng lành bệnh chắc khó trị. Lại coi ngày, thấy nhằm ngày bệnh khó trị, tức là ngày mùng bốn, mùng sáu, mùng tám, mười hai, mười bốn. Lại coi sao cũng nhằm sao khó trị, tức là hỏa tinh, khuê tinh, mảo tinh, diêm la tinh, thấp tinh, mãn tinh. Lại coi nhằm mùa thu, mùa đông, giờ mặt trời lặn nửa đêm, giờ mặt trăng lặn, nhằm những giờ này bệnh cũng khó trị. Y sĩ lại nghĩ rằng : Dầu tất cả đều chẳng lành, nhưng xem người bệnh nếu có phước đức thời trị được, bằng không phước đức dầu lành tốt có ích gì !

Y sĩ liền cùng đi với người đến mời, giữa đường nghĩ rằng : Nếu người bệnh có tướng trượng thọ thời trị được, nếu là tướng đoản thọ thời chẳng thể trị.

Đọc đường thấy hai đứa trẻ đánh lộn, thấy người cầm lửa tự nhiên tắt, thấy có người đốn cây ; lại thấy người kéo tấm da đi trên đường, lại thấy trên đường có vật bỏ rơi, hoặc thấy người xách thùng không, hoặc thấy Sa Môn đi một mình, lại thấy cọp, sói, chồn, kên kên. Y sĩ suy nghĩ từ người mời này đến ngày giờ thời tiết cùng những việc dọc đường

đều là điềm bất tường, người bệnh chắc khó trị, nhưng nếu ta không đến thời chẳng phải y sĩ. Dọc đường lại nghe có tiếng khóc than người chết, tiếng sụp, bẻ, gãy, tiếng té ngã. Lại nghe phương Nam có tiếng kên kên, có tiếng chim Xá Lợi, tiếng chó, tiếng chuột, tiếng chồn, tiếng thỏ, tiếng heo, y sĩ tự nghĩ : Toàn là những điềm bệnh khó trị.

Sau khi đến nhà, thấy người bệnh lúc lạnh lúc nóng, gân xương nhức, mắt đỏ lưu lệ, tiếng lỗ tai nghe đến ngoài, cổ họng nghẹn đau, trên lưỡi nước nở, sắc mặt đen tối, cát đầu chẳng nổi, mình khô không mồ hôi, đại tiện tiểu tiện bế tắc, cả thân sưng phù đỏ hồng dị thường, giọng nói chẳng đều, bụng đầy, nói không rõ.

Y sĩ xem xong hỏi người khám bệnh : Từ qua đến nay ý chí người bệnh thế nào ?

Người khám bệnh nói : "Thưa y sĩ ! Người này trước kia vốn kính tin Tam Bảo và chư Thiên, nay bỗng đổi khác không còn tin. Trước kia ưa bố thí nay thời bòn sẻn, trước kia ăn ít nay thời quá nhiều. Tánh vốn hào tốt nay thời tệ ác. Tánh vốn nhơn tử hiếu thuận, nay thời không cung kính cha mẹ". Y sĩ nghe xong đến ngửi người bệnh và sờ bóp trên thân, biết người bệnh quyết định sẽ chết, nhưng chẳng nói ra, bảo người khám bệnh rằng : "Nay tôi có việc gấp ngày mai tôi sẽ trở lại, người bệnh cần đừng thứ gì cử tha hồ chớ ngăn cản". Dặn xong y sĩ trở về nhà.

Rạng ngày, người nhà bệnh đến rước, y sĩ bảo rằng : "Việc tôi chưa xong thuốc cũng chế chưa rồi".

Nếu là người trí, thấy cử chỉ của y sĩ thời biết rằng : người bệnh ấy chắc chết.

Tâu Đại Vương ! Đức Thế Tôn cũng như vậy, đầu biết rõ căn tánh hàng nhất xiển đề, nhưng đức Phật cũng vì họ mà thuyết pháp vì nếu không thuyết pháp cho họ, tất cả phàm phu sẽ cho rằng đức Như Lai không tâm đại từ bi, đâu nên gọi là bậc Nhất thiết trí. Vì có tâm đại từ bi mới gọi là bậc Nhất thiết trí, do đây nên đức Như Lai thuyết pháp cho hạng nhất xiển đề.

Đức Như Lai gặp những người bệnh thời liền ban bố pháp dược, người bệnh nếu chẳng chịu uống đó chẳng phải là lỗi của Như Lai.

Hạng nhất xiển đề chia ra làm hai : Một là hạng đặng căn lành hiện tại, hai là hạng đặng căn lành đời sau.

Đức Như Lai biết rõ hạng nhất xiển đề những kẻ hiện tại có thể đặng thiện căn thời thuyết pháp cho. Những kẻ đời sau đặng thiện căn đức Phật cũng thuyết pháp cho họ, nay dầu vô ích nhưng để làm nhơn cho đời sau. Do đây nên đức Như Lai vì hạng nhất xiển đề mà giảng thuyết pháp yếu.

Lại có hai hạng nhất xiển đề : Một là hạng lợi căn, hai là hạng trung căn. Hạng lợi căn nơi đời hiện

tại có thể đặng thiện căn, hạng trung căn thời đời sau sẽ đặng.

Chư Phật không bao giờ thuyết pháp mà không lợi ích.

Ví như người sạch sẽ té trong hầm tiêu, có Thiện tri thức thấy vậy xót thương liền nắm tóc kéo ra khỏi hầm. Cũng vậy, chư Phật thấy chúng sanh đọa trong ba đường ác nên phương tiện cứu tế làm cho đặng thoát khỏi. Do đây nên đức Như Lai vì hạng nhất xiển đề mà thuyết pháp.

Vua bảo Kỳ Bà : "Nếu đức Như Lai thật có những điều như vậy, rạng ngày sẽ chọn ngày lành giờ tốt rồi chúng ta sẽ đến gặp Phật".

Kỳ Bà tâu : "Trong giáo pháp của đức Như Lai không có chọn lựa ngày lành giờ tốt. Tâu Đại Vương như người bệnh nặng đâu nên chọn ngày giờ tốt xấu, chỉ nên gấp cầu lương y. Nay Đại Vương bệnh nặng phải gấp cầu Phật, chớ nên chờ chọn ngày lành giờ tốt.

Tâu Đại Vương ! Như lửa chiên đàn cùng lửa y lan, tướng lửa cháy hai thứ không khác nhau. Cũng vậy, ngày tốt ngày xấu, nếu đến chỗ Phật đều được diệt tội. Mong Đại Vương giờ đây nên gấp qua gặp Phật".

Vua A Xà Thế liền bảo cận thần Kiết Tường : "Nay ta muốn đến chỗ đức Phật, Khanh mau sắm sửa đồ cúng dường".

Vua A Xà Thế cùng phu nhơn xa giá một muôn hai ngàn cỗ, voi lớn năm ngàn thớt, trên mỗi thớt voi đều chở ba người mang cầm phan lọng, hoa hương, kỹ nhạc, nhiều thứ đồ cúng dường, dắt theo mười tám muôn kỵ mã. Nhơn dân trong nước Ma Đà Đà năm mươi tám muôn người đồng đi theo vua.

Lúc bảy giờ nơi thành Câu Thi Na, đại chúng tựu hội tất cả mười hai do tuần, mọi người đều thấy vua A Xà Thế cùng quân dân từ xa đi đến.

Đức Phật bảo đại chúng : "Nhơn duyên gần với Vô thượng Bồ Đề của tất cả chúng sanh không gì trước hơn bạn lành. Vì vua A Xà Thế, nếu chẳng nghe lời Kỳ Bà, ngày mùng bảy tháng tới quyết định phải chết đọa ngục A Tỳ".

Vua A Xà Thế lúc đi dọc đường được biết tin vua Tỳ Lưu Ly ngồi thuyền vào biển bị lửa cháy mà chết. Tỳ Kheo Cù Ca Ly, đất nứt, thân sống sa vào địa ngục A Tỳ. Còn Tu Na Sát Đa gây tạo những tội ác đến ra mắt Phật các tội đều đặng tiêu trừ. Vua nghe những tin này nói với Tỳ Bà rằng : "Nay ta đầu được nghe những tin ấy nhưng còn chưa chắc. Khanh đến ngồi chung một thớt voi với ta. Giả sử ta bị đọa địa ngục trông mong Khanh nắm giữ ta chớ để ta bị đọa. Vì ngày trước ta từng nghe những người đắc đạo chẳng vào địa ngục".

Phật bảo đại chúng : "Vua A Xà Thế còn lòng nghi, nay Phật sẽ làm cho vua được tâm quyết định".

Trong Pháp hội có một vị Bồ Tát hiệu là Trì Nhứt Thiết bạch Phật rằng : "Trước kia Phật nói tất cả pháp đều không có tướng nhứt định, sắc không tướng nhứt định, nhãn đến Niết Bàn cũng không tướng nhất định. Tại sao hôm nay nói rằng vì vua A Xà Thế làm cho được tâm quyết định ?".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Nay Phật sẽ làm cho vua A Xà Thế có tâm quyết định, vì nếu tâm nghi ngờ của vua có thể phá hoại được, nên biết rằng tâm này là không quyết định. Nếu tâm của vua là quyết định, thời tội nghịch của vua làm sao tiêu tan được. Vì không quyết định nên có thể tiêu trừ tội nghiệp".

Vua A Xà Thế đến rừng Ta La Song Thọ ngược lên thấy đức Như Lai đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, dường như tòa núi vàng ròng.

Đức Thế Tôn cất tiếng phạm âm chào vua : "Đại Vương !".

Lúc đó vua A Xà Thế nhìn ngó hai bên tự nghĩ rằng : Không rõ ai là Đại Vương trong đại chúng này. Ta là người nhiều tội lại không phước đức, đức Như Lai chẳng lẽ gọi ta là Đại Vương !

Đức Như Lai lại lên tiếng gọi : "Đại Vương A Xà Thế !".

Vua nghe dứt lời trong lòng rất vui mừng nghĩ rằng : "Nay đức Như Lai chiếu cố đến ta rõ là đức Như Lai có lòng đại bi bình đẳng đối với tất cả chúng sanh ".

Vua bạch Phật rằng : "Thế Tôn nay lòng tôi không còn nghi ngờ quyết định biết rằng đức Như Lai bậc Đại sư Vô thượng của tất cả chúng sanh.

Ca Diếp Bồ Tát nói với Trì Nhất Thiết Bồ Tát : "Đức Như Lai đã làm cho vua A Xà Thế được tâm quyết định".

Vua A Xà Thế bạch Phật : Thế Tôn ! Giả sử hôm nay tôi được ngồi chung ăn uống với Phạm Vương, Đế Thích cũng chẳng vui mừng bằng một lời kêu gọi của đức Như Lai.

Vua liền đem những phan lọng hoa hương kỹ nhạc dâng lên Phật, đánh lễ chân Phật đi nhiễu bên hữu ba vòng, rồi ngồi qua một phía. Phật nói : "Này Đại Vương ! Nay Phật sẽ vì nhà vua mà nói pháp yếu. Nhà vua nên hết lòng lắng nghe !".

Hạng phàm phu cần phải chuyên tâm quán sát nơi thân có hai mươi việc : Một là trong thân của ta đây không có công đức vô lậu, hai là không căn lành, ba là chưa đặt điều thuận, bốn là sa rớt hầm sâu không chỗ nào chẳng đáng sợ, năm là dùng phương tiện gì để thấy Phật tánh, sáu là tu thiền định thế nào để được thấy Phật tánh, bảy là sanh tử khổ luôn không có thường

không ngã không định, tám là khó thoát khỏi tám nạn, chín là thường bị oan gia theo dõi, mười là không có một pháp gì ngăn được những hữu lậu, mười một là chưa thoát khỏi ba đường ác, mười hai là đầy đủ những ác kiến, mười ba là chưa qua khỏi bờ ngũ nghịch, mười bốn là chưa qua khỏi dòng sanh tử không bờ, mười lăm là chẳng tạo nghiệp lành chẳng được quả báo lành, mười sáu là không có ta làm mà người khác chịu quả, mười bảy là chẳng gây nhơn vui thời trọn không quả vui, mười tám là nếu đã tạo nghiệp thời quả báo trọn chẳng mất, mười chín là do vô minh mà sanh cũng do vô minh mà chết, hai mươi là quá khứ, vị lai và hiện tại thường buông lung phóng dật. Nay Đại Vương ! Người phạm nên quán sát thân này có hai mươi điều như vậy. Do quán sát này nên chẳng ưa thích sanh tử. Nếu chẳng ưa thích sanh tử thời được chỉ quán. Theo thứ tự quán tướng sanh, trụ, diệt nơi tâm. Quán định, huệ, tinh tấn, trì giới cũng như vậy. Quán tướng sanh trụ diệt rồi biết rõ tâm tướng nhĩn đến giới tướng thời trọn chẳng làm ác, không có sợ chết cũng không sợ ba ác đạo. Nếu chẳng chuyên tâm quán sát hai mươi điều như vậy thời tâm buông phóng dật không việc ác nào chẳng làm.

Vua thưa : "Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa nơi lời Phật dạy : Từ trước tôi chưa từng quán sát hai mươi điều ấy, nên gây tạo những tội ác. Do đó nên sợ chết và sợ ba ác đạo .

Bạch Thế Tôn ! Tôi tự chuốc họa tạo tội ác lớn :

Vua cha vô tội, tôi lại làm hại. Đối với hai mươi điều này tôi đâu có quán sát hay không quán sát quyết định sẽ bị dọa địa ngục A tỳ".

Phật nói : "Này Đại Vương ! Tất cả pháp, tánh, tướng của nó đều vô thường không có quyết định. Sao nhà vua lại nói quyết định sẽ dọa địa ngục A Tỳ ?".

Vua thưa : "Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp không tướng nhất định, thời tội giết cha của tôi cũng sẽ không nhất định. Nếu tội giết hại là nhất định thời tất cả pháp chẳng phải là nhất định".

Phật nói : "Này Đại Vương ! Lành thay ! Lành thay ! Chư Phật nói tất cả pháp đều không tướng nhất định, nhà vua lại có thể rõ biết tội giết hại cũng chẳng nhất định.

Này Đại Vương ! Như lời nhà vua nói : Vua cha vô tội lại làm hại. Gì là cha ? Chỉ ở nơi danh từ giả, năm ấm chúng sanh mà vọng tưởng là cha. Trong thập nhị nhập cùng thập bát giới, cái gì là cha ? Nếu sắc ấm là cha thời sắc ấm kia lẽ ra không phải. Nếu bốn ấm là cha thời bốn ấm cũng lẽ ra không phải. Nếu sắc cùng phi sắc hiệp lại làm cha thời không đúng lý, vì tánh của sắc cùng phi sắc vốn không hiệp.

Này Đại Vương ! Chúng sanh phạm phu đối với sắc ấm này vọng tưởng là cha. Sắc ấm như vậy cũng không thể hại được. Vì sắc ấm có mười thứ,

trong mười thứ này riêng sắc là có thể thấy, có thể nắm lấy, có thể cân, có thể lường, có thể trói, có thể kéo. Dầu có thể thấy, có thể trói, nhưng tánh của sắc vẫn chẳng trụ. Vì chẳng trụ nên không thể thấy được, cũng không thể nắm cầm cân lường kéo dắt cột trói. Sắc tướng đã như vậy thời thế nào giết hại được. Nếu sắc là cha có thể giết hại mắc phải tội báo, thời chín thứ kia lẽ ra không phải là cha. Nếu chín thứ chẳng phải là cha thời lẽ ra không mắc tội.

Này Đại Vương ! Sắc có ba thứ : Quá khứ, vị lai và hiện tại. Quá khứ và hiện tại thời không thể giết hại. Vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại lại niệm niệm diệt. Chỉ vì ngăn vị lai không sanh nên gọi là giết. Một thứ sắc như vậy, hoặc có giết được, hoặc chẳng giết được. Chẳng giết thời sắc chẳng nhất định. Nếu sắc chẳng nhất định thời giết cũng chẳng nhất định. Vì giết chẳng nhất định nên quả báo cũng chẳng nhất định. Sao nhà vua lại nói quyết định đọa địa ngục ? Này Đại Vương ! Tội nghiệp của tất cả chúng sanh tạo ra có hai thứ : Một là tội khinh, hai là tội trọng. Nếu tâm và khẩu gây tạo thời gọi là tội khinh, tâm khẩu và tâm gây tạo thời gọi là tội trọng. Tâm nghĩ miệng nói mà thân chẳng làm thời mắc quả báo nhẹ. Ngày trước Đại Vương chẳng bảo giết, chỉ nói chặt chân. Đại Vương nếu truyền lệnh lập tức chém đầu vua cha, thì thân

liền chém, còn chẳng mắc tội, huống là Đại Vương chẳng truyền lệnh. Nếu Đại Vương mắc tội thời chư Phật lẽ ra cũng mắc tội. Vì Tiên Vương Tần Bà Ta La thường vun trồng những căn lành nơi chư Phật, do đó nên ngày nay được làm vua. Nếu chư Phật chẳng thọ sự cúng dường thời Tiên Vương chẳng có phước làm vua. Nếu Tiên Vương chẳng làm vua thời Đại Vương đâu có vì nước mà giết hại. Nếu Đại Vương giết cha mà có tội, thời chư Phật chúng ta lẽ ra cũng có tội. Còn nếu chư Phật không mắc tội sao Đại Vương lại riêng mắc tội ư ?

Này Đại Vương ! Tiên Vương Tần Bà Ta La ngày trước có tâm ác : đi săn nơi núi Tỳ Phú La, tìm muôn thú khắp nơi không đặng chỉ gặp một Tiên Nhơn chứng ngũ thông, Tiên Vương giận nói bị người này nên hôm nay ta đi săn không gặp muôn thú. Tiên Vương đuổi đi rồi sai quan hầu theo giết. Lúc sắp chết Tiên Nhơn sanh lòng oán giận, mất thần thông, thệ rằng : Ta thật vô tội, người dùng tâm khẩu giết hại ta, đời sau ta cũng dùng tâm khẩu mà hại người.

Tiên Vương nghe lời ấy trong lòng ăn năn, bèn cúng dường chôn cất tử thi.

Ngày trước Tiên Vương như vậy còn được thọ báo nhẹ chẳng đọa địa ngục, huống là Đại Vương chẳng như vậy, Tiên Vương tự làm ra trở lại tự thọ lấy, sao nhà vua lại mắc phải tội giết hại.

Như nhà vua nói : Vua cha không tội. Nay Đại Vương sao lại nói rằng không tội ? Luận về người không nghiệp ác thời không tội báo, người có tội thời có tội báo. Tiên Vương kia nếu vô tội thời đâu có thọ báo. Tiên Vương Tần Bà Ta La trong hiện đời cũng đặng quả lành cùng quả ác. Do đây nên Tiên Vương cũng là chẳng nhất định. Do vì chẳng nhất định nên giết hại cũng chẳng nhất định. Giết hại đã chẳng nhất định sao nhà vua lại nói rằng quyết định đọa địa ngục.

Này Đại Vương ! Chúng sanh điên cuồng có bốn hạng : Một là tham vọng mà điên cuồng, hai là bị thuốc mà điên cuồng, ba là bị bùa chú mà điên cuồng, bốn là do nghiệp duyên đời trước mà điên cuồng.

Trong hàng đệ tử Phật nếu mắc phải bốn chứng điên cuồng này, dầu tạo nhiều tội ác, ta trọn chẳng nhận người này là phạm giới. Người này tạo tội chẳng đọa ba đường ác. Lúc tâm tỉnh trở lại ta cũng chẳng gọi là phạm.

Đại Vương vì tham ngôi quốc vương mà nghịch hại vua cha, do tham cuồng gây tạo sao lại gọi mắc tội. Như người say rượu giết hại thân mẫu, lúc đã tỉnh say sanh lòng hối hận, nghiệp giết mẹ này cũng chẳng tội báo.

Đại Vương nay tham say nơi ngôi vua, chẳng phải bốn tâm làm tội nghịch đó, sao lại bảo là mắc tội.

Ví như nhà ảo thuật, nơi ngã tư đường, dùng chú thuật hóa ra những thứ trai, gái, voi, ngựa, chuỗi ngọc, y phục. Người ngu cho đó là thật, người trí biết chẳng phải thật.

Cũng vậy, sự giết hại, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Ví như tiếng vang trong khe núi, người ngu cho là tiếng thật, người trí biết là chẳng phải thật. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như có kẻ oán thù giả đến gần gũi, người ngu si nhận là thật thân thuộc, người trí rõ biết là giả trá. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như người soi gương tự thấy bóng mặt, người ngu cho là mặt thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như ánh nắng gợn lúc trời nắng gắt, người ngu đứng xa thấy cho là nước, người trí rõ biết chẳng phải nước. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

Như thành Càn Thát Bà, người ngu cho là thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Sát hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

Như người ngủ mơ, thấy hưởng vui ngũ dục, người ngu cho là thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Giết hại cũng như vậy, phạm phu cho là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

Này Đại Vương ! Cách thức giết, nghiệp giết, người giết, quả giết, nhẫn đến giải thoát, ta đều rõ thấu tất cả, ta vẫn không có tội. Đại Vương dầu biết giết hại, nhưng sao lại có tội ?

Ví như có người cai quản hăng rượu người này nếu không uống thời cũng chẳng say. Lại như người biết lửa cũng chẳng bị đốt cháy. Đại Vương cũng như vậy, dầu biết giết hại nhưng sao lại có tội ?

Này Đại Vương ! Có những chúng sanh lúc mặt trời mọc tạo nhiều tội, lúc mặt trăng mọc lại đi trộm cướp, lúc mặt trời, mặt trăng chẳng mọc thời chẳng làm việc ác, dầu nhân mặt trời mặt trăng khiến người đó làm ác, nhưng mặt trời mặt trăng thật không mắc tội. Sát hại cũng như vậy, dầu nhân nơi Đại Vương nhưng Đại Vương thật không mắc tội.

Như trong cung, vua thường xuyên truyền lệnh làm thịt dê, lòng vua vốn không nghi sợ, tại sao ở nơi vua cha riêng sanh lòng sợ, dầu là người cùng cầm súc có tôn ty sai khác, nhưng quý sanh mạng cũng sợ chết không khác nhau. Có sao đối với loài dê lòng khinh không sợ, còn nói vua cha lòng trọng lo khổ.

Người đời là tội tố của tham ái, bị tham ái sai khiến mà làm việc giết hại, giả sử có quả báo thời là tội của tham ái, Đại Vương bị sai sử thời có tội gì.

Như Niết Bàn chẳng phải có chẳng phải không mà cũng là có. Sát hại cũng như vậy, đầu chẳng phải có chẳng phải không mà cũng là có. Người tầm quý thời là chẳng phải có, người không tầm quý thời là chẳng phải không, người thọ quả báo thời gọi là có. Người chấp không thời là chẳng phải có, người chấp có thời là chẳng phải không, người có chấp có cũng gọi là có. Vì người có chấp có thời mắc quả báo, người không chấp có thời không mắc quả báo. Người chấp thường thời là chẳng phải có, người không chấp thường thời là chẳng phải không, người có thường kiến thời chẳng đặng gọi là không, vì người có thường kiến thời có nghiệp quả ác. Nên nghĩa này đầu chẳng phải có chẳng phải không, mà cũng là có.

Này Đại Vương ! Xét về chúng sanh gọi là hơi thở ra vào, vì làm dứt hơi thở ra vào cho nên gọi là giết hại. Chư Phật thuận theo thế tục cho nên cũng nói là giết hại !.

Này Đại Vương ! Sắc uẩn là vô thường, non duyên của sắc cũng là vô thường, đã từ non vô thường mà sanh thời sắc uẩn sao lại là thường, nhĩn đến thức ấm cũng như vậy. Do vô thường nên khổ, do khổ nên không, do không nên vô ngã. Nếu khổ

thường, khổ, không, vô ngã thời món nào giết hại ? Giết hại vô thường đặng Niết Bàn thường, giết hại khổ đặng lạc, giết hại không đặng chân thật, giết hại vô ngã đặng chân ngã.

Này Đại Vương ! Nếu giết vô thường, khổ, không, vô ngã thời cùng với Phật đồng. Phật cũng giết vô thường, khổ, không, vô ngã chẳng bị đọa vào địa ngục, Đại Vương sao lại bị đọa ?

Lúc đó vua A Xà Thế đứng theo lời Phật dạy quán sát sắc ấm nhãn đến quán sát thức ấm. Vua quán sát như vậy rồi liền bạch Phật : "Thế Tôn ! Nay tôi mới biết sắc là vô thường nhãn đến thức là vô thường. Trước kia nếu tôi biết được như vậy thời chẳng gây tạo tội nghịch.

Bạch Thế Tôn ! Tôi từng nghe chư Phật là cha mẹ của chúng sanh. Dầu nghe như vậy nhưng chưa có lòng tin chắc. Nay tôi mới tin quyết định.

Bạch Thế Tôn ! Tôi cũng từng nghe núi Tu Di do bốn chất báu hiệp thành là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Nếu có loài chim đậu chỗ nào trên núi, màu chim liền đồng với màu núi, dầu nghe như vậy tôi cũng chẳng tin chắc. Nay tôi đến trong pháp hội của Phật liền được đồng màu sắc, nghĩa là tôi rõ biết các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã.

Bạch Thế Tôn ! Tôi thấy từ hột Y lan mọc lên cây Y lan chẳng thấy hột Y lan mọc lên cây Chiên

đàn. Nay tôi mới được thấy từ hột Y lan mọc lên cây Chiên đàn. Hột Y lan chính là thân tôi, cây Chiên đàn chính là tâm vô căn tín của tôi. Vô căn chính là từ trước tôi chẳng biết cung kính Như Lai, chẳng tin chánh pháp cùng Tăng chúng, đây gọi là vô căn.

Bạch Thế Tôn ! Nếu tôi chẳng gặp đức Như Lai sẽ phải thọ vô lượng khổ nơi đại địa ngục trong vô lượng vô số kiếp. Nay tôi được gặp Phật trọn nên công đức, phá hoại tất cả tâm ác phiền não của chúng sanh".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Nay Đại Vương ! Nay Phật biết nhà vua chắc chắn có thể phá hoại tâm ác của chúng sanh".

Bạch Thế Tôn ! Nếu tôi thật có thể phá hoại tâm ác của chúng sanh, thời tôi thường ở A Tỳ địa ngục trong vô lượng kiếp vì chúng sanh chịu mọi sự khổ não tôi cũng chẳng lấy làm khổ.

Lúc đó vô lượng nhân dân nước Ma Đà Đà đều phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Nhờ sự phát tâm của nhân dân, tội nặng của vua A Xà Thế liền nhẹ bớt.

Nhà vua cùng phu nhân các thế nữ đồng phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Vua A Xà Thế bảo Kỳ Bà rằng : "Nay ta chưa chết đã đặng thân trời, bỏ mạng ngấn đặng mạng trường thọ, bỏ thân vô thường đặng thân chân thường. Làm cho các chúng sanh phát tâm Vô thượng

Bồ Đề chính là thân trời, mạng trường thọ, thân chân thường, cũng chính là đệ tử của tất cả chư Phật".

Nói xong, nhà vua bèn đem các thứ tràng báu, phan lọng báu, hương hoa, chuỗi ngọc, kỹ nhạc cúng dường đức Phật.

Cúng dường xong nhà vua lại nói kệ tán thán :

Lời chân thật rất vi diệu
 Khéo léo nơi câu cùng nghĩa
 Tạng pháp rất sâu bí mật
 Vì chúng sanh nên hiển bày.
 Bao nhiêu lời dạy rộng rãi
 Vì chúng sanh nên nói lược
 Đây đủ những lời như vậy
 Khéo chữa được bệnh chúng sanh.
 Nếu có các hàng chúng sanh
 Đặng nghe lời dạy của Phật
 Có lòng tin hoặc chẳng tin
 Quyết định biết là lời Phật.
 Lời chư Phật thường dịu dàng
 Vì chúng sanh nên nói thô
 Lời thô cùng lời dịu dàng
 Đều về đến đệ nhất nghĩa.
 Do cố này nên hôm nay
 Tôi quy y đức Thế Tôn.

Như lời bình đẳng nhất vị
Dường như nước trong biển cả
Đây gọi là đệ nhất nghĩa
Nên không có lời vô nghĩa.
Hôm nay đức Như Lai nói
Vô lượng vô số pháp yếu
Nam nữ già trẻ được nghe
Đồng thấy đặng đệ nhất nghĩa.
Không có nhân cũng không quả
Không có sanh và không diệt
Đây gọi là Đại Niết Bàn
Người nghe phá kiết sử.
Đức Như Lai vì tất cả
Thường làm cha cùng mẹ lành
Nên biết các hàng chúng sanh
Đều là con của Như Lai
Đức Thế Tôn đại từ bi
Vì chúng sanh nên khổ hạnh
Như người bị ma quỷ dựa
Cuồng loạn tạo nhiều tội ác.
Nay tôi đặng thấy Như Lai.
Ba nghiệp đều được lành tốt
Nguyện đem những công đức này
Hồi hướng Phật đạo vô thượng.

Hôm nay chỗ tôi cúng dường
 Đức Phật, Pháp và chúng Tăng
 Nguyên đem những công đức này
 Tam Bảo thường ở thế gian.
 Ngày nay chỗ tôi sẽ đặng
 Tất cả vô lượng công đức
 Nguyên dùng đây để phá hoại
 Bốn thứ ma của chúng sanh
 Ngày trước tôi gặp bạn ác
 Gây tạo tội nghiệp ba đời
 Nay đối trước Phật sám hối
 Nguyên sau này chẳng lại phạm.
 Cầu cho tất cả chúng sanh
 Đều phát tâm Đại Bồ Đề
 Chuyên tâm thường siêng nghĩ nhớ
 Tất cả chư Phật mười phương.
 Lại nguyện tất cả chúng sanh
 Phá hẳn những giặc phiền não
 Được thấy Phật tánh rõ ràng
 Như Ngài Văn Thù Bồ Tát.

Đức Thế Tôn khen vua A Xà Thế ! "Lành thay !
 Lành thay ! Nếu có người phát được tâm Vô thượng
 Bồ Đề, phải biết người này trang nghiêm chư Phật
 cùng đại chúng.

Này Đại Vương ! Thuở xưa nhà vua ở nước Tỳ Bà Thi đã phát tâm Vô thượng Bồ Đề, từ đó đến ngày nay chưa từng bị đọa địa ngục, nên biết tâm Bồ Đề có vô lượng quả báo lành như thế.

Này Đại Vương ! Từ nay về sau nhà vua phải thường siêng tu tâm Bồ Đề, vì tu tâm Bồ Đề sẽ tiêu diệt được vô lượng tội ác".

Vua A Xà Thế cùng nhân dân nước Ma Đà Đà đi nhiễu Phật ba vòng, lễ từ trở về cung.

Phẩm Thiên Hạnh như trong kinh Tạp Hoa đã nói.



PHẨM ANH NHI HẠNH

Thứ hai mươi mốt

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Thế nào gọi là Anh Nhi Hạnh ?

Này Thiện nam tử ! Chẳng có thể đứng dậy, đi tới, đi lui, nói chuyện, đây gọi là Anh Nhi. Cũng vậy, đức Như Lai chẳng thể khởi dậy, vì Như Lai trọn chẳng khởi các pháp tướng. Cũng chẳng thể đứng dừng, vì Như Lai chẳng chấp trước tất cả pháp. Chẳng thể đến vì thân hình của Như Lai không có lay động. Cũng chẳng thể đi vì Như Lai đã đến Đại Niết Bàn. Chẳng thể nói, vì Như Lai dầu nói pháp cho tất cả chúng sanh nhưng thật ra không chỗ nói. Bởi có chỗ nói thời gọi là pháp hữu vi, do đây nên không chỗ nói. Lại không ngôn ngữ, như Anh Nhi ngôn ngữ chưa rõ, dầu có ngôn ngữ thật ra không ngôn ngữ. Cũng vậy, ngôn ngữ chưa

rõ chính là lời bí mật của chư Phật, dầu có nói, chúng sanh cũng chẳng hiểu nên gọi là không ngôn ngữ. Lại như Anh Nhi gọi tên những đồ vật chẳng duy nhất, vì chưa biết rõ tên chánh, dầu gọi tên đồ vật chẳng duy nhất chưa biết rõ tên chánh, nhưng chẳng phải chẳng nhân nơi đây mà đặng biết đồ vật. Cũng vậy, tất cả chúng sanh, giống loại, nơi chỗ, ngôn ngữ chẳng đồng. Như Lai phương tiện thuận theo tiếng của họ mà nói, cũng làm cho tất cả loài, nhân nơi đó đặng hiểu biết.

Lại Anh Nhi có thể nói được chữ cái. Cũng vậy, đức Như Lai nói chữ cái, như nói "Bà" "Hòa". "Hòa" là hữu vi, "Bà" là vô vi, đây gọi là Anh Nhi. "Hòa" là vô thượng, "Bà" là thường. Như Lai nói thường, chúng sanh nghe rồi vì cầu pháp thường mà dứt vô thường, đây gọi là Anh Nhi hạnh. Lại Anh Nhi chẳng biết khổ, vui, ngày, đêm, cha, mẹ. Cũng vậy, đại Bồ Tát vì chúng sanh nên chẳng biết khổ vui, không tướng ngày đêm, tâm bình đẳng đối với chúng sanh nên không có cha mẹ thân sơ sai khác.

Lại Anh Nhi chẳng thể tạo tác những việc lớn việc nhỏ. Cũng vậy, Bồ Tát chẳng tạo nghiệp sanh tử, đây gọi là chẳng làm việc lớn, việc lớn tức là tội ngũ nghịch. Việc nhỏ tức là tâm Thanh Văn, Duyên Giác. Bồ Tát trọn chẳng thối tâm tâm Bồ Đề mà tu hạnh Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Lại như Anh Nhi lúc kêu khóc, cha mẹ liền lấy lá dương vàng mà bảo rằng : Nín đi đừng khóc ! Vàng đây ta cho con. Anh Nhi thấy lá dương vàng tưởng là vàng thật bèn thôi không khóc nữa. Nhưng đây là lá dương chẳng phải vàng thật. Trâu gỗ, ngựa gỗ, người gỗ, Anh Nhi cũng tưởng là trâu, ngựa, người thật, liền chẳng khóc nữa. Do vì chẳng phải thật trâu ngựa v.v.. mà tưởng là thật trâu, ngựa v.v... nên gọi là Anh Nhi.

Đức Như Lai cũng như vậy. Nếu có chúng sanh muốn tạo tội ác, đức Như Lai vì họ mà nói trời Đao Lợi Thiên là cõi tốt đẹp an vui tự tại. Chúng sanh nghe cõi vui đẹp như vậy, sanh lòng ưa thích bèn thôi chẳng tạo tội ác, mà siêng thật hành những nghiệp lành. Nhưng thật ra cõi trời Đao Lợi là sanh tử chẳng phải thật là an vui tự tại.

Lại như có chúng sanh nhằm khổ sanh tử, đức Như Lai vì họ nói hạnh quả Nhị thừa, nhưng thật ra quả Nhị thừa chẳng phải rốt ráo chân thật, vì hàng Nhị thừa biết lỗi sanh tử, thấy vui Niết Bàn bèn có thể tự biết có dứt cùng chẳng dứt, có chân thật cùng chẳng chân thật, có tu cùng chẳng tu, có chứng đặng cùng chẳng chứng đặng. Như Anh Nhi kia đôi với vật chẳng phải vàng mà tưởng là vàng thật.

Đức Như Lai ở trong chỗ bất tịnh mà nói là tịnh, vì đã chứng được đệ nhất nghĩa đế nên Như Lai không có hư vọng.

Như Anh kia đối với những vật không phải trâu ngựa mà tưởng là trâu ngựa thật. Nếu có chúng sanh ở nơi phi đạo mà tưởng là chân đạo, Như Lai cũng nói phi đạo là đạo, nơi phi đạo thật không có đạo, vì có thể làm chút ít như duyên sanh ra đạo nên nói phi đạo là đạo.

Như Anh Nhi kia đối với người gỗ mà tưởng là người thật. Cũng vậy, Như Lai biết chẳng phải chúng sanh mà nói tướng chúng sanh, nhưng thật ra không có tướng chúng sanh. Nếu Như Lai nói không chúng sanh thì tất cả chúng sanh sẽ đọa tà kiến. Do đây nên Như Lai nói có chúng sanh, những người đối với chúng sanh mà tưởng là chúng sanh, thì không thể phá tướng chúng sanh. Nếu ở nơi chúng sanh phá được tướng chúng sanh, người này có thể đặng Đại Niết Bàn. Do đặng Đại Niết Bàn như vậy nên chẳng còn kêu khóc nữa. Đây gọi là Anh Nhi hạnh.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người thọ trì, đọc tụng, thơ tả, giải thuyết năm hạnh này, nên biết rằng người này quyết định sẽ được năm hạnh như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Theo như chỗ tôi hiểu, y cứ theo lời của Phật dạy, thì tôi cũng quyết định sẽ đặng năm hạnh này".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Chẳng riêng gì ông đặng năm hạnh như vậy, nay trong hội này có chín mươi ba muôn người cũng đồng được năm hạnh như ông".

Hết Tập I



BỔ KHUYẾT TÂM KINH
MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA
TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhưt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử ! Sắc bất dị không không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc ; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị. Xá Lợi Tử ! Thị chư pháp không tướng : bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức ; vô nhān, nhī, tỳ, thiết, thân, ý ; vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp ; vô nhān giới nāi chí vô ý thức giới ; vô vô minh diệc vô vô minh tận, nāi chí vô lão tử diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo ; vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn.

Tam thế chư Phật y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.

Cố tri Bát nhã Ba la mật, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú. Túc thuyết chú viết :

"Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha".



VĂNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHƠN NGÔN

Nam mô A di đa bà dạ, đa tha già đa dạ, đa diệt dạ tha. A di rị đô bà tỳ, a di rị đa, tất dam bà tỳ, a di rị đa, tỳ ca lan đế, a di rị đa, tỳ ca lan đa, già di nị già già na, chỉ đa ca lệ ta bà ha. (3 lay).

Khể thủ Tây phương An Lạc quốc

Tiếp dẫn chúng sanh đại đạo sư.

Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sanh

Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ.

Ngã kim phổ vị tứ ân tam hữu, cập pháp giới chúng sanh cầu ư chư Phật, nhứt thừa Vô thượng Bồ Đề đạo cố, chuyên tâm trì niệm A Di Đà Phật, vạn đức hồng danh kỳ sanh Tịnh Độ. Duy nguyện Từ Phụ A Di Đà Phật ai lân nhiếp thọ từ bi gia hộ.

A Di Đà Phật thân kim sắc
 Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,
 Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
 Hám mục trùng thanh tứ đại hải,
 Quang trung hóa Phật vô số ức,
 Hóa Bồ Tát chúng diệp vô biên,
 Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh
 Cứu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.

Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại
 bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.

(niệm 10, 20, 30 câu tùy ý)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (10 tiếng)

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (10 tiếng)

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (10 tiếng)

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát
 (10 tiếng)



HỒI HƯỚNG

Đệ tử chúng đấng, hiện thị sanh tử phàm phu
 tội chương thâm trọng luân hồi lục đạo, khể bất khả
 ngôn ; kim ngộ tri thức, đắc văn A Di Đà danh hiệu,
 bốn nguyện công đức, nhứt tâm xưng niệm cầu

nguyện vãng sanh, nguyện Phật từ bi bất xả, ai lân
 nhiếp thọ, đệ tử chúng đấng, bất thức Phật thân,
 tướng hảo quang minh, nguyện Phật thị hiện, linh
 ngã đắc kiến cập kiến Quán Âm, Thế Chí, chư Bồ
 Tát chúng bỉ thế giới trung, thanh tịnh trang nghiêm,
 quang minh diệu tướng đấng, linh ngã liễu liễu đắc
 kiến A Di Đà Phật.

Ngã kim trì niệm A Di Đà

Túc phát Bồ Đề quảng đại nguyện :

Nguyện ngã định huệ tốc viên minh

Nguyện ngã công đức giai thành tựu

Nguyện ngã thắng phước biến trang nghiêm

Nguyện cộng chúng sanh thành Phật đạo,

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp.

Giai do vô thí tham sân si

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh

Nhút thiết ngã kim giai sám hối.

Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời

Tận trừ nhút thiết chư chướng ngại

Diện kiến ngã Phật A Di Đà

Túc đắc vãng sanh Cực Lạc sát

Ngã ký vãng sanh Cực Lạc dĩ

Hiện tiền thành tựu thứ đại nguyện

Nhứt thiết viên mãn tận vô dư
Lợi lạc nhứt thiết chúng sanh giới.
Ngã Phật chúng hội hàm thanh tịnh
Ngã thời ư thắng Liên hoa sanh
Thân Như Lai Vô lượng Quang
Hiện tiền thọ ngã Bồ Đề ký.
Mong ngã Như Lai thọ ký dĩ
Hóa thân vô số bá cu chi
Trí lực quảng đại biến thập phương
Phổ lợi nhứt thiết chúng sanh giới.
Chúng sanh vô biên thế nguyện độ,
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thế nguyện học,
Phật đạo vô lượng thế nguyện thành.
Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ Tát vi bạn hữu.
Nguyện dĩ thủ công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ

Nhược hữu kiến văn giả
 Túc phát Bồ Đề tâm
 Tận thử nhứt báo thân
 Đồng sanh Cực Lạc quốc,
 Tận thử nhứt báo thân
 Đồng sanh An Dưỡng quốc.



NGUYỆN

A Di Đà Phật, thường lai hộ trì, linh ngã thiện căn, hiện tiền tăng tấn, bất thất tịnh nhơn, lâm mạng chung thời, thân tâm chánh niệm, thị thính phân minh, diện phụng Di Đà, dữ chư Thánh chúng, thủ chấp hoa đài, tiếp dẫn ư ngã.

Nhứt sát na khoảnh, sanh tại Phật tiền, cụ Bồ Tát đạo, quảng độ chúng sanh đồng thành chủng trí.

Chí tâm đánh lễ : Nam Mô A Di Đà Phật Thế Tôn.

Nguyện ngã Tội chướng tất tiêu diệt. (1 lay)

Nguyện ngã Thiện căn nhứt tăng trưởng. (1 lay)

Nguyện ngã Thân tâm hàm thanh tịnh. (1 lay)

Nguyện ngã Nhứt tâm tảo thành tựu. (1 lay)

Nguyện ngã Tam muội đặc hiện tiền. (1 lay)

Nguyện ngã Tịnh nhơn tốc viên mãn. (1 lay)

Nguyện ngã Liên đài tự tiêu danh. (1 lay)

Nguyện ngã Kiến Phật ma đánh ký. (1 lay)

Nguyện ngã Dự tri mạng chung thời. (1 lay)

Nguyện ngã Vãng sanh Cực Lạc quốc. (1 lay)

Nguyện ngã Viên mãn Bồ Tát đạo. (1 lay)

Nguyện ngã Quảng độ chư chúng sanh. (1 lay)

Chí tâm qui mạng đánh lễ: Nam mô Tây phương
Cực Lạc thế giới giáo chủ, thọ quang thể tướng vô
lượng vô biên, từ thế hồng thâm, tứ thập bát nguyện
độ hàm linh, đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà
Như Lai biến pháp giới Tam bảo (1 lay)

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể
giải đại đạo, phát vô thượng tâm. (1 lay)

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm
nhập kinh tạng, trí huệ như hải. (1 lay)

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống
lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại. (1 lay)



MỤC LỤC

* NGHI THỨC SÁM HỐI	7
* NGHI THỨC TRÌ TỤNG	15
1. Phẩm TỰ thứ nhất	17
<i>(Hán bộ trọn quyển thứ nhất)</i>	
2. Phẩm THUẬN ĐÀ thứ hai	41
<i>(Hán bộ phần đầu quyển thứ hai)</i>	
3. Phẩm AI THÁN thứ ba	65
<i>(Hán bộ phần sau quyển thứ hai)</i>	
4. Phẩm TRƯỜNG THỌ thứ tư	83
<i>(Hán bộ phần đầu quyển thứ ba)</i>	
5. Phẩm KIM CANG THÂN thứ năm	105
<i>(Hán bộ phần giữa quyển thứ ba)</i>	
6. Phẩm DANH TỰ CÔNG ĐỨC thứ sáu	117
<i>(Hán bộ phần sau quyển thứ ba)</i>	
7. Phẩm TỬ TƯỚNG thứ bảy	121
<i>(Hán bộ trọn quyển thứ tư và thứ năm)</i>	
8. Phẩm TỬ Y thứ tám	185
<i>(Hán bộ trọn quyển thứ sáu)</i>	
9. Phẩm TÀ CHÁNH thứ chín	215
<i>(Hán bộ phần đầu quyển thứ bảy)</i>	
10. Phẩm TỬ ĐẾ thứ mười	231
<i>(Hán bộ phần giữa quyển thứ bảy)</i>	

11.	Phẩm TỨ ĐẢO thứ mười một	235
	<i>(Hán bộ phần sau quyển thứ bảy)</i>	
12.	Phẩm NHƯ LAI TÁNH thứ mười hai	239
	<i>(Hán bộ phần đầu quyển thứ tám)</i>	
13.	Phẩm VĂN TỰ thứ mười ba	273
	<i>(Hán bộ phần giữa quyển thứ tám)</i>	
14.	Phẩm ĐIẾU DỤ thứ mười bốn	283
	<i>(Hán bộ phần sau quyển thứ tám)</i>	
15.	Phẩm NGUYỆT DỤ thứ mười lăm	295
	<i>(Hán bộ phần đầu quyển thứ chín)</i>	
16.	Phẩm BỔ TÁT thứ mười sáu	305
	<i>(Hán bộ phần sau quyển thứ chín)</i>	
17.	Phẩm ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN thứ mười bảy	339
	<i>(Hán bộ phần đầu quyển thứ mười)</i>	
18.	Phẩm HIỆN BÌNH thứ mười tám	369
	<i>(Hán bộ phần sau quyển thứ mười)</i>	
19.	Phẩm THÁNH HẠNH thứ mười chín	389
	<i>(Hán bộ trọn quyển 11 - 12 - 13)</i>	
20.	Phẩm PHẠM HẠNH thứ hai mươi	489
	<i>(Hán bộ trọn quyển 14 - 15 - 16 - 17 và phần đầu quyển thứ 18)</i>	
21.	Phẩm ANH NHI HẠNH thứ hai mươi mốt	671
	<i>(Hán bộ phần sau quyển thứ 18)</i>	





NAM MÔ HỘ PHÁP TẠNG BỒ TÁT